

Số: ...118.3/CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 06 tháng 7 năm 2026

Nô: ...118.3/CV-ACBS.26

HCMC, July 6, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
*Name of organization: ACB SECURITIES COMPANY*
  - Mã thành viên/ *Broker code:* 006
  - Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.  
*Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC*
  - Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751  
*Telephone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751*
  - E-mail: [cbtt@acbs.com.vn](mailto:cbtt@acbs.com.vn)
- Nội dung thông tin công bố/ **Contents of disclosure:**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố:  
*ACB Securities Company Limited (ACBS) announces the disclosure of the following documents:*

  - Thông báo số 117.1/CV-ACBS.26 về chào bán trái phiếu ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1).  
*Notice No. 117.1/CV-ACBS.26 regarding the First Public Offering of Bonds in 2026 (Phase I).*
  - Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.  
*The Prospectus for the Public Offering of Bonds.*

Chi tiết theo file đính kèm/ *Details in attached file.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/7/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.  
*This information was published on the company's website on July 6, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ *Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người được UQ CBTT

*Person authorized to disclose information*

Giám đốc Nhân sự

*Chief Human Resources Officer* 



**Võ Đình Nam**

Số: 117.1/SN: ACBS. 06  
No: 117.1/SN: ACBS. 06

TPHCM, ngày 03 tháng 07 năm 2026  
Ho Chi Minh City, July 03, 2026

## THÔNG BÁO NOTIFICATION

**Chào bán trái phiếu ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1)**

**Initial public offering of bonds in 2026 (Tranche 1)**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 320/GCN-UBCK do  
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/06/2026)

(Certificate of Registration for Public Offering of Bonds No. 320/GCN-UBCK issued by the  
Chairman of the State Securities Commission on June 30, 2026)

### I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành/ Introduction to the Issuer

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty TNHH Chứng khoán ACB

*Issuer Name: ACB Securities Company*

2. Tên viết tắt/ Short name: ACBS

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

*Head Office Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu, Xuan Hou Ward, Ho Chi Minh City*

4. Số điện thoại/Tel: 028. 7300 7300 Fax: 028. 7300 3751 Website: www.acbs.com.vn

5. Vốn điều lệ: 11.000.000.000.000 đồng (Mười một nghìn tỷ đồng chẵn)

*Charter capital: VND 11,000,000,000,000 (Eleven trillion dong)*

6. Mã cổ phiếu (nếu có): Không

*Stock code (if any): None*

7. Nơi mở tài khoản thanh toán/ Place for opening payment account:

- Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Lê Ngô Cát/ Asia Commercial Bank – Le Ngo Cat Branch
- Số hiệu tài khoản/ Account No.: 1163999

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0302030508 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026.



*Business Registration Certificate: 0302030508 issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on June 29, 2000, with the 20<sup>th</sup> amendment registered on June 8, 2026.*

- *Ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán*
- *Primary business line: Securities brokerage*
- *Mã ngành/Industry code: 6612*
- *Sản phẩm/dịch vụ chính/ Main products/Services:*
  - *Môi giới chứng khoán/ Stockbroker*
  - *Tự doanh chứng khoán/ Securities trading*
  - *Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ Underwriting of securities*
  - *Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Stock investment consulting*

9. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 06/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu 29/06/2000, và điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2026.

*Securities Business Operation License: No. 06/GPHEKD, issued by the Chairperson of the State Securities Commission of Vietnam on June 29, 2000, most recently amended according to Amendment License No. 62/GPDC-UBCK dated May 29, 2026.*

## **II. Mục đích chào bán/ Purpose of the bond offering**

ACBS thực hiện phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán), phù hợp với quy định của pháp luật.

*ACBS conducts the bond offering to supplement working capital (100% invest in securities proprietary trading activities), in accordance with applicable regulations.*

## **III. Phương án chào bán/ Offering plan**

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026

*Bond name: The first public offering of ACBS bonds in 2026.*

Tên trái phiếu cụ thể của Đợt 1 là: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1)

*The specific bond name for Tranche 1 is: The first public offering of ACBS bonds in 2026 ([Tranche 1])*

2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo  
*Type of bonds: The bonds are non-convertible, without warrants, unsecured*
3. Mã trái phiếu: Sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định hiện hành sau khi Công ty TNHH Chứng khoán ACB hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký tập trung tại VSDC.  
*Bond code: Will be issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) in accordance with current regulations after ACB Securities Company Limited completes the offering and carries out centralized registration procedures at VSDC.*
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (Một trăm nghìn đồng)/trái phiếu  
*Par value of the Bond: VND 100,000 (One hundred thousand dong)/Bond*

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 30.000.000 (ba mươi triệu) trái phiếu, dự kiến chào bán 03 (ba) đợt, trong đó:

*Total number of bonds offered: 30,000,000 (thirty million) bonds, expected to be offered in 03 (three) tranches, including:*

- Số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1: 10.000.000 (Mười triệu) trái phiếu, cụ thể như sau:  
*The number of bonds offered to be issued in tranche 1: 10,000,000 (Ten million) bonds, specifically as follows:*

| Ký hiệu trái phiếu<br>Bond symbol | Số lượng (trái phiếu)<br>Number (bonds) |
|-----------------------------------|-----------------------------------------|
| ACBS-1.1                          | 3.000.000<br>3,000,000                  |
| ACBS-2.1                          | 3.000.000<br>3,000,000                  |
| ACBS-3.1                          | 4.000.000<br>4,000,000                  |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>10.000.000</b><br><b>10,000,000</b>  |

- Trường hợp trái phiếu chưa phát hành hết trong mỗi đợt, số lượng Trái phiếu còn lại chưa bán hết sẽ được hủy.  
*In the event that the bonds are not fully issued in each tranche, the remaining unsold Bonds will be cancelled.*
  - Thời gian chào bán của từng đợt phát hành không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt phát hành sau với đợt phát hành trước không quá 12 tháng.  
*The offering period of each issuance tranche will not exceed 90 days, and the interval between a subsequent issuance tranche and the preceding issuance tranche will not exceed 12 months.*
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng), trong đó:

*Total value of bonds offered at par value: VND 3,000,000,000,000 (Three trillion dong), of which:*

Giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)

*Value of bonds offered at par value, Tranche 1: VND 1,000,000,000,000 (One trillion dong)*

7. Giá chào bán: 100.000 VND (một trăm ngàn đồng)/trái phiếu

*Offering price: 100,000 VND (one hundred thousand dong) per bond.*

8. Lãi suất/ Interest:

- Phương thức lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định.  
*Applicable interest rate method: Fixed interest rate*
- Nguyên tắc để xác định mức lãi suất cố định: được căn cứ theo Lãi suất tham chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức:

The principle for determining a fixed interest rate: based on the Reference interest rate, interest rate margin, and is calculated using the following formula:

**Mức Lãi suất** = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất.

**Interest Rate** = Reference Interest Rate + Interest Rate Margin.

Trong đó, biên độ lãi suất trái phiếu áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu như sau:

Specifically, the interest rate margins applicable to three bond groups are as follows:

| Nhóm trái phiếu                   | Đợt phát hành/ <i>Tranches</i> |                  |                | Biên độ lãi suất (%)            |
|-----------------------------------|--------------------------------|------------------|----------------|---------------------------------|
|                                   | Đợt 1                          | Đợt 2            | Đợt 3          |                                 |
| <i>Bond group</i>                 | <i>Tranche 1</i>               | <i>Tranche 2</i> | <i>Tranche</i> | <i>Interest rate margin (%)</i> |
| Nhóm 1 năm<br><i>1-year group</i> | ACBS-1.1                       | ACBS-1.2         | ACBS-1.3       | 2,3<br>2.3                      |
| Nhóm 2 năm<br><i>2-year group</i> | ACBS-2.1                       | ACBS-2.2         | ACBS-2.3       | 2,5<br>2.5                      |
| Nhóm 3 năm<br><i>3-year group</i> | ACBS-3.1                       | ACBS-3.2         | ACBS-3.3       | 2,7<br>2.7                      |

#### Chú thích/Note:

- **Lãi Suất Tham Chiếu:** là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”).

*Reference Interest Rate:* is the average of the interest rates on regular personal savings deposits, 12-month term (or equivalent), interest paid at the end of the term, published on the official websites of four (04) Vietnamese commercial banks on the Interest Rate Determination Date, corresponding to the following abbreviations: Vietcombank, Vietinbank, BIDV and Agribank (each of these banks is called the “Reference Bank”).

- **Biên độ lãi suất:** là tỷ lệ phần trăm trên một năm, được cộng thêm cùng với Lãi Suất Tham Chiếu.

*Interest rate margin:* This is a percentage rate per year, added to the Reference Interest Rate.

- **Ngày Xác Định Lãi Suất:** được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi đợt phát hành (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua trái phiếu).

*Interest Rate Determination Date:* Officially announced during the pre-issuance information disclosure (this is the date when bond subscription applications begin to be accepted).

- Theo đó, tại Ngày Xác Định Lãi Suất Đợt 1, Công ty TNHH Chứng khoán ACB sẽ công bố Lãi suất Trái phiếu Đợt 1 trên trang thông tin điện tử (website) tại ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký đặt mua Trái phiếu Đợt 1.

*Accordingly, at Interest Rate Determination Date for Tranche 1, ACB Securities Company will announce the interest rate for Tranche 1 bond on its website on the date when the Tranche 1 bond subscription applications begin to be accepted.*

9. Kỳ hạn trái phiếu/ *Tenor of bonds:*

| Nhóm trái phiếu                   | Đợt phát hành/ <i>Tranches</i> |                  |                | Kỳ hạn<br>(năm)         |
|-----------------------------------|--------------------------------|------------------|----------------|-------------------------|
|                                   | Đợt 1                          | Đợt 2            | Đợt 3          |                         |
| <i>Bond group</i>                 | <i>Tranche 1</i>               | <i>Tranche 2</i> | <i>Tranche</i> | <i>Tenor<br/>(Year)</i> |
| Nhóm 1 năm<br><i>1-year group</i> | ACBS-1.1                       | ACBS-1.2         | ACBS-1.3       | 1                       |
| Nhóm 2 năm<br><i>2-year group</i> | ACBS-2.1                       | ACBS-2.2         | ACBS-2.3       | 2                       |
| Nhóm 3 năm<br><i>3-year group</i> | ACBS-3.1                       | ACBS-3.2         | ACBS-3.3       | 3                       |

ACBS không thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn/ *ACBS will not exercise its right to redeem the bonds prior to maturity.*

10. Kỳ trả lãi: Lãi được trả sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần

*Interest payment period: Interest is paid in arrears, periodically once every 12 (twelve) months*

11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư mua trái phiếu thông qua Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS.

*Distribution method: Direct sale to investors purchasing bonds through ACBS's Head Office, Branches, and Transaction Offices.*

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100.000 (một trăm nghìn) trái phiếu hoặc bội số của 100.000 (một trăm nghìn) Trái phiếu.
- *For individual investors: The minimum subscription amount is 100,000 (one hundred thousand) bonds or a multiple of 100,000 (one hundred thousand) bonds.*
- Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000.000 (một triệu) trái phiếu hoặc bội số của 1.000.000 (một triệu) trái phiếu.
- *For institutional investors: The minimum subscription amount is 1,000,000 (one million) bonds or a multiple of 1,000,000 (one million) bonds.*

13. Thời gian nhận đăng ký đặt mua trái phiếu: Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 25/08/2026

*Bond subscription period: From July 28, 2026 to August 25, 2026*

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

Tại Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS trên toàn quốc. Chi tiết các địa chỉ Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch đăng tải tại: <https://acbs.com.vn/lien-he>

*At ACBS Head Office, Branches, and Transaction Offices nationwide. Details of Head Office, Branches, and Transaction Office addresses can be found at: <https://acbs.com.vn/lien-he>*

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: **Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 25/08/2026**

*Bond purchase payment period: **From July 28, 2026 to August 25, 2026***

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu/ *The blocked account for receiving payments from bond purchases*

- Số tài khoản/ *Account No.*: 8660006995
- Tên tổ chức (tên Tài khoản): Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
*Organization Name (Account Name): Công ty TNHH Chứng khoán ACB*
- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
*Bank Name: Vietnam Investment and Development Bank (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch*
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TPHCM  
*Address: No 56 (bis), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City*

17. Địa điểm công bố Bản cáo bạch/ *Location for the publication of the Prospectus*

Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Chứng khoán ACB: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

*The Prospectus and other related documents are posted on the website of ACB Securities Company: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)*

**IV. Các tổ chức liên quan/ *Related Organization***

1. Tổ chức kiểm toán/ *Audit organization:*

**CÔNG TY TNHH KPMG – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

**KPMG CO. LTD – HO CHI MINH BRANCH**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Address: 10th Floor, Sunwah Building, 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

Điện thoại/Tel: (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

2. Đại diện người sở hữu trái phiếu/ *Bondholder representative*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI**

**KAFI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: Room 1403, 14th Floor, Sailing Tower, 111A Pasteur Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (028) 7102 9898

Fax: (028) 3999 1198

3. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm/ *Credit rating agency*:

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS**

**FIINRATINGS JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Tầng 10, Toà nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: 10th Floor, Peakview Tower, 36 Hoang Cau Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (024) 3562 6962

4. Tổ chức mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu/ *The organization opens a blocked account to receive funds for bond purchases*

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHÔI NGHĨA**

**VIETNAM INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMMERCIAL BANK – NAM KỶ KHOI NGHIA BRANCH**

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: No. 56 (bis), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (028) 3821 8812

Fax: (028) 3821 8813

**Nơi nhận/ Recipient:**

- CBTT theo quy định của pháp luật/ *Information disclosure in accordance with the law*;
- Lưu HCTH/ *Filing HCTH*.

HCM, ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 3, 2026

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

**ACB SECURITIES COMPANY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PRESIDENT & CEO**



Nguyễn Đức Hoàn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302030508 do Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026)

**ACBS**

**CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .... tháng .... năm 2026)

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:*

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Website: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

Email: [acbs@acbs.com.vn](mailto:acbs@acbs.com.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ông: Võ Đình Nam

Chức vụ: Giám đốc nhân sự

Điện thoại: (028) 7300 7000

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 06 năm 2026



## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302030508 do Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026)

# ACBS

## CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| Tên trái phiếu                                 | Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026<br><i>Tên trái phiếu cụ thể của từng đợt tương ứng là: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 ([Đợt x])</i><br><b><u>Trong đó:</u></b> x là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|------------------|-------------------|
| Loại trái phiếu                                | Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Mệnh giá                                       | 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Giá chào bán                                   | 100% mệnh giá Trái Phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Tổng số lượng trái phiếu dự kiến chào bán      | <ul style="list-style-type: none"><li>- 30.000.000 (ba mươi triệu) trái phiếu, dự kiến phát hành 03 (ba) đợt.</li><li>- Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành của từng đợt, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none"><li>• Trái phiếu phát hành Đợt 1:<table><tr><th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Số lượng (trái phiếu)</th></tr><tr><td>ACBS-1.1</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-2.1</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-3.1</td><td>4.000.000</td></tr><tr><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>10.000.000</b></td></tr></table></li><li>• Trái phiếu phát hành Đợt 2:<table><tr><th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Số lượng (trái phiếu)</th></tr><tr><td>ACBS-1.2</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-2.2</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-3.2</td><td>4.000.000</td></tr><tr><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>10.000.000</b></td></tr></table></li><li>• Trái phiếu phát hành Đợt 3:<table><tr><th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Số lượng (trái phiếu)</th></tr><tr><td>ACBS-1.3</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-2.3</td><td>3.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-3.3</td><td>4.000.000</td></tr><tr><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>10.000.000</b></td></tr></table></li></ul></li></ul> | Ký hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | ACBS-1.1 | 3.000.000       | ACBS-2.1 | 3.000.000       | ACBS-3.1 | 4.000.000       | <b>Tổng cộng</b> | <b>10.000.000</b>        | Ký hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | ACBS-1.2 | 3.000.000 | ACBS-2.2 | 3.000.000 | ACBS-3.2 | 4.000.000 | <b>Tổng cộng</b> | <b>10.000.000</b> | Ký hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | ACBS-1.3 | 3.000.000 | ACBS-2.3 | 3.000.000 | ACBS-3.3 | 4.000.000 | <b>Tổng cộng</b> | <b>10.000.000</b> |
| Ký hiệu trái phiếu                             | Số lượng (trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-1.1                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-2.1                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-3.1                                       | 4.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>10.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Ký hiệu trái phiếu                             | Số lượng (trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-1.2                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-2.2                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-3.2                                       | 4.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>10.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Ký hiệu trái phiếu                             | Số lượng (trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-1.3                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-2.3                                       | 3.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-3.3                                       | 4.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>10.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá | 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Đồng). Trong đó: <ul style="list-style-type: none"><li>• Trái phiếu phát hành Đợt 1:<table><tr><th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Giá trị (đồng)</th></tr><tr><td>ACBS-1.1</td><td>300.000.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-2.1</td><td>300.000.000.000</td></tr><tr><td>ACBS-3.1</td><td>400.000.000.000</td></tr><tr><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>1.000.000.000.000</b></td></tr></table></li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ký hiệu trái phiếu | Giá trị (đồng)        | ACBS-1.1 | 300.000.000.000 | ACBS-2.1 | 300.000.000.000 | ACBS-3.1 | 400.000.000.000 | <b>Tổng cộng</b> | <b>1.000.000.000.000</b> |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| Ký hiệu trái phiếu                             | Giá trị (đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-1.1                                       | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-2.1                                       | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| ACBS-3.1                                       | 400.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>1.000.000.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |                       |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |                    |                       |          |           |          |           |          |           |                  |                   |



|                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trái phiếu phát hành Đợt 2: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Giá trị (đồng)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>ACBS-1.2</td><td>300.000.000.000</td></tr> <tr> <td>ACBS-2.2</td><td>300.000.000.000</td></tr> <tr> <td>ACBS-3.2</td><td>400.000.000.000</td></tr> <tr> <td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>1.000.000.000.000</b></td></tr> </tbody> </table> </li> <li>Trái phiếu phát hành Đợt 3: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ký hiệu trái phiếu</th><th>Giá trị (đồng)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>ACBS-1.3</td><td>300.000.000.000</td></tr> <tr> <td>ACBS-2.3</td><td>300.000.000.000</td></tr> <tr> <td>ACBS-3.3</td><td>400.000.000.000</td></tr> <tr> <td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>1.000.000.000.000</b></td></tr> </tbody> </table> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ký hiệu trái phiếu | Giá trị (đồng) | ACBS-1.2 | 300.000.000.000 | ACBS-2.2 | 300.000.000.000 | ACBS-3.2 | 400.000.000.000 | <b>Tổng cộng</b> | <b>1.000.000.000.000</b> | Ký hiệu trái phiếu | Giá trị (đồng) | ACBS-1.3 | 300.000.000.000 | ACBS-2.3 | 300.000.000.000 | ACBS-3.3 | 400.000.000.000 | <b>Tổng cộng</b> | <b>1.000.000.000.000</b> |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|------------------|--------------------------|--------------------|----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|------------------|--------------------------|
| Ký hiệu trái phiếu       | Giá trị (đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-1.2                 | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-2.2                 | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-3.2                 | 400.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>1.000.000.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| Ký hiệu trái phiếu       | Giá trị (đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-1.3                 | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-2.3                 | 300.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| ACBS-3.3                 | 400.000.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>1.000.000.000.000</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| <b>Kỳ hạn trái phiếu</b> | <p>Kỳ hạn các Đợt áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu trong mỗi Đợt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-1.x: kỳ hạn 1 năm</li> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-2.x: kỳ hạn 2 năm</li> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-3.x: kỳ hạn 3 năm</li> <li>✓ <b><u>Trong đó:</u></b> x là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |
| <b>Lãi suất</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãi suất Trái Phiếu: Lãi suất cố định</li> <li>- Nguyên tắc để xác định mức lãi suất cố định: được căn cứ theo Lãi suất tham chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức:<br/> <b><u>Mức Lãi suất</u></b> = <b>Lãi Suất Tham Chiếu</b> + <b>Biên Độ Lãi Suất</b>. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lãi Suất Tham Chiếu: là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”).</li> <li>+ Biên độ lãi suất trái phiếu áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu (dự kiến) như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-1.x (kỳ hạn 1 năm): 2,3%</li> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-2.x (kỳ hạn 2 năm): 2,5%</li> <li>✓ Đối với Nhóm trái phiếu ACBS-3.x (kỳ hạn 3 năm): 2,7%.</li> <li>✓ <b><u>Trong đó:</u></b> x là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng.</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Mức lãi suất cụ thể: ACBS công bố mức lãi suất cụ thể theo ngày xác định lãi suất (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua trái phiếu).</li> </ul> |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |                    |                |          |                 |          |                 |          |                 |                  |                          |



**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**



**CÔNG TY TNHH KPMG – Chi Nhánh Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa Sun Wah Tower, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3281 9266 Fax: (028) 3821 9267
- Website: [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

**TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI**

- Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 7102 9898 Fax: (028) 3999 1198
- Website: [www.kafi.vn](http://www.kafi.vn)

**TỔ CHỨC MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU**



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH NAM KỶ KHÔI NGHĨA**

- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3821 8813
- Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)

**TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS**

- Địa chỉ: Tầng 10, toà nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3562 6962
- Website: [www.fiintrade.vn](http://www.fiintrade.vn)

**Mục lục**

|                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>                                                                                                                                                                                 | <b>6</b>  |
| 1. Tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                                                                       | 6         |
| 2. Tổ chức tư vấn: Không có.....                                                                                                                                                                                                                                | 6         |
| <b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                                                                                                                                                                             | <b>6</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế.....                                                                                                                                                                                                                                       | 6         |
| 2. Rủi ro về luật pháp.....                                                                                                                                                                                                                                     | 10        |
| 3. Rủi ro đặc thù.....                                                                                                                                                                                                                                          | 10        |
| 4. Rủi ro về đợt chào bán.....                                                                                                                                                                                                                                  | 14        |
| 5. Rủi ro đối với Trái phiếu chào bán.....                                                                                                                                                                                                                      | 14        |
| 6. Rủi ro quản trị công ty.....                                                                                                                                                                                                                                 | 15        |
| 7. Rủi ro khác.....                                                                                                                                                                                                                                             | 15        |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>                                                                                                                                                                                                                  | <b>15</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>                                                                                                                                                                                                     | <b>19</b> |
| 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                                                                    | 19        |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                              | 20        |
| 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                                                                    | 23        |
| 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                                                 | 26        |
| 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối..... | 33        |
| 6. Giới thiệu về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                                    | 34        |
| 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....                                                                                                                                                                                                                  | 36        |
| 8. Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                    | 37        |
| 9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành trở lên.....                                                                                                                                                                        | 50        |
| 10. Thông tin thành viên HĐQT, Ban TGD và Kế toán trưởng.....                                                                                                                                                                                                   | 51        |
| 11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....                                                                                                                                                                                                              | 60        |
| 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....                                                                                                           | 60        |
| 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                                  | 60        |
| 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....                | 61        |
| 15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....                                                | 61        |
| <b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>                                                                                                                                                                            | <b>62</b> |
| 1. Kết quả kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                      | 62        |
| 2. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                                                                                     | 69        |
| 3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành.....                                                                                                                                                                            | 76        |
| 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....                                                                                                                                                                                                                              | 77        |



|                                                                                                                                            |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....                                                                                                      | 78         |
| 6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo .....                                                                               | 81         |
| <b>VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>                                                                                                 | <b>81</b>  |
| 1. Tên trái phiếu .....                                                                                                                    | 81         |
| 2. Loại trái phiếu .....                                                                                                                   | 81         |
| 3. Mệnh giá.....                                                                                                                           | 82         |
| 4. Tổng số lượng trái phiếu phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành và số đợt phát hành dự kiến .....                                 | 82         |
| 5. Kỳ hạn trái phiếu .....                                                                                                                 | 83         |
| 6. Lãi suất.....                                                                                                                           | 84         |
| 7. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu.....                                                                                                 | 86         |
| 8. Giá chào bán.....                                                                                                                       | 86         |
| 9. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động .....                               | 86         |
| 10. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu .....                                                                                                | 86         |
| 11. Đại diện người sở hữu trái phiếu .....                                                                                                 | 88         |
| 12. Cam kết về bảo đảm.....                                                                                                                | 89         |
| 13. Việc mua lại trái phiếu trước hạn .....                                                                                                | 90         |
| 14. Phương thức phân phối .....                                                                                                            | 90         |
| 15. Đăng ký mua trái phiếu .....                                                                                                           | 90         |
| 16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu .....                                                                                          | 91         |
| 17. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu .....                                                                                     | 92         |
| 18. Các loại thuế có liên quan .....                                                                                                       | 93         |
| 19. Thông tin về các cam kết.....                                                                                                          | 94         |
| <b>VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                         | <b>95</b>  |
| <b>VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>                                                                 | <b>97</b>  |
| 1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu.....                                                                           | 97         |
| 2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán Trái Phiếu.....                                                                        | 98         |
| <b>IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                                                                                     | <b>101</b> |
| 1. Tổ chức kiểm toán.....                                                                                                                  | 101        |
| 2. Đại diện người sở hữu trái phiếu .....                                                                                                  | 101        |
| 3. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu .....                                                                         | 101        |
| 4. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm .....                                                                                                        | 101        |
| 5. Tổ chức tư vấn/Tổ chức bảo lãnh phát hành/Đại lý phát hành .....                                                                        | 101        |
| 6. Ý kiến của Tổ chức tư vấn/Tổ chức bảo lãnh phát hành và các chuyên gia về đợt chào bán.....                                             | 101        |
| <b>X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>                                                | <b>101</b> |
| <b>XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG) .....</b> | <b>102</b> |
| <b>XII. PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                                   | <b>103</b> |

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Ông Đỗ Minh Toàn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông Võ Văn Vân Chức vụ: Phó Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn: Không có****II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư mua Trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà đầu tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

**1. Rủi ro về kinh tế**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, vốn là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Các yếu tố vĩ mô cơ bản của nền kinh tế tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và tăng trưởng của ACBS là (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) tỷ lệ lạm phát; (iii) lãi suất; và (iv) tỷ giá. Các yếu tố vĩ mô luôn đóng vai trò quan trọng, có thể thúc đẩy cũng như tạo ra những thách thức cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



### **1.1 Tăng trưởng kinh tế**

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất, ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế, đặc biệt với ngành dịch vụ Tài chính.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, tuy nhiên vẫn chứa đựng những rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ chi phối hoạt động mua bán trái phiếu, cổ phiếu, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh trên thị trường, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ACBS.

Kết thúc năm 2024, GDP Việt Nam tăng trưởng ấn tượng 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,5-7% do Quốc hội đề ra. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 476,3 tỷ USD, nâng GDP bình quân đầu người lên 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

Kết thúc năm 2025, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng 8,02% so với năm 2024 và đồng thời đạt mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu 8% của Chính phủ. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Điểm nhấn trong năm 2025 đến từ sự đồng thuận giữa các động lực tăng trưởng từ tiêu dùng đến sản xuất trong bối cảnh các cải cách về pháp lý đã góp phần thúc đẩy hoạt động phát triển của nhóm doanh nghiệp tư nhân, cải thiện tính hiệu quả của hoạt động đầu tư công dù bối cảnh bên ngoài vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro khó đo lường.

Bước sang năm 2026, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 đã được Quốc hội quyết nghị, từ tăng trưởng GDP phần đầu đạt từ 10% trở lên; GDP bình quân đầu người đạt 5.400 - 5.500 USD; Chỉ số Giá tiêu dùng (CPI) tăng bình quân khoảng 4,5%; năng suất lao động tăng khoảng 8,5%. Ở giai đoạn 2026 – 2030, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10% trở lên và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.500 USD vào năm 2030 (CAGR: +10,3%). Bên cạnh đó, một loạt các định hướng tăng trưởng khác cũng được thiết lập cho cùng giai đoạn bao gồm việc phát triển thị trường chứng khoán (MSCI Emerging Market và FTSE Russell Advanced Emerging Market), gia tăng quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (25% GDP), đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số và vận hành trung tâm tài chính quốc tế. Để hoàn thành các mục tiêu đặt ra, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh cải cách cơ cấu kinh tế (thúc đẩy nền kinh tế tư nhân và nâng cao vai trò của nền kinh tế nhà nước), đầu tư hạ tầng quy mô lớn cùng với việc phát triển thị trường tài chính và kích thích tiêu dùng. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ phải đối mặt với cả cơ hội lẫn thách thức lớn trong bối cảnh rủi ro địa chính trị dần có xu hướng gia tăng ở những



năm gần nhất. Tính chung Quý 1 năm 2026, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước; Chỉ số Giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi trên diện rộng khi sản xuất công nghiệp, đầu tư và thương mại hàng hóa quốc tế đều tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động mạnh bởi xung đột địa chính trị và áp lực lạm phát quay trở lại, bức tranh kinh tế trong nước bắt đầu xuất hiện những thách thức mới: chi phí sản xuất gia tăng, cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm, cấu trúc thương mại lệch pha và mức độ phụ thuộc vào khu vực FDI ngày càng lớn. Phục hồi đang diễn ra, nhưng nền tảng và độ bền của các động lực tăng trưởng chưa được củng cố bền vững.

Những yếu tố bất ổn từ tăng trưởng kinh tế sẽ mang đến nhiều thách thức cho ACBS, đặc biệt trong bối cảnh dư địa chính sách tiền tệ bị thu hẹp do áp lực lạm phát, nợ xấu gia tăng, áp lực huy động vốn để đảm bảo các chỉ số an toàn; biến động nhanh và khó lường về kinh tế, chính trị, quân sự; thiên tai dịch bệnh khó dự báo trước.

## 1.2 Lạm phát

Trong năm 2024, Việt Nam đã kiểm soát lạm phát hiệu quả với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 2,71%, thấp hơn mức CPI chung, cho thấy sự ổn định trong điều hành giá cả. Để kiểm soát lạm phát, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ như điều hành giá linh hoạt, theo dõi chặt chẽ thị trường, tránh tình trạng khan hiếm hàng hóa; chính sách tiền tệ ổn định, giảm mặt bằng lãi suất và duy trì sự cân bằng trên thị trường ngoại hối; đồng thời triển khai chính sách tài khóa hỗ trợ doanh nghiệp và người dân như giảm thuế VAT, thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu và gia hạn thuế, phí. Nhờ những chính sách hợp lý này, lạm phát được duy trì ở mức thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

Trong năm 2025, CPI tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước. Những yếu tố làm tăng CPI trong năm 2025 so với cùng kỳ năm trước, Cục Thống kê cho biết do chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,27%, tác động làm CPI chung tăng 1,10 điểm phần trăm. Trong đó nhóm thực phẩm tăng 3,61%, tác động làm CPI chung tăng 0,77 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,81%; nhóm lương thực tăng 0,17%. Tổng quan 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



Mục tiêu tăng trưởng GDP 10% trong năm 2026 sẽ tạo thêm sức ép lên giá cả, bởi tăng trưởng kinh tế cao đồng nghĩa với tổng cầu, bao gồm đầu tư và tiêu dùng, đều phải tăng mạnh. Tuy nhiên để ưu tiên mục tiêu kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%, ngay từ đầu năm 2026, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 09/01/2026 yêu cầu các đơn vị thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tốt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2026 nhằm góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm ổn định và an toàn hệ thống. Đánh giá chung của các chuyên gia thì áp lực lạm phát trong năm 2026 sẽ cao hơn so với năm 2025, nhưng không nhiều. Tốc độ tăng CPI hằng tháng được dự báo vào khoảng 0,3%/tháng và lạm phát trung bình cả năm 2026 sẽ xoay quanh mức 3,5% (+/- 0,5%).

Lạm phát (CPI) bình quân quý 1/2026 tại Việt Nam tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 3,63%. Mức tăng này nằm trong tầm kiểm soát dưới 4,5% của Quốc hội, dù CPI tháng 3 tăng 1,23% so với tháng trước do sự leo thang của giá năng lượng thế giới và chi phí nguyên vật liệu, trong đó xăng dầu đóng vai trò then chốt. Giá xăng và dầu tăng mạnh đã kéo theo chi phí vận tải và sản xuất tăng, tạo hiệu ứng lan tỏa đến nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ.

Rủi ro lạm phát sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết và qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới biến động giá cổ phiếu trên thị trường, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của ACBS.

### 1.3 Tỷ giá

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý.

Ngay từ đầu năm 2025, tỷ giá đã chịu sức ép lớn khi chỉ số USD Index (DXY) có thời điểm chạm mốc 109 điểm sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Tại Việt Nam, nhu cầu ngoại tệ nội tại tăng cao do nhập khẩu máy móc, nguyên liệu và đột thâm hụt thương mại đầu năm đã làm xói mòn nguồn cung ngoại tệ tự nhiên. Đáng chú ý, vào giữa năm, NHNN đã phải đưa ra những công cụ mạnh tay như: Mở lại kênh tín phiếu để thắt chặt thanh khoản; Điều chỉnh tỷ giá trung tâm lên mức đỉnh lịch sử 25.298 VND/USD (ngày 22/8); Thực hiện bán ngoại tệ kỳ hạn 180 ngày có điều khoản hủy ngang để tháo gỡ nút thắt tâm lý cho các ngân hàng thương mại. Tuy



nhiên, áp lực bắt đầu giãn ra khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đảo chiều chính sách. Với tổng mức cắt giảm lãi suất 0,75 điểm % trong năm 2025, DXY đã rơi xuống đáy 4 năm tại vùng 96,6 điểm. Điều này giúp chênh lệch lãi suất VND-USD đảo chiều từ âm sang dương, củng cố đáng kể vị thế của đồng nội tệ. Kết thúc năm 2025, tỷ giá trung tâm tăng khoảng 3,3%, một mức biến động nằm trong tầm kiểm soát của nhà điều hành.

Bước sang 2026, Chỉ số DXY được dự báo sẽ giảm xuống ngưỡng 95 từ giữa năm 2026, trong khi phần lớn các đồng tiền chủ chốt như Yên Nhật, Bảng Anh và EUR đều được kỳ vọng tăng giá. Đồng tiền của các nền kinh tế mới nổi, bao gồm cả Việt Nam, cũng sẽ được hưởng lợi khi chênh lệch lãi giữa Mỹ và các nước này thu hẹp. Đa số các tổ chức tài chính nhận định diễn biến tỷ giá sẽ ổn định hơn trong năm 2026 với mức tăng 2,5 - 3%.

Tính đến cuối Quý 1 năm 2026, Chỉ số DXY trên thị trường quốc tế đạt mức 99,29 điểm, tăng 2,03% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do xung đột địa chính trị làm gia tăng nhu cầu nắm giữ USD như tài sản an toàn. Bên cạnh đó, giá vàng giảm cũng góp phần thúc đẩy dòng vốn chuyển sang đồng USD. Việc Cục Dự trữ liên bang (FED) duy trì lãi suất điều hành ở mức 3,5%-3,75% trong cuộc họp ngày 18/3/2026 cũng góp phần hỗ trợ đồng USD tăng giá. Đối với Việt Nam, áp lực tỷ giá trong ngắn hạn có thể tiếp tục xuất hiện nếu đồng USD trên thế giới duy trì xu hướng tăng. Tuy nhiên, với dự trữ ngoại hối ổn định và các công cụ điều hành linh hoạt của NHNN cùng với thị trường ngoại hối quốc tế dự báo đồng USD có thể giảm giá khoảng 5% trong năm 2026 nếu Fed tiếp tục chu kỳ cắt giảm lãi suất, thị trường tiền tệ trong nước được đánh giá nằm trong tầm kiểm soát.

Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán ACBS ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng khi tỷ giá biến động. Khi nền kinh tế và thị trường ngoại hối biến động bất lợi mà khiến cho thị trường chứng khoán biến động tiêu cực, ảnh hưởng gián tiếp đến danh mục đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động theo hình thức Công ty TNHH, ACBS chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các văn bản pháp luật này nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

## **3. Rủi ro đặc thù**

### **3.1. Rủi ro về thị trường**

Rủi ro về thị trường là loại rủi ro mang tính hệ thống, gắn liền với biến động của nền kinh tế và diễn biến trên thị trường tài chính, do đó khó có thể loại bỏ hoàn toàn ngay cả khi đã đa dạng hóa danh mục đầu tư. Những biến động bất lợi của các yếu tố như giá chứng khoán, lãi suất, tỷ



giá hối đoái hay các chỉ số kinh tế vĩ mô có thể làm phát sinh tổn thất tài chính, tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán. Trong những giai đoạn thị trường biến động mạnh, đặc biệt là khủng hoảng tài chính hoặc suy thoái kinh tế, rủi ro này có thể lan rộng và gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, khả năng thanh toán và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Các hoạt động kinh doanh chính của ACBS chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ rủi ro thị trường bao gồm: các hoạt động của nghiệp vụ tự doanh (đầu tư trái phiếu, cổ phiếu), hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh). Doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu do tình hình kinh tế chính trị, những thay đổi về pháp lý, chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của nhà nước hoặc các nước liên quan hoặc có thể do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát khác như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên.

### **3.2. Rủi ro về hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới**

Là những rủi ro, sai sót xảy ra trong quá trình đặt lệnh, giao dịch của bộ phận giao dịch, bộ phận môi giới với khách hàng và đối tác dẫn đến gây thiệt hại tài chính cho cả khách hàng và ACBS phải bồi thường thiệt hại.

Là những rủi ro tư vấn và đạo đức nghề nghiệp: xung đột lợi ích có thể xảy ra nếu môi giới ưu tiên lợi ích hoa hồng của công ty thay vì lợi ích của khách hàng, hoặc đưa ra các khuyến nghị đầu tư thiếu chuyên nghiệp gây thua lỗ nặng nề cho khách hàng, hoặc tư vấn sai luật và không cập nhật các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán kịp thời dẫn đến khách hàng vi phạm pháp luật chứng khoán như thao túng thị trường, không công bố thông tin kịp thời đúng quy định, không tách bạch rõ ràng tài sản của từng khách hàng...từ đó môi giới và công ty mất uy tín và dính líu đến các tranh chấp dân sự với khách hàng, thậm chí có thể dẫn đến việc bị đình chỉ hoạt động hoặc bị xử phạt trong lĩnh vực chứng khoán.

### **3.3. Rủi ro về hoạt động cung cấp tư vấn đầu tư**

Đây là rủi ro liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn đầu tư, phát sinh từ trình độ chuyên môn, yếu tố chuyên nghiệp và đạo đức của đội ngũ nhân sự.

Rủi ro do hoạt động tư vấn đầu tư chưa thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý, chưa tuân thủ theo đúng các quy định các hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực, các ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động của khách hàng, dẫn đến việc tư vấn không chính xác và kéo dài ảnh hưởng đến kế hoạch và hiệu quả kinh doanh của khách hàng.



Rủi ro do chưa đánh giá chính xác tình hình tài chính, ngành nghề kinh doanh của khách hàng dẫn đến kết quả tư vấn đầu tư chưa sử dụng hiệu quả nguồn lực của khách hàng để đem lại kết quả phù hợp với mong muốn của khách hàng, dẫn đến khách hàng đánh giá dịch vụ tư vấn đầu tư uy tín không cao.

#### **3.4. Rủi ro về hoạt động tự doanh**

Rủi ro về hoạt động tự doanh chính là rủi ro với danh mục đầu tư của Công ty, danh mục đầu tư chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp được đầu tư, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế.

Những yếu tố nội tại của doanh nghiệp ảnh hưởng rất lớn đến sử dụng vốn hiệu quả và kết quả hoạt động kinh doanh, khả năng trả nợ và tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến các chỉ số tài chính và định giá cổ phần của doanh nghiệp, tác động đến giá thị trường cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường và cuối cùng ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị danh mục đầu tư tự doanh của công ty chứng khoán.

Các biến động và/hoặc tác động không ổn định ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến tâm lý nhà đầu tư bất ổn dẫn đến việc bán tháo cổ phiếu và giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị danh mục đầu tư kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán.

#### **3.5. Rủi ro cho vay ký quỹ**

Rủi ro cho vay ký quỹ của ACBS phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ; khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời; và đầu tư vào các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu.

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ, các biến động tiêu cực của thị trường và giá của cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của cổ phiếu và khả năng thanh toán của khách hàng. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với ACBS khi đến hạn. Điều này tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty. Nhằm dự đoán trước các rủi ro trên, Công ty thực hiện các đánh giá định kỳ tình hình kinh tế vĩ mô: rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong pháp lý, chính sách của Chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành, các vấn đề chính trị, kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh; có thể ảnh hưởng tới thị trường nói chung hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể nói riêng, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu



khách hàng đang sở hữu mà được ACBS chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật. Rủi ro tín dụng phát sinh khi công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo.

### **3.6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro này có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm khách hàng rút tiền đột ngột, nhu cầu chi trả cho các nghĩa vụ ký quỹ, hoặc sự cố trong hoạt động thanh toán với các đối tác và tổ chức lưu ký. Nếu không được kiểm soát tốt, rủi ro thanh khoản có thể dẫn đến mất khả năng chi trả tạm thời, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và năng lực hoạt động của Công ty.

### **3.7. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin công nghệ**

Rủi ro về Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT): hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thực hiện các quy trình và triển khai dịch vụ của ACBS. Sự phát triển và tăng trưởng về khách hàng, mở rộng kinh doanh của ACBS phụ thuộc rất lớn vào dịch vụ được cung cấp cho khách hàng qua hệ thống CNTT cũng như các ứng dụng và dịch vụ công nghệ được sử dụng. Các rủi ro về đường truyền, lỗi phần mềm trên các ứng dụng, thiết bị công nghệ đều có thể ảnh hưởng đến sự ổn định giao dịch đối với khách hàng, thất thoát dữ liệu, giảm hiệu suất làm việc, gây ra những thiệt hại về tài chính của khách hàng và của ACBS.

Rủi ro về hệ thống giao dịch của Công ty chứng khoán: đối với hoạt động của Công ty Chứng khoán, đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch thông suốt là công việc tối quan trọng. Đối với thị trường chứng khoán việc giao dịch nhanh chóng, liên tục của khách hàng có sự ảnh hưởng to lớn không chỉ đối với riêng một khách hàng, một công ty chứng khoán mà còn có thể ảnh hưởng đến toàn thị trường. Vì vậy việc giữ vững sự ổn định, thông suốt của hệ thống giao dịch trước các yếu tố tác động là công việc được ưu tiên hàng đầu tại mỗi công ty chứng khoán.

Rủi ro về bảo mật thông tin công nghệ: Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ như hiện nay, thông tin của khách hàng là tài sản quan trọng cần được bảo vệ tối đa. Việc thất thoát thông tin này gây ra tổn hại cho hoạt động cũng như tài chính của khách hàng và Công ty, gây ra mất niềm tin và ảnh hưởng đến uy tín lâu dài của Công ty trong quá trình hoạt động và phát triển.



### **3.7. Rủi ro nguồn nhân lực**

Hiện nay, thị trường nguồn nhân lực cung chưa đủ đáp ứng cầu, các công ty liên tục phải tuyển nhân viên từ đối thủ hoạt động cùng ngành, và bổ sung nhiều nhân sự mới phục vụ những mảng hoạt động kinh doanh mới; việc cạnh tranh về mặt lương thưởng tăng cao, tỷ lệ nghỉ việc, thay đổi chỗ làm việc cao là một điều khó tránh khỏi.

## **4. Rủi ro về đợt chào bán**

### **4.1. Rủi ro của việc chào bán**

Thành công của đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố, không chỉ các vấn đề nội tại của Trái phiếu như sự hấp dẫn về lãi suất, kỳ hạn hay điều kiện của Trái Phiếu, tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, mà còn bị chi phối bởi kỳ vọng của nhà đầu tư, tương quan ngành và các thay đổi lớn mang yếu tố thị trường. Do đó, Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo đợt chào bán sẽ thành công.

### **4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ\_HDTV-ACBS.26 ngày 10/03/2026 của Hội đồng thành viên, Công ty đã thông qua toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán). Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động tự doanh như đã trình bày ở mục 3.4 nêu trên.

### **4.3. Rủi ro đối với Trái phiếu chào bán**

#### **Trái Phiếu không có Bảo Đảm**

Do đây là trái phiếu không có bảo đảm bằng bất cứ tài sản nào, dù của ACBS hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác. Vì vậy, người sở hữu trái phiếu sẽ không có quyền đòi trực tiếp đối với tài sản của ACBS hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác như là tài sản bảo đảm cho trái phiếu. Trong trường hợp ACBS gặp phải rủi ro kinh doanh dẫn đến phá sản, khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ sẽ xếp thứ tự ưu tiên sau các chủ nợ có bảo đảm của ACBS đối với tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để trả chủ nợ có bảo đảm.

#### **Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp**

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường và không có gì bảo đảm rằng thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển trong tương lai. Ngoài ra, Trái Phiếu có thể được giao dịch trên thị trường với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tùy thuộc vào nhiều yếu tố kể cả lãi suất áp dụng tại thời điểm đó, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

**Những thay đổi đáng kể về lãi suất của Trái Phiếu**

Trái phiếu có lãi suất cố định được xác định căn cứ theo biên độ lãi suất kèm Lãi Suất Tham Chiếu (được định nghĩa dưới đây) với các Kỳ Tính Lãi. Lãi suất trái phiếu có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào mức lãi suất tham chiếu vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất có thể ảnh hưởng bất lợi đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của ACBS cũng như nhà đầu tư Trái phiếu.

**Lãi Trái Phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân**

Nhà đầu tư cần biết rằng các khoản thanh toán lãi của Tổ Chức Phát Hành cho người sở hữu Trái Phiếu phải chịu thuế và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ đóng thuế đánh trên các khoản thanh toán lãi đó. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho người sở hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Xem thêm phần có tiêu đề “Các loại thuế có liên quan”.

**5. Rủi ro quản trị công ty**

Quản trị Công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HĐQT và với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Phát Hành. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Phát Hành phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Phát Hành. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

**6. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ACBS.

**DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ, TOÀN DIỆN VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.**

**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**



Trong Bản Cáo Bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

|                                    |                                                                                                                                                |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổ Chức Phát Hành <i>hoặc</i> ACBS | Công ty TNHH Chứng khoán ACB                                                                                                                   |
| APEA                               | Giải thưởng danh giá thường niên ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, do Enterprise Asia tổ chức                                                |
| ALCO                               | Quản lý Tài sản/ Nợ phải trả                                                                                                                   |
| BCTC                               | Báo cáo tài chính                                                                                                                              |
| CCCD                               | Căn cước công dân                                                                                                                              |
| CMND                               | Chứng minh nhân dân                                                                                                                            |
| CTCK                               | Công ty Chứng khoán                                                                                                                            |
| CN                                 | Chi nhánh                                                                                                                                      |
| CNTT, IT                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                            |
| CPI                                | Chỉ số giá tiêu dùng                                                                                                                           |
| DXY                                | Chỉ số đo lường sức mạnh của đồng đô la Mỹ (USD)                                                                                               |
| ĐVT                                | Đơn vị tính                                                                                                                                    |
| FDI                                | Đầu tư trực tiếp nước ngoài                                                                                                                    |
| FTSE Russell                       | Nhà cung cấp toàn cầu các giải pháp chuẩn mực, dữ liệu và phân tích thị trường tài chính, thuộc sở hữu của London Stock Exchange Group (LSEG). |
| FED                                | Hệ thống Dự trữ Liên bang/Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ                                                                                          |
| GPHĐKD                             | Giấy phép Hoạt động Kinh doanh                                                                                                                 |
| GTGT                               | Giá trị gia tăng                                                                                                                               |
| HĐKD                               | Hoạt động kinh doanh                                                                                                                           |
| HĐTV                               | Hội đồng thành viên                                                                                                                            |
| HĐQT                               | Hội đồng quản trị                                                                                                                              |
| HO                                 | Trụ sở chính                                                                                                                                   |
| HNX                                | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                                                                                                                |



|        |                                                     |
|--------|-----------------------------------------------------|
| HSX    | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh      |
| LNTT   | Lợi nhuận trước thuế                                |
| LNST   | Lợi nhuận sau thuế                                  |
| PGD    | Phòng Giao dịch                                     |
| ROAA   | Tỉ suất Lợi Nhuận Sau Thuế/Tổng tài sản bình quân   |
| ROEA   | Tỉ suất Lợi Nhuận Sau Thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân |
| TCKT   | Tổ chức kinh tế                                     |
| TCTD   | Tổ chức tín dụng                                    |
| TGD    | Tổng Giám đốc                                       |
| TMCP   | Thương mại cổ phần                                  |
| TNHH   | Trách nhiệm hữu hạn                                 |
| TTCK   | Thị trường Chứng khoán                              |
| TSCĐ   | Tài sản cố định                                     |
| TNDN   | Thu nhập Doanh nghiệp                               |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                         |
| UBND   | Ủy ban Nhân dân                                     |
| VCSH   | Vốn chủ sở hữu                                      |
| VND    | Việt Nam đồng                                       |
| VWA    | Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam                 |
| VSDC   | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam  |
| VAT    | Thuế giá trị gia tăng                               |
| NPF    | Non-Prefunding                                      |
| NĐT    | Nhà đầu tư                                          |
| NHNN   | Ngân hàng Nhà nước                                  |



Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa, sử dụng, trình bày trong văn bản này và trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ có ý nghĩa như sau:

- **“Trái Phiếu”** có nghĩa là Trái phiếu Công ty TNHH Chứng khoán ACB phát hành ra công chúng theo các đợt và được gọi chung là Trái Phiếu.  
Mã Trái Phiếu sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định hiện hành sau khi ACBS hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC.
- **“Kỳ Tính Lãi”**: có nghĩa là kỳ hạn 01 (một) năm, theo đó Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên khoản gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và kết thúc vào, nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước và kết thúc vào nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó hoặc Ngày Đáo Hạn.
- **“Ngày Thanh Toán Lãi”** có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc kỳ hạn Trái Phiếu.
- **“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”** hoặc **“Ngày Chốt Danh Sách”** có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Quy chế của VSDC. Theo đó, Tổ Chức Phát Hành gửi Thông báo đến VSDC và thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng.
- **“Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”** có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- **“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”** là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- **“Khả Năng Thanh Toán”** nghĩa là Tổ Chức Phát Hành:
  - ✓ Có thể thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn; và
  - ✓ Có Tài Sản lớn hơn Nợ Phải Trả.
- **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ tại Việt Nam và (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **“Ngày Phát Hành”** có nghĩa là ngày kết thúc Đợt chào bán của mỗi Trái Phiếu.
- **“Ngày Đáo Hạn”** có nghĩa là Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu theo thời gian tương ứng với Ngày phát hành và kỳ hạn phát hành.
- **“Người Sở Hữu Trái Phiếu”** là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan) mua, nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, đã được đăng ký và có tên trong Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành lập và quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc do VSDC quản lý (nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC).
- **“Thành Viên Lưu Ký”** là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.



Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

##### **1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành**

##### **1.1. Giới thiệu Tổ Chức Phát Hành**

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Tên viết tắt : ACBS

Tên viết bằng tiếng nước ngoài : ACB Securities Company

Logo : **ACBS**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3 – Tòa nhà Léman Luxury, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 7300 7000

Fax : 028 7300 3751

Website : [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

Vốn điều lệ : 11.000.000.000.000 (Mười một nghìn tỷ) Việt Nam đồng

Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 0302030508 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000 và thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026

Giấy phép hoạt động kinh doanh : Số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000 và giấy phép điều chỉnh sau đó

Người đại diện theo pháp luật : Ông Đỗ Minh Toàn – Chủ tịch Hội đồng thành viên

##### **1.2. Ngành nghề kinh doanh chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302030508 do Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000, và điều chỉnh gần nhất theo Giấy phép



điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2026; Công ty TNHH Chứng khoán ACB được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

1.2.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

1.2.2. Ngoài các dịch vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 1.2.1 này, Công ty được cung cấp dịch vụ:

- Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Dịch vụ ký quỹ, lưu ký chứng khoán, ứng trước tiền bán và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật tại từng thời kỳ.

1.2.3. Ngoài ra, Công ty còn phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và chấp thuận của UBCK, bao gồm và không giới hạn bởi các nghiệp vụ chào bán, niêm yết chứng quyền; tạo lập thị trường cho chứng quyền; giao dịch nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000. Hội sở chính đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện nay của ACBS là 11.000 tỷ đồng. Các cột mốc của ACBS:

**Bảng 1: Các cột mốc của ACBS**

| Năm      | Cột mốc đáng nhớ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2000 | Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động số 06/GPHĐKD ngày 29/6/2000 cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu. Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng). Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư. |



| Năm      | Cột mốc đáng nhớ                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2005 | ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất, tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).                                                                                                                                                                                                                |
| Năm 2006 | Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng). Chuyển trụ sở chính đến 9 Lê Ngô Cát, Phường 07, Quận 03, Tp. HCM.                                                                                                                                          |
| Năm 2007 | Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba, tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng). Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.                                                           |
| Năm 2008 | Ngày 04/09/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư, vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng). Trụ sở chính chuyển đến 107N Trương Định, Phường 06, Quận 03, Tp. HCM. Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước              |
| Năm 2009 | Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm, 1.500 tỷ đồng. (Một nghìn năm trăm tỷ đồng). Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.                                                                                                                |
| Năm 2010 | Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 5555533. Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số hành USB Token cho các giao dịch qua Internet.                                                                                                                           |
| Năm 2011 | ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như: Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất; Thực hiện giao dịch tốt nhất; Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất; Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất; Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất. |
| Năm 2012 | ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.                                                                                                                                   |
| Năm 2013 | Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS                                                                                                                                                                                                      |

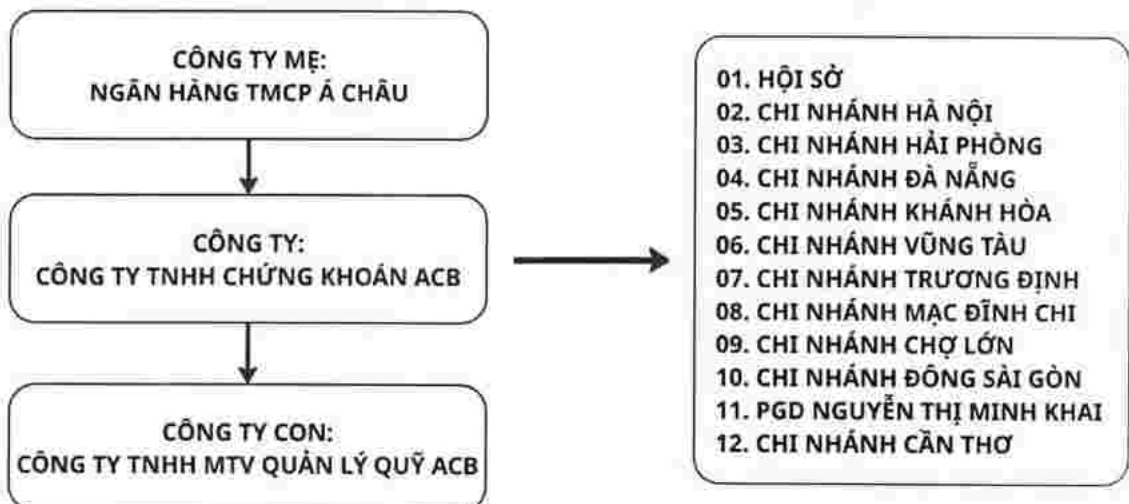


| Năm      | Cột mốc đáng nhớ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2014 | Ngày 13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. HCM. Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hải hòa, Cần trọng, Cách tân.                                                                                                                                                                                                                     |
| Năm 2015 | Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn. Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bàn, máy tính xách tay và các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.                                                                                        |
| Năm 2016 | Ngày 06/01/2016, ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng những giá trị cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhảy bèn”. Nâng cao thành công hệ thống giao dịch mới hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn; Là 1 trong 4 Công ty Chứng khoán được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền. |
| Năm 2017 | Ra mắt ứng dụng ACBS trade giúp giao dịch chứng khoán trực tuyến trên iOS và Android; Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO 2017” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM. ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu; Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng.               |
| Năm 2018 | Tiếp tục tổ chức cuộc thi ACBS Trade Pro dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Kỷ niệm 18 năm thành lập Công ty TNHH Chứng Khoán ACB. Được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX.                                                                                              |
| Năm 2019 | Ngày 20/5, ACBS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Năm 2020 | Công ty lần đầu tiên phát hành chứng quyền có bảo đảm và đạt thành công rực rỡ với lượng đăng ký đặt mua đạt hơn 50% trong đợt IPO đầu tiên.                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Năm 2021 | ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 3.000 tỷ đồng (ba nghìn tỷ đồng). Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes sử dụng công nghệ định danh điện tử eKYC.                                                                                                                                                                                                                                 |
| Năm 2022 | ACBS chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM. Nâng cấp hoàn toàn ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS SMART với giao diện hiện đại và bắt kịp xu hướng.                                                                                                                                                      |



| Năm      | Cột mốc đáng nhớ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2023 | ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 4.000 tỷ đồng (bốn nghìn tỷ đồng), đồng thời ACBS mở thêm Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi và Chi nhánh Đồng Sài Gòn. Được vinh danh là Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2023 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).                                                                                                                                                                                                                                |
| Năm 2024 | ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 7.000 tỷ đồng (bảy nghìn tỷ đồng). Triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán mới (core giao dịch); Được vinh danh là Top 10 công ty uy tín ngành tài chính năm 2024 do Vietnam Report và báo Vietnamnet bình chọn; Đạt giải Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, cấp bởi tổ chức APEA.                                                                                                                                                                                                   |
| Năm 2025 | ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 10.000 tỷ đồng (mười nghìn tỷ đồng) vào tháng 01 năm 2025 và tiếp tục tăng thêm 1.000 tỷ đồng (một nghìn tỷ đồng), đạt mốc 11.000 tỷ đồng (mười một nghìn tỷ đồng) vào tháng 04 năm 2025. Công ty đã đạt được các giải thưởng như Doanh Nghiệp Phát Triển Nhanh và Doanh Nghiệp xuất sắc Châu Á do APEA công nhận; Sản phẩm Chuyên đổi sổ tiêu biểu do Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam (VWA) và Báo Đầu Tư công nhận; Top 10 Công ty Uy tín Ngành Tài chính do Vietnam Report công nhận. |

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành



(Nguồn: ACBS)

#### Thông tin về Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức Phát hành

- Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu
  - ✓ Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM.
  - ✓ Điện thoại: 028.39290999. Fax: 028.38399885.



- ✓ Vốn điều lệ: 51.367 tỷ đồng.
- Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
  - ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM.
  - ✓ Điện thoại: 028 7300 7000. Fax: 028. 7300 3751
  - ✓ Vốn điều lệ: 11.000 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu sở hữu 100%.
- Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB
  - ✓ Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM.
  - ✓ Điện thoại: 028.62905989.
  - ✓ Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%
- Hội sở
  - ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hoà, TP. HCM
  - ✓ Số điện thoại: 028 7300 7000
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 29/06/2000
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508
- Chi Nhánh Hà Nội
  - ✓ Địa chỉ: Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
  - ✓ Số điện thoại: 024 3942 9395
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 04/01/2002
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-001
- Chi Nhánh Hải Phòng
  - ✓ Địa chỉ: Số 15 Hoàng Diệu, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
  - ✓ Số điện thoại: 022 5356 9998
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 19/10/2007
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-002
- Chi Nhánh Đà Nẵng
  - ✓ Địa chỉ: Số 218 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Đà Nẵng
  - ✓ Số điện thoại: 023 6384 3444
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-006
- Chi Nhánh Khánh Hòa



- ✓ Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- ✓ Số điện thoại: 025 8352 2762
- ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 19/04/2010
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-007
- Chi Nhánh Vũng Tàu
  - ✓ Địa chỉ: Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), Phường Vũng Tàu, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: 025 4359 7104
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-005
- Chi nhánh Trương Định
  - ✓ Địa chỉ: Số 107N Trương Định, Phường Xuân Hoà, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: 028 5404 3054
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 03/11/2008
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-012
- Chi nhánh Mạc Đình Chi
  - ✓ Địa chỉ: 41 Mạc Đình Chi, Phường Sài Gòn, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: 028 3823 4160
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 27/01/2023
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-014
- Chi nhánh Chợ Lớn
  - ✓ Địa chỉ: Số 321 - 323 Trần Phú, Phường An Đông, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: 028 3969 5548
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 15/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-011
- Chi nhánh Đông Sài Gòn
  - ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM
  - ✓ Số điện thoại: 028 7301 7933
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 08/11/2023
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-015
- Phòng Giao Dịch Minh Khai
  - ✓ Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM



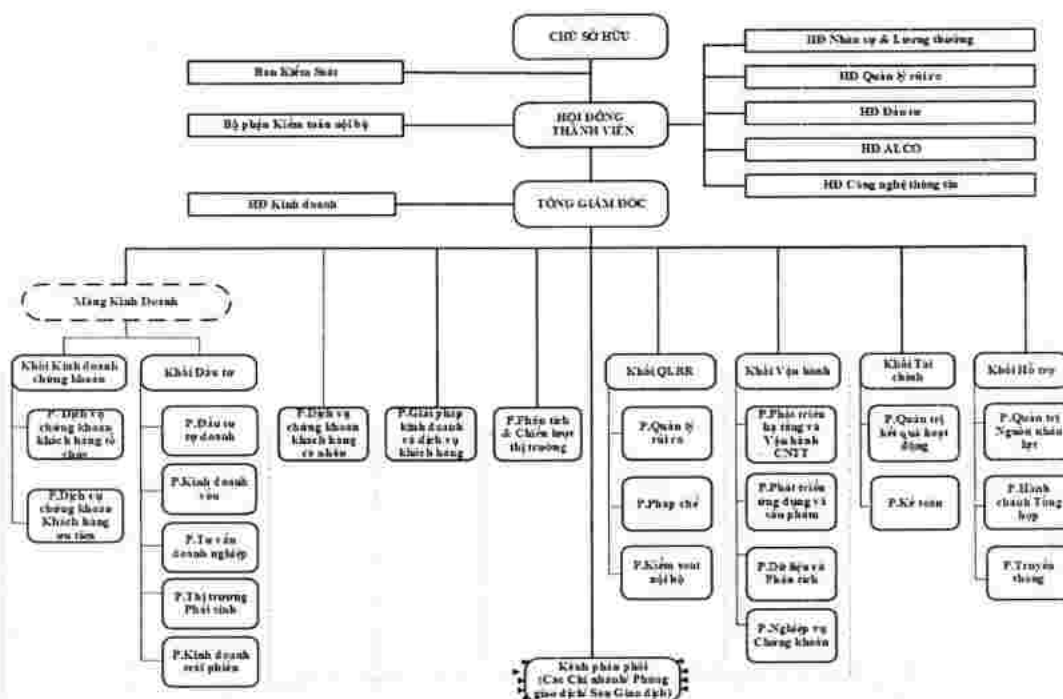
- ✓ Số điện thoại: 028 7303 1568
- ✓ Quyết định về việc chấp thuận lập phòng giao dịch công ty chứng khoán: số 232/QĐ-UBCK ngày 14/04/2010 (Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai là điểm giao dịch trực thuộc Chi nhánh Trương Định, không đăng ký hoạt động với tư cách đơn vị phụ thuộc độc lập, không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động riêng).
- Chi Nhánh Cần Thơ
  - ✓ Địa chỉ: Số 17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
  - ✓ Số điện thoại: 029 2378 3638
  - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 14/04/2010
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-004

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng thành viên.
2. Tổng Giám đốc.
3. Ban Kiểm soát.

Sơ đồ tổ chức của ACBS



(Nguồn: ACBS)



- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát hiện tại gồm 01 (một) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- **Hội đồng thành viên:**

Hội đồng thành viên hiện tại gồm 04 (bốn) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm; nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.

**Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:**

- a. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty
  - Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, Kiểm soát viên Công ty.
  - Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
  - Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
  - Thông qua báo cáo tài chính của Công ty.
  - Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.
  - Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
  - Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động của công ty theo quy định của UBCKNN.
  - Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:**

- Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như cam kết.
- Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



- b. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty để thực hiện các quyền của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan;
- c. Thiết lập một quy trình chuẩn về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Kiểm soát viên và Ban Tổng giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác để Chủ sở hữu thông qua;
- d. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ sở hữu quy định phù hợp với pháp luật.

**Các đơn vị trực thuộc Hội đồng thành viên (HĐTV):****+ Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự và lương thưởng nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của ACBS.

**+ Hội đồng quản lý rủi ro:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tại ACBS.

**+ Hội đồng đầu tư:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư tại ACBS.

**+ Hội đồng quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (Hội đồng ALCO):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV trong việc đưa ra các quyết định để duy trì bảng cân đối kế toán bền vững, đảm bảo thanh khoản hiệu quả, từ đó tối đa hóa lợi nhuận theo khẩu vị và khả năng chịu đựng rủi ro cũng như vốn tự có của ACBS.

**+ Hội đồng Công nghệ thông tin (HĐ CNTT):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV về lĩnh vực Công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực thi việc phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của ACBS trong từng thời kỳ.

**+ Bộ phận Kiểm toán nội bộ:**

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV. Bộ phận Kiểm toán nội



bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.

Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau: đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của HĐQT; kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách, quy trình nội bộ; đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh; đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; đánh giá hiệu quả của các hoạt động; đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con; kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát, Chủ sở hữu.

• **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau.

**Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc:**

+ **Hội đồng kinh doanh:**

Hội đồng kinh doanh là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định thực hiện nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng thành viên phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ.

Ngoài Hội đồng kinh doanh, các đơn vị khác được cơ cấu tổ chức phân thành như sau:

+ **Kênh phân phối** (các chi nhánh, phòng giao dịch và sản giao dịch) là trung tâm lợi nhuận, là đầu mối tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức (ngoại trừ các tổ chức định chế tài chính) để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ bao gồm thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn đầu tư, cung cấp, tư vấn sử dụng dịch vụ lưu ký, cầm cố, mua bán thỏa thuận cổ phiếu chưa niêm yết...cho khách hàng, cập nhật và cung cấp thông tin thị



trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng. Trong đó:

- ✓ Chi nhánh, Sàn giao dịch được phân công thực hiện nhiệm vụ trực tiếp kinh doanh đồng thời được ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý, vận hành, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Phòng Giao dịch (nếu có). Trong 01 Chi nhánh có thể có một hoặc nhiều Phòng Kinh doanh và Chăm sóc khách hàng thực hiện nhiệm vụ trực tiếp kinh doanh;
- ✓ Phòng Giao dịch trực thuộc Trụ sở chính hoặc Chi nhánh, thực hiện nhiệm vụ trực tiếp kinh doanh. Chịu sự quản lý trực tiếp của Trụ sở chính hoặc Chi nhánh được phân công.

**+ Khối Kinh doanh chứng khoán gồm 02 (hai) phòng:** Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng tổ chức và Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên.

- i. **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, thực hiện các nghiệp vụ môi giới tư vấn đầu tư, xử lý lệnh mua bán chứng khoán cho các khách hàng là tổ chức trong và ngoài nước, cập nhật và cung cấp các bài phân tích thông tin thị trường, thông tin giao dịch, các bài phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng.
- ii. **Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên** là đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ khách hàng ưu tiên tại Hội sở, thực hiện tư vấn, quản lý và triển khai các chính sách bán hàng, tập trung vào việc phân phối sản phẩm và phát triển phân khúc khách hàng ưu tiên nhóm khách hàng ưu tiên (bao gồm khách hàng cá nhân có giao dịch lớn...).

**+ Khối Đầu tư gồm 05 (năm) Phòng:** Phòng Tư vấn Doanh nghiệp; Phòng Đầu tư Tự doanh; Phòng Thị trường Phái sinh; Phòng Kinh doanh vốn; Phòng Kinh doanh trái phiếu.

- i. **Phòng Tư vấn Doanh nghiệp** là đơn vị kinh doanh trực thuộc Hội sở, là nơi cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến thị trường vốn, thị trường nợ, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn tại ACBS.
- ii. **Phòng Đầu tư Tự doanh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đầu tư cổ phiếu.
- iii. **Phòng Thị trường Phái sinh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh các sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm tài chính có cấu trúc.
- iv. **Phòng Kinh doanh vốn** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh vốn của Công ty trong từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận cho Công ty; quản lý tài sản Nợ - Có của Công ty theo định hướng của Hội đồng ALCO; quản lý thanh khoản của công ty nhằm đảm bảo thanh khoản phục vụ hoạt động kinh doanh và tuân thủ các quy định.
- v. **Phòng Kinh doanh trái phiếu** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở, Trực thuộc Khối Đầu tư, có chức năng sau:



- Xây dựng chiến lược, chính sách đầu tư, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu theo định hướng của ACBS trong từng thời kỳ;
- Tổ chức triển khai hoạt động đầu tư và mua trái phiếu doanh nghiệp;
- Tổ chức hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường, bao gồm chào bán, tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng tổ chức, nhằm mở rộng quy mô khách hàng và tạo doanh thu từ phí dịch vụ; định giá;
- Phân tích diễn biến thị trường tài chính, xu hướng lãi suất, tình hình tín dụng doanh nghiệp và yếu tố kinh tế vĩ mô đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và phòng ngừa rủi ro;
- Tham gia xây dựng và phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu.

+ **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân** là đơn vị quản lý, phát triển, chăm sóc khách hàng không có nhân viên thuộc các chức danh tại Kênh phân phối chăm sóc thông qua các công cụ, nền tảng trực tuyến nhằm gia tăng tài sản, giá trị giao dịch của khách hàng tại ACBS.

+ **Phòng Giải pháp kinh doanh và dịch vụ khách hàng** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong việc xây dựng và triển khai các chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, chính sách hoa hồng, quản lý hiệu quả kinh doanh tại Kênh phân phối; Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng ưu tiên, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức.

+ **Phòng Phân tích và Chiến lược thị trường** là đơn vị hỗ trợ các đơn vị kinh doanh toàn Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các báo cáo nhận định thị trường, phân tích chứng khoán, báo cáo chiến lược, khảo sát đánh giá đối thủ cạnh tranh và thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng giá trị đầu tư cho Công ty và khách hàng.

+ **Khối Quản lý Rủi ro gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản lý Rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ và Phòng Pháp chế.**

- i. Phòng Quản lý Rủi ro là đơn vị thực hiện xác định, đánh giá và giám sát rủi ro, xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro, phê duyệt cấp tín dụng, đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro, và tư vấn cho ban lãnh đạo để đưa ra các hướng giải quyết phù hợp.
- ii. Phòng Kiểm soát nội bộ là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát, giám sát, cảnh báo; bao gồm và không giới hạn ở công việc kiểm soát việc tuân thủ, kiểm soát tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy định, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các Ban/Phòng/Bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty
- iii. Phòng Pháp chế là đơn vị tham mưu và tư vấn những vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; làm đầu mối trong việc xử lý thu hồi nợ xấu bảo đảm tuân thủ theo quy định hiện hành.

+ **Khối Vận hành** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán; Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm; Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin; Phòng Dữ liệu và Phân tích.



- i. **Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** là đơn vị chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán cho tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.
  - ii. **Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc quy hoạch và xây dựng lộ trình triển khai các công việc xây dựng và phát triển công nghệ trong ACBS; phối hợp cùng các đơn vị trong ACBS để triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ việc kinh doanh hiệu quả và hỗ trợ đạt mục tiêu kinh doanh chung của ACBS; triển khai số hóa, tự động hóa và tối ưu hóa nghiệp vụ nhằm giảm thiểu công việc thủ công, hoàn thiện hơn quy trình vận hành và tăng năng suất lao động.
  - iii. **Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin** là đơn vị chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng, quản lý bảo mật, quản lý vận hành hệ thống thông tin ổn định, hoạt động liên tục và an toàn thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, các cơ quan công quyền có liên quan và ACBS; quản trị kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin nhằm đáp ứng tính ổn định, khả năng tương tác và mở rộng nhằm hỗ trợ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.
  - iv. **Phòng Dữ liệu và Phân tích** là đơn vị chịu trách nhiệm quản trị và khai thác dữ liệu, triển khai hoạt động làm giàu dữ liệu và phân tích dữ liệu nhằm đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh và doanh số của ACBS; là đầu mối cung cấp các dữ liệu, báo cáo, phân tích theo nhu cầu của các đơn vị trong ACBS.
- + **Khối Tài chính** gồm 02 (hai) Phòng: Phòng Quản trị kết quả hoạt động; Phòng Kế toán.
- i. **Phòng Quản trị kết quả hoạt động** là đơn vị chịu trách nhiệm Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thiết lập và vận hành các quy trình, hệ thống báo cáo để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; phân tích vị thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
  - ii. **Phòng Kế toán** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của Công ty, ACB và các quy định hiện hành của pháp luật; quản lý chi phí bao gồm ngân sách và hiệu quả chi phí cho Công ty.
- + **Khối Hỗ trợ** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Truyền thông.
- i. **Phòng Quản trị Nguồn nhân lực** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chiến lược quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách nhân sự, phát triển và thu hút nhân tài, quy hoạch và quản lý hiệu quả đội ngũ nhân sự, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.
  - ii. **Phòng Hành chính Tổng hợp** là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc liên quan



đến quản trị hành chính của hệ thống, công tác phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

- iii. **Phòng Truyền thông** là đơn vị tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tổ chức sự kiện của Công ty, tổ chức hoạt động truyền thông được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số, quản lý nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh Công ty.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất như sau:

**5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành**

- Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu
  - ✓ Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM.
  - ✓ Điện thoại: 028.39290999. Fax: 028.38399885.
  - ✓ Vốn điều lệ: 51.367 tỷ đồng.
  - ✓ Ngày thành lập: 24/04/1993.
  - ✓ Giấy phép thành lập: Giấy phép số 0032/NH- GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24/4/1993, và Giấy phép số 533/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/5/1993.
  - ✓ Hoạt động kinh doanh chính: lĩnh vực hoạt động ngân hàng thương mại.
  - ✓ Tỷ lệ sở hữu tại ACBS: 100%.

**5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành**

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có một (01) công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn bao gồm:

- Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB
  - ✓ Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
  - ✓ Điện thoại: 028.62905989
  - ✓ Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng
  - ✓ Ngày thành lập: 28/10/2008
  - ✓ Giấy phép hoạt động: số 41/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/10/2008
  - ✓ Hoạt động kinh doanh chính: lĩnh vực quản lý quỹ
  - ✓ Tỷ lệ sở hữu của ACBS tại công ty con: 100%

**5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành**

Không có



**5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

Không có

**6. Giới thiệu về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Các đợt tăng vốn điều lệ của ACBS tính đến ngày 31/12/2025:

**Bảng 2: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập**

| Năm tăng vốn | Giá trị tăng (VND) | Vốn điều lệ sau khi tăng (VND) | Hình thức tăng vốn           | Cơ quan chấp thuận                                                                                                                     |
|--------------|--------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2000     | 43.000.000.000     | 43.000.000.000                 | Chủ sở hữu góp vốn thành lập | - Giấy phép số 06/GPHĐKD ngày 29/06/2000 của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302030508, cấp ngày 29/06/2000 của Sở KHĐT TP. HCM. |
| Năm 2005     | 57.000.000.000     | 100.000.000.000                | Chủ sở hữu góp vốn           | Không có (UBCKNN không cấp Giấy phép điều chỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư không cấp Giấy chứng nhận ĐKDN).                              |
| Năm 2006     | 150.000.000.000    | 250.000.000.000                | Chủ sở hữu góp vốn           | Không có (UBCKNN không cấp Giấy phép điều chỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư không cấp Giấy chứng nhận ĐKDN).                              |
| Năm 2007     | 250.000.000.000    | 500.000.000.000                | Chủ sở hữu góp vốn           | Giấy phép số 71/UBCK - GPĐCCTCK ngày 06/09/2007 của UBCKNN.                                                                            |
| Năm 2008     | 500.000.000.000    | 1.000.000.000.000              | Chủ sở hữu góp vốn           | Giấy phép số 105/UBCK - GPĐCCTCK ngày 14/01/2008 của UBCKNN.                                                                           |
| Năm 2009     | 500.000.000.000    | 1.500.000.000.000              | Chủ sở hữu góp vốn           | Giấy phép số 271/UBCK - GP ngày 04/11/2009 của UBCKNN.                                                                                 |



| Năm<br>tăng vốn | Giá trị tăng<br>(VND) | Vốn điều lệ<br>sau khi tăng<br>(VND) | Hình thức<br>tăng vốn | Cơ quan chấp thuận                                                                                                                                                          |
|-----------------|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm<br>2021     | 1.500.000.000.000     | 3.000.000.000.000                    | Chủ sở hữu<br>góp vốn | - Giấy phép số 45/GPĐC-<br>UBCK ngày 21/06/2021<br>của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số<br>0302030508, cấp lần thứ 12<br>ngày 13/12/2021 của Sở<br>KHĐT TP. HCM.        |
| Năm<br>2023     | 1.000.000.000.000     | 4.000.000.000.000                    | Chủ sở hữu<br>góp vốn | - Giấy phép số 91/ GPĐC-<br>UBCK ngày 13/11/2023<br>của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số<br>0302030508, cấp lần thứ 16<br>ngày 06/12/2023 của Sở<br>KHĐT TP. HCM.       |
| Năm<br>2024     | 3.000.000.000.000     | 7.000.000.000.000                    | Chủ sở hữu<br>góp vốn | - Giấy phép số 05/GPĐC-<br>UBCK ngày 26/01/2024<br>của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số<br>0302030508, cấp lần thứ 17<br>ngày 27/02/2024 của Sở<br>KHĐT TP. HCM.        |
| Năm<br>2025     | 3.000.000.000.000     | 10.000.000.000.000                   | Chủ sở hữu<br>góp vốn | - Giấy phép số 03/GPĐC-<br>UBCK ngày 22/ 01/2025<br>của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số<br>0302030508, cấp lần thứ 18<br>ngày 11/02/2025 của Sở<br>KHĐT TP. HCM.       |
|                 | 1.000.000.000.000     | 11.000.000.000.000                   | Chủ sở hữu<br>góp vốn | - Giấy phép số 07/GPĐC –<br>UBCK ngày 04/ 04/2025<br>của UBCKNN;<br>- Giấy chứng nhận ĐKDN số<br>0302030508, cấp lần thứ 19<br>ngày 21/04/2025 của Sở<br>Tài chính TP. HCM. |

- Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

- Ý kiến của đơn vị kiểm toán về các đợt tăng vốn điều lệ: Không có

**7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành****7.1. Cổ phiếu phổ thông:** Không áp dụng (ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH)**7.2. Cổ phiếu ưu đãi:** Không áp dụng (ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH)**7.3. Các loại chứng khoán khác (tính đến ngày 24/06/2026):****7.3.1. Trái phiếu riêng lẻ***Đơn vị: Tỷ đồng*

| Mã trái phiếu | Giá trị mệnh giá | Lãi suất | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Ngày thực hiện quyền mua lại |
|---------------|------------------|----------|--------|----------------|--------------|------------------------------|
| ASS12501      | 200              | 6,5%     | 2 năm  | 18/08/2025     | 18/08/2027   | Không có                     |

**7.3.2. Chứng quyền (Loại/kiểu chứng quyền: Mua/Châu Âu)**

| STT | Tên chứng quyền<br>(Loại/kiểu:<br>Mua/Châu Âu) | Mã chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------------|----------------|----------|----------------|--------------|------------------------------|
| 1   | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87       | CHPG2604       | 10 tháng | 26/12/2025     | 26/10/2026   | 19.000.000                   |
| 2   | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88       | CMBB2604       | 10 tháng | 26/12/2025     | 26/10/2026   | 19.000.000                   |
| 3   | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89       | CMWG2604       | 10 tháng | 26/12/2025     | 26/10/2026   | 19.000.000                   |
| 4   | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90       | CSTB2604       | 10 tháng | 26/12/2025     | 26/10/2026   | 19.000.000                   |
| 5   | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91       | CTCB2601       | 10 tháng | 26/12/2025     | 26/10/2026   | 19.000.000                   |
| 6   | Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93       | CFPT2610       | 10 tháng | 15/04/2026     | 15/02/2027   | 19.000.000                   |
| 7   | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94       | CMSN2609       | 10 tháng | 15/04/2026     | 15/02/2027   | 11.000.000                   |
| 8   | Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/95       | CTPB2605       | 10 tháng | 15/04/2026     | 15/02/2027   | 11.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền<br>(Loại/kiểu:<br>Mua/Châu Âu)   | Mã<br>chứng quyền | Thời<br>hạn | Ngày<br>phát hành | Ngày<br>đáo hạn | Tổng số<br>chứng quyền<br>chào bán |
|-----|--------------------------------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-----------------|------------------------------------|
| 9   | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call/E<br>U/Cash/10M/96  | CVHM2609          | 10<br>tháng | 15/04/2026        | 15/02/2027      | 11.000.000                         |
| 10  | Chứng quyền<br>VIB/ACBS/Call/EU/<br>Cash/10M/97  | CVIB2604          | 10<br>tháng | 15/04/2026        | 15/02/2027      | 15.000.000                         |
| 11  | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call/E<br>U/Cash/10M/98  | CVNM2605          | 10<br>tháng | 15/04/2026        | 15/02/2027      | 11.000.000                         |
| 12  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/EU<br>/Cash/10M/99  | CVPB2608          | 10<br>tháng | 15/04/2026        | 15/02/2027      | 15.000.000                         |
| 13  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/EU<br>/Cash/10M/100 | CVRE2603          | 10<br>tháng | 15/04/2026        | 15/02/2027      | 11.000.000                         |

## 8. Hoạt động kinh doanh

### 8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty được chia theo cơ cấu Doanh thu gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Hoạt động kinh doanh khác: Các dịch vụ chứng khoán phái sinh, dịch vụ giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Luật Chứng khoán.

#### 8.1.1 Môi giới chứng khoán

##### Danh mục sản phẩm đầu tư phong phú

ACBS cung cấp đa dạng các sản phẩm tài chính cho khách hàng trên cùng một tài khoản từ cổ phiếu, trái phiếu đến phái sinh, chứng chỉ quỹ, chứng quyền... Nhờ đó, nhà đầu tư có thể đa dạng hóa danh mục ngay tại ACBS, tìm kiếm cơ hội ở nhiều thị trường khác nhau nhưng vẫn được quản lý tập trung.

##### Nền tảng giao dịch hiện đại, tiện lợi



ACBS đã triển khai nền tảng ACBS SMART với đầy đủ tính năng giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch mọi lúc mọi nơi trên máy tính hoặc điện thoại, giao diện thân thiện dễ sử dụng kể cả với những nhà đầu tư mới tham gia trên thị trường. Các tiện ích nâng cao như: bảng giá realtime, phân tích, cảnh báo danh mục giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian và ra quyết định chính xác hơn. Việc đồng bộ dữ liệu và tích hợp nhiều tính năng trên một ứng dụng đem lại trải nghiệm mượt mà, không cần sử dụng nhiều ứng dụng rời rạc. Nền tảng ACBS SMART liên tục được ACBS cải tiến để bắt kịp nhu cầu khách hàng, đảm bảo giao dịch nhanh và hiệu quả.

#### **An toàn và bảo mật cao**

Công ty đề cao chú trọng về tính bảo mật tài sản và thông tin khi khách hàng giao dịch tại ACBS. Với công nghệ bảo mật tiên tiến (tích hợp xác thực 2 lớp (OTP) và chữ ký số) cung cấp lớp bảo vệ vững chắc. Tính năng này giúp ngăn chặn truy cập trái phép, đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu, chống chối bỏ trách nhiệm và xác thực danh tính người dùng chính xác trong các giao dịch trực tuyến giúp cho hệ thống ACBS tuyệt đối an toàn trước các nguy cơ tấn công mạng phổ biến. Ngoài ra, sự hậu thuẫn của Ngân hàng ACB giúp ACBS có quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn bảo mật. Khách hàng được cảnh báo kịp thời về những rủi ro (ví dụ cảnh báo các website giả mạo thương hiệu) để bảo vệ tài khoản. Nhờ đó, tài sản và dữ liệu của nhà đầu tư tại ACBS luôn được giữ bảo mật tuyệt đối.

#### **Phí giao dịch cạnh tranh và nhiều ưu đãi**

Khách hàng tại ACBS được hưởng mức phí môi giới rất thấp so với mặt bằng chung, giúp giảm chi phí đầu tư về dài hạn. Đặc biệt, với khách hàng mới hoặc giao dịch online, ACBS thường có ưu đãi phí (0,1% hoặc miễn phí trong thời gian đầu). Lãi suất vay margin của ACBS cũng thuộc nhóm thấp trên thị trường giúp nhà đầu tư tối ưu hóa lợi nhuận khi sử dụng đòn bẩy. Ngoài ra, ACBS miễn nhiều loại phí dịch vụ khách như phí mở tài khoản, phí sử dụng ứng dụng... Nhìn chung, chính sách phí của ACBS rất cạnh tranh và minh bạch, mang lại lợi ích kinh tế cho khách hàng.

#### **Hỗ trợ cung cấp thông tin đầu tư**

Khách hàng ACBS được hỗ trợ thông tin một cách chuyên nghiệp. Công ty luôn cung cấp báo cáo chiến lược thị trường, báo cáo ngành, cập nhật doanh nghiệp, và khuyến nghị đầu tư định kỳ. Những tài liệu này được gửi tới khách hàng hoặc đăng tải trên hệ thống để nhà đầu tư tham khảo. Bên cạnh đó, mỗi khách hàng có thể được một môi giới chăm sóc (broker phụ trách tài khoản lớn) tư vấn danh mục, giải đáp thắc mắc về giao dịch và hỗ trợ các thủ tục. Việc được tiếp cận nguồn thông tin chất lượng và hỗ trợ từ chuyên gia giúp nhà đầu tư tại ACBS đưa ra quyết định sáng suốt hơn và cải thiện hiệu quả đầu tư.

**Kết nối ngân hàng thuận tiện**

Là công ty chứng khoán thuộc ngân hàng, ACBS mang đến lợi ích về tính tiện dụng trong thanh toán. Khách hàng ACBS có thể dễ dàng kết nối tài khoản chứng khoán với tài khoản ACB để chuyển tiền qua lại nhanh chóng. Việc nộp tiền, rút tiền diễn ra gần như tức thời, kể cả ngoài giờ hành chính nhờ hệ thống ngân hàng trực tuyến ACB One hỗ trợ 24/7. Thêm vào đó, mạng lưới chi nhánh ngân hàng ACB trên toàn quốc cũng hỗ trợ khách hàng chứng khoán (ví dụ: nộp tiền mặt vào tài khoản chứng khoán tại quầy ACB). Sự liên thông ngân hàng – chứng khoán này là một lợi ích lớn về mặt vận hành, giúp nhà đầu tư giao dịch thông suốt và quản lý vốn linh hoạt hơn.

**Năng lực tài chính và hệ thống vững mạnh**

ACBS hiện có vốn điều lệ lớn đạt 11.000 tỷ đồng và thuộc top các công ty chứng khoán có vốn mạnh nhất thị trường. Nhờ tiềm lực tài chính cao, ACBS có thể đầu tư nâng cấp công nghệ hiện đại, mở rộng hoạt động cho vay margin đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng. Công ty đã tăng vốn liên tục để nâng cấp hệ thống, mở rộng kinh doanh môi giới, đảm bảo cung cấp dịch vụ ngày càng tốt hơn. Đối với khách hàng, điều này mang lại sự yên tâm vì ACBS luôn có độ ổn định và thanh khoản cao, khả năng đáp ứng các nhu cầu giao dịch lớn. Nguy cơ về giới hạn cho vay margin hay sự cố hệ thống được giảm thiểu tối đa nhờ nguồn lực tài chính dồi dào của ACBS.

**Chăm sóc khách hàng chu đáo**

ACBS đề cao triết lý “lấy khách hàng làm trọng tâm”, do đó luôn cải thiện chất lượng dịch vụ. Khách hàng giao dịch tại ACBS được hỗ trợ bởi trung tâm dịch vụ khách hàng qua hotline 1900555533, sẵn sàng giải đáp từ thủ tục mở tài khoản, cách sử dụng hệ thống đến hỗ trợ xử lý sự cố phát sinh. Ngoài ra, ACBS duy trì các kênh thông tin như website, fanpage, email, SMS để cập nhật cho khách hàng về tin tức thị trường, thông báo sản phẩm mới, và cảnh báo cần thiết. Mọi góp ý, khiếu nại của khách hàng đều được ACBS lắng nghe và giải quyết kịp thời, thể hiện tinh chuyên nghiệp và tận tâm. Sự hài lòng của khách hàng được ACBS đặt lên hàng đầu, thể hiện qua việc công ty đạt giải thưởng về trải nghiệm khách hàng (The Most Customer Centric Securities Company 2025).

**8.1.2 Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin), tự doanh và kinh doanh nguồn vốn**

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và tự doanh của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của công ty, nhằm tăng trưởng bền vững và củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Trong hoạt động tự doanh chứng khoán, ACBS tham gia đầu tư trực tiếp vào các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính phái sinh với mục tiêu tạo ra lợi nhuận từ chênh lệch giá trị tài sản. Trong năm 2024, hoạt động này đóng góp đáng kể vào doanh thu của công ty, đặc biệt là nhờ vào lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tăng trưởng 33,9% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, ACBS cũng chú trọng vào quản lý nguồn vốn, đặc biệt là việc huy động và gia tăng vốn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi, như cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư vào các công nghệ giao dịch mới. Tính đến 31/12/2025, công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 11.000 tỷ đồng, đưa ACBS trở thành một trong những công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường. Tăng trưởng này giúp ACBS mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ, với dư nợ cho vay đạt kỷ lục lên hơn 17.340 tỷ đồng tính đến hết ngày 31/12/2025, tăng trưởng mạnh 99,6% so với đầu năm 2025. Kết thúc Quý 1/2026, dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng, đạt 19.561 tỷ đồng tăng 12,8% so với đầu năm 2026. Các bước đi chiến lược trong quản lý nguồn vốn và tự doanh chứng khoán của ACBS không chỉ giúp công ty củng cố vị thế mà còn duy trì được sức mạnh tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động kinh doanh trong tương lai.

### **8.1.3 Hoạt động ngân hàng đầu tư**

Hoạt động ngân hàng đầu tư của ACBS đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển, giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư tiếp cận các giải pháp tài chính chuyên sâu.

Với tiềm lực tài chính vững mạnh sau khi tăng vốn điều lệ lên 11.000 tỷ đồng vào đầu năm 2025, ACBS đã mở rộng danh mục dịch vụ ngân hàng đầu tư, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ lưu ký. Trong đó, ACBS cung cấp tư vấn phát hành cổ phiếu và trái phiếu, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả từ thị trường chứng khoán. Đồng thời, công ty cũng thực hiện tư vấn mua bán và sáp nhập (M&A), giúp các doanh nghiệp mở rộng hoạt động và tối ưu hóa chiến lược phát triển. Với vai trò là bên bảo lãnh phát hành chứng khoán, ACBS đảm bảo việc phân phối chứng khoán đến nhà đầu tư một cách chuyên nghiệp, góp phần tăng thanh khoản và sự minh bạch trên thị trường.

Ngoài ra, công ty cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, giúp nhà đầu tư quản lý tài sản an toàn và thuận tiện. Đặc biệt, sự hỗ trợ từ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – công ty mẹ của ACBS – đã tăng cường lợi thế cạnh tranh của công ty. Vào tháng 8/2024, ACB được cấp phép trở thành thành viên lưu ký của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, giúp ngân hàng mở rộng dịch vụ hỗ trợ tổ chức tài chính trong hoạt động đầu tư. Nhờ đó, ACBS không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng đầu tư mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị



trường tài chính Việt Nam, mang đến những cơ hội đầu tư và huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

#### 8.1.4 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của thị trường chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và theo đó tác động đến hoạt động của Công ty như các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, tình hình chính trị - xã hội, chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tâm lý nhà đầu tư.

#### 8.1.5 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

##### a. Cơ cấu doanh thu theo các mảng hoạt động kinh doanh chính

*DVT: triệu đồng*

| STT | Doanh thu theo các mảng                          | Năm 2024         | Tỷ lệ<br>đóng góp | Năm 2025         | Tỷ lệ<br>đóng góp | 31/03/2026       | Tỷ lệ<br>đóng góp |
|-----|--------------------------------------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| 1   | Hoạt động tự doanh chứng khoán (*)               | 1.084.980        | 42,81%            | 2.195.073        | 47,58%            | 617.071          | 46,03%            |
| 2   | Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 401.341          | 15,84%            | 784.560          | 17,00%            | 171.828          | 12,82%            |
| 3   | Lãi từ các khoản cho vay và phải thu             | 658.935          | 26,00%            | 1.171.229        | 25,39%            | 442.401          | 33,00%            |
| 4   | Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán         | 373.060          | 14,72%            | 440.053          | 9,54%             | 103.934          | 7,75%             |
| 5   | Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán           | 10.542           | 0,42%             | 12.647           | 0,27%             | 2.873            | 0,21%             |
| 6   | Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính             | 1.113            | 0,04%             | 3.314            | 0,07%             | 80,7             | 0,01%             |
| 7   | Thu nhập hoạt động khác                          | 4.429            | 0,17%             | 6.844            | 0,15%             | 2.292            | 0,17%             |
|     | <b>Tổng</b>                                      | <b>2.534.400</b> | <b>100,00%</b>    | <b>4.613.720</b> | <b>100,00%</b>    | <b>1.340.479</b> | <b>100,00%</b>    |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)*

*(\*) Hoạt động tự doanh chứng khoán gồm các khoản mục sau tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.*



## b. Cơ cấu lợi nhuận thuần theo các mảng hoạt động kinh doanh chính

ĐVT: triệu đồng

| STT | Lợi nhuận thuần theo các mảng                    | Năm 2024         | Tỷ lệ đóng góp | Năm 2025         | Tỷ lệ đóng góp | 31/03/2026     | Tỷ lệ đóng góp |
|-----|--------------------------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1   | Hoạt động tự doanh chứng khoán (*)               | 302.940          | 30,13%         | 395.781          | 27,50%         | 118.672        | 32,89%         |
| 2   | Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 401.341          | 39,92%         | 784.560          | 54,51%         | 171.828        | 47,62%         |
| 3   | Hoạt động cho vay và phải thu                    | 218.922          | 21,77%         | 170.297          | 11,83%         | 57.532         | 15,94%         |
| 4   | Nghiệp vụ môi giới chứng khoán                   | 83.740           | 8,33%          | 92.187           | 6,41%          | 14.434         | 4,00%          |
| 5   | Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                     | -2.438           | -0,24%         | -3.386           | -0,24%         | -1.363         | -0,38%         |
| 6   | Hoạt động tư vấn tài chính                       | -1.512           | -0,15%         | -374             | -0,03%         | -1.710         | -0,47%         |
| 7   | Hoạt động khác                                   | 2.492            | 0,25%          | 171              | 0,01%          | 1.455          | 0,40%          |
|     | <b>Tổng</b>                                      | <b>1.005.485</b> | <b>100,00%</b> | <b>1.439.236</b> | <b>100,00%</b> | <b>360.848</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

(\*) Hoạt động tự doanh chứng khoán gồm các khoản mục sau tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

## 8.2. Tài sản thuộc sở hữu Tổ chức phát hành

Bảng 3: Tình hình tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

| Tên tài sản            | 31/12/2024 |                 | 31/12/2025 |                 | 31/03/2026 |                 |
|------------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|                        | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| TSCĐ hữu hình          | 166.748    | 55.952          | 184.761    | 56.547          | 188.266    | 56.602          |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 70.323     | 29.010          | 70.323     | 25.638          | 70.323     | 24.795          |
| Máy móc thiết bị       | 2.363      | -               | 2.332      | 34              | 2.332      | 31              |
| Phương tiện vận tải    | 4.590      | 1.580           | 6.487      | 2.575           | 6.487      | 2.346           |



| Tên tài sản                   | 31/12/2024     |                 | 31/12/2025     |                 | 31/03/2026     |                 |
|-------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                               | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Nguyên giá     | Giá trị còn lại |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 83.856         | 23.163          | 99.839         | 27.039          | 103.344        | 28.377          |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 5.616          | 2.199           | 5.780          | 1.260           | 5.780          | 1.054           |
| <b>TSCĐ vô hình</b>           | <b>79.884</b>  | <b>25.875</b>   | <b>87.726</b>  | <b>25.849</b>   | <b>94.000</b>  | <b>29.673</b>   |
| Phần mềm máy vi tính          | 79.160         | 25.851          | 85.837         | 24.721          | 92.111         | 28.603          |
| TSCĐ vô hình khác             | 724            | 24              | 1.889          | 1.128           | 1.889          | 1.069           |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>246.632</b> | <b>81.827</b>   | <b>272.487</b> | <b>82.396</b>   | <b>282.266</b> | <b>86.275</b>   |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

### 8.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, ACBS chỉ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Công ty được tạo ra trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty hiện có 01 Trụ sở chính (hội sở) tại TP. Hồ Chí Minh, 1 phòng giao dịch và 10 chi nhánh trải dài khắp cả nước.

### 8.4 Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Tên Hợp đồng         | Giá trị | Thời điểm ký kết | Thời điểm thực hiện | Sản phẩm | Dịch vụ đầu vào/Đầu ra | Đối tác tham gia | Điều khoản quan trọng khác                                   |
|-----|----------------------|---------|------------------|---------------------|----------|------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | 02/2025/75220/HĐTDHM | 6.000   | 30/05/2025       | 30/05/2025          | Vay      | Dịch vụ đầu vào        | BIDV             | Thời hạn 12 tháng; có TSĐB                                   |
| 2   | 1402LAV2500/64859    | 3.000   | 03/06/2025       | 03/06/2025          | Vay      | Dịch vụ đầu vào        | EIB              | Thời hạn 13/04/2026; Tín chấp; Kỳ hạn nhận nợ tối đa 6 tháng |



|    |                              |       |            |            |                    |                 |            |                                                  |
|----|------------------------------|-------|------------|------------|--------------------|-----------------|------------|--------------------------------------------------|
| 3  | 0353/KHDN/25/HMCV            | 4.000 | 07/08/2025 | 07/08/2025 | Vay                | Dịch vụ đầu vào | VCB        | Thời hạn 12 tháng; Kỳ hạn nhận nợ tối đa 6 tháng |
| 4  | 1902-LAV-202500154           | 2.000 | 06/05/2025 | 06/05/2025 | Vay                | Dịch vụ đầu vào | Agribank   | Thời hạn 12 tháng; Kỳ hạn nhận nợ tối đa 6 tháng |
| 5  | 039/2025-HĐCVHM/NHCT926-ACBS | 2.800 | 26/06/2025 | 26/06/2025 | Vay                | Dịch vụ đầu vào | Vietinbank | Thời hạn 12 tháng; Kỳ hạn nhận nợ tối đa 6 tháng |
| 6  | 13052025/HĐTG/NHNóTT-ACBS    | 300   | 13/05/2025 | 13/05/2025 | Tiền gửi có kỳ hạn | Dịch vụ đầu ra  | Agribank   | Thời hạn 09 tháng; Chỉ gia hạn gốc               |
| 7  | 27062025/HĐTG/NHNóTT-ACBS    | 300   | 27/06/2025 | 27/06/2025 | Tiền gửi có kỳ hạn | Dịch vụ đầu ra  | Agribank   | Thời hạn 09 tháng; Chỉ gia hạn gốc               |
| 8  | 120/2024/HĐTG-ĐCTC           | 270   | 19/06/2024 | 19/06/2024 | Tiền gửi có kỳ hạn | Dịch vụ đầu ra  | BIDV       | Thời hạn 01 tháng; Chỉ gia hạn gốc               |
| 9  | 72/2025/HĐTG-ĐCTC NKKN       | 200   | 05/03/2025 | 05/03/2025 | Tiền gửi có kỳ hạn | Dịch vụ đầu ra  | BIDV       | Thời hạn 12 tháng; Chỉ gia hạn gốc               |
| 10 | 75/2025/HĐTG-ĐCTC            | 200   | 06/03/2025 | 06/03/2025 | Tiền gửi có kỳ hạn | Dịch vụ đầu ra  | BIDV       | Thời hạn 12 tháng; Chỉ gia hạn gốc               |

Các hợp đồng lớn đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

### 8.5 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

#### 8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (ACBS) hiện đang khẳng định vị thế vững chắc trong ngành chứng khoán Việt Nam, đặc biệt sau khi đạt được những bước tiến mạnh mẽ về tài chính và quy mô hoạt động.

Năm 2024, ACBS ghi nhận lợi nhuận trước thuế gần 847 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2023.



và đã nâng con số này lên 1.254 tỷ đồng vào năm 2025, thể hiện tham vọng mở rộng và duy trì tăng trưởng bền vững. Đặc biệt, việc tăng vốn điều lệ từ 7.000 tỷ đồng lên 10.000 tỷ đồng và đạt mốc 11.000 tỷ đồng ngay sau đó đã giúp ACBS trở thành một trong Top 08 công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam tính đến hết Q4/2025 (theo thống kê từ BCTC Q4/2025 của các công ty chứng khoán), giúp tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường. Uy tín của công ty cũng được khẳng định khi Vietnam Report vinh danh ACBS trong Top 10 Công ty uy tín ngành Tài chính - Chứng khoán năm 2024, phản ánh sự tin tưởng của khách hàng và nhà đầu tư đối với chất lượng dịch vụ và chiến lược phát triển của công ty. Với nền tảng tài chính vững chắc, chiến lược phát triển linh hoạt và sự công nhận từ các tổ chức uy tín, ACBS không chỉ giữ vững vị thế trong top các công ty chứng khoán hàng đầu mà còn sẵn sàng tận dụng cơ hội mới để mở rộng tầm ảnh hưởng trên thị trường tài chính Việt Nam.

Sang năm 2026, ACBS đặt kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 6.660 tỷ đồng và 1.440 tỷ đồng. Kết thúc Quý 1/2026, doanh thu thuần đạt 1.340 tỷ đồng hoàn thành 20,1% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế đạt 240 tỷ đồng hoàn thành 16,7% kế hoạch năm.

#### 8.5.2 Triển vọng của ngành

Triển vọng ngành chứng khoán Việt Nam năm 2025 được đánh giá tích cực với nhiều yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ, trong đó nổi bật nhất là ngày 07/10/2025, FTSE Russell thông báo nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ nhóm cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp, có hiệu lực từ ngày 21/9/2026. Quyết định này đánh dấu bước ngoặt chiến lược, phản ánh nỗ lực cải cách hạ tầng, cơ chế giao dịch và minh bạch thông tin của Việt Nam trong hơn bảy năm qua. Tác động kinh tế của việc nâng hạng thị trường chứng khoán dự kiến rất sâu rộng. Các ước tính từ giới phân tích quốc tế cho rằng, dòng vốn thụ động từ các quỹ chỉ số có thể đạt từ 3 đến 5 tỷ USD trong giai đoạn đầu, tùy theo tỉ trọng phân bổ. Khi Việt Nam gia nhập nhóm thị trường mới nổi thứ cấp, tính thanh khoản của thị trường chứng khoán sẽ được cải thiện rõ rệt: Tỉ lệ quay vòng vốn tăng, chi phí vốn giảm và khả năng huy động cổ phần của doanh nghiệp được mở rộng. Tác động gián tiếp lên tỷ giá hối đoái cũng đáng kể, do nhu cầu đồng nội tệ tăng khi các nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi tiền tệ để mua tài sản Việt Nam. Dòng vốn ổn định góp phần củng cố giá trị đồng Việt Nam và tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế trước biến động toàn cầu.

Các tổ chức phân tích lớn tiếp tục duy trì quan điểm lạc quan về xu hướng trung hạn của VN-Index, dựa trên triển vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp ở mức cao. Cụ thể, trong các báo cáo chiến lược năm 2026, VNDirect và SSI đều dự báo tăng trưởng EPS toàn thị trường giai đoạn 2026–2027 đạt khoảng 12–15%/năm, được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế duy trì trên mức



tiềm năng, mặt bằng lãi suất ổn định và sự phục hồi đồng đều hơn của các nhóm ngành chu kỳ. Chứng khoán KB cũng cho rằng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết sẽ tiếp tục tăng trưởng hai chữ số trong trung hạn, qua đó tạo nền tảng để VN-Index vận động trong vùng định giá cao hơn so với giai đoạn trước nâng hạng. Và theo ACBS, hai nhóm dòng tiền thụ động và chủ động sẽ cùng chảy mạnh vào Việt Nam sau khi Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi: nhóm thụ động tập trung vào rổ VN30, trong khi nhóm chủ động sẽ tìm kiếm những doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu nước ngoài cao, thanh khoản tốt và định hướng tăng trưởng dài hạn.

Tuy nhiên, thị trường vẫn đối mặt với một số rủi ro đáng lưu ý. Xu hướng bán ròng kéo dài của nhà đầu tư nước ngoài trong các năm trước cho thấy dòng vốn ngoại vẫn nhạy cảm với biến động vĩ mô toàn cầu, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn và rủi ro địa chính trị. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với cơ quan quản lý và các thành viên thị trường trong việc duy trì ổn định chính sách, nâng cấp hệ thống giao dịch, cải thiện chất lượng dịch vụ môi giới và chuẩn hóa quản trị công ty, nhằm gia tăng sức hấp dẫn của thị trường đối với dòng vốn trung và dài hạn. Nhìn chung, với sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ phía nhà nước và các công ty chứng khoán, năm 2026 được kỳ vọng sẽ là giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam, giúp nâng cao vai trò của thị trường vốn trong nền kinh tế.

Tổng kết Quý 1/2026, thị trường cổ phiếu trong giai đoạn đầu năm ghi nhận sự cải thiện về thanh khoản, trong khi điểm số điều chỉnh và quy mô thị trường giảm nhẹ; khối ngoại vẫn duy trì bán ròng dù thị trường đã được FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 9/2025 và được đánh giá khả năng cao sẽ vượt qua kết quả rà soát giữa kỳ của FTSE Russell; theo Báo cáo Bức tranh kết quả kinh doanh quý 1/2026 do FiinGroup ban hành ngày 19/05/2026, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp toàn thị trường chứng khoán trong Q1/2026 tăng trưởng 38,4% so với cùng kỳ (trong đó nhóm Phi tài chính tăng +69,3% và nhóm Tài chính tăng 13,7% so với cùng kỳ). Dù diễn biến của thị trường chưa phản ánh hết tiềm năng của thị trường nhưng nhận định chung của các tổ chức tài chính và các chuyên gia trong và ngoài nước đều có đánh giá lạc quan cho thời gian còn lại của năm 2026 với động lực đến từ các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và kế hoạch giải ngân của NĐT nước ngoài sau khi thị trường được chính thức áp dụng là thị trường mới nổi thứ cấp từ cuối Quý 3/2026.

**8.5.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.**



Định hướng phát triển của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được đánh giá là phù hợp với xu hướng chung của ngành chứng khoán, chính sách của Nhà nước cũng như các trào lưu phát triển của thị trường tài chính quốc tế.

Trong bối cảnh thị trường dòng vốn ngoại sẽ sớm quay trở lại thị trường sau khi Việt Nam chính thức được FTSE nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp; khả năng Fed tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ với các đợt cắt giảm lãi suất tiếp theo; và triển vọng lợi nhuận tích cực của các doanh nghiệp niêm yết. Tổng hòa các yếu tố này sẽ mở ra dư địa cho mở rộng định giá đáng kể và củng cố niềm tin nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán Việt Nam đặt mục tiêu nâng hạng từ cận biên lên mới nổi vào năm 2025, do đó ACBS đã tập trung phát triển đồng thời ba trụ cột chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Việc chú trọng phát triển mảng môi giới chứng khoán giúp công ty đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ nhà đầu tư, phù hợp với định hướng mở rộng quy mô thị trường của Chính phủ.

Song song đó, hoạt động tự doanh chứng khoán cho phép ACBS tận dụng các cơ hội đầu tư để gia tăng lợi nhuận, trong khi tư vấn tài chính doanh nghiệp hỗ trợ quá trình huy động vốn và tái cấu trúc doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Đặc biệt, ACBS đang đi đúng hướng với xu thế toàn cầu khi mạnh tay đầu tư vào công nghệ, triển khai hệ thống Salesforce Marketing & Google Data nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa quy trình vận hành và bắt kịp làn sóng chuyển đổi số trong ngành tài chính.

Ngoài ra, chiến lược tăng vốn điều lệ lên 11.000 tỷ đồng giúp ACBS mở rộng các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, nâng cao năng lực tài chính để đáp ứng các yêu cầu của thị trường khi được nâng hạng. Với sự đồng bộ giữa chiến lược phát triển và xu hướng thị trường, ACBS không chỉ phù hợp với định hướng chung của ngành và chính sách Nhà nước mà còn tạo ra nền tảng vững chắc để hội nhập với thị trường tài chính quốc tế, giúp công ty phát triển bền vững trong tương lai.

#### **8.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

**Quyền sở hữu trí tuệ, tên thương mại, sáng chế:** Không có

**Mẫu nhãn hiệu**

Mẫu nhãn hiệu này đã được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 519649 theo Quyết định số 519649/QĐ-SHTT ngày 19/12/2024.



### 8.7 Chiến lược kinh doanh

Để chuẩn bị cho kế hoạch tăng trưởng đến năm 2027, ngay từ đầu năm 2025 ACBS đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 11.000 tỷ đồng và phần lớn trong 3 nghìn tỷ nguồn vốn tăng thêm được ACBS tập trung đầu tư cho các hoạt động của khối dịch vụ chứng khoán bao gồm cho vay margin, đầu tư công nghệ và sản phẩm mới. Việc tăng vốn điều lệ cũng giúp ACBS tăng cường thêm nguồn lực tài chính và trở thành một trong năm công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất hiện nay.

Trong năm 2024, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở với công suất lớn và nhiều tính năng ưu việt hơn, đây sẽ là nền tảng để ACBS tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm nhằm mang đến những giá trị gia tăng cũng như trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Song song với việc đầu tư core giao dịch mới, ACBS cũng đã đầu tư rất mạnh cho công tác bảo mật, an toàn hệ thống, giúp nhà đầu tư an tâm tuyệt đối khi giao dịch tại ACBS.

Hướng tới việc nâng hạng và thị trường chứng khoán ngày càng đa dạng các phân lớp nhà đầu tư, ngay từ đầu năm 2025, ACBS cũng đã chính thức cho ra mắt 2 dịch vụ mới dành cho phân khúc Khách hàng ưu tiên và Khách hàng giao dịch chủ động. Điều này sẽ giúp ACBS đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nâng cao trải nghiệm dịch vụ trong khi vẫn đảm bảo cạnh tranh về chính sách giá và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư. Việc cho ra mắt thêm 2 loại hình dịch vụ cũng giúp ACBS hoàn thiện mô hình hoạt động của mảng dịch vụ chứng khoán và tiến gần hơn với mô hình tổ chức Khối bán lẻ của ngân hàng mẹ ACB. Đồng thời, trong năm 2025, ACBS xác định các chương trình hợp tác cùng ngân hàng mẹ ACB là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, bao gồm các sản phẩm dành đầu tư và quản lý tài sản cho nhóm khách hàng ưu tiên ACB. Đây được xem là động lực tăng trưởng lớn nhất cho mảng dịch vụ chứng khoán ACBS trong giai đoạn 2025 - 2027.

Về **hoạt động môi giới**, ACBS tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo, xây dựng khung năng lực cho đội ngũ chuyên viên và giám đốc môi giới, phấn đấu trở thành công ty chứng khoán có hiệu quả tư vấn tốt nhất và ấn tượng nhất trên thị trường.

Về **mạng khách hàng định chế**, ACBS định hướng cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho từng khách hàng tổ chức trong nước và ngoài nước. Cuối năm 2024, ACBS cũng đã triển khai sản phẩm NPF dành cho các khách hàng tổ chức nước ngoài. Với nguồn lực tài chính dồi dào, ACBS được đánh giá là một trong những đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ này cho nhà đầu tư. Bên cạnh việc phát triển khách hàng, ACBS đang nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng định chế với các dịch vụ của ACBS.



#### 8.8 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

ACBS luôn đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh có điều kiện nào. Bên cạnh đó, ACBS luôn duy trì và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

- Điều kiện về vốn: Đã đáp ứng
- Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn: Đã đáp ứng
- Điều kiện về cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn: Đã đáp ứng
- Điều kiện về cơ sở vật chất: Đã đáp ứng
- Điều kiện về nhân sự: Đã đáp ứng
- Điều kiện về Điều lệ tổ chức và hoạt động: Đã đáp ứng
- Điều kiện về hạn chế đầu tư (theo Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư 68/2024/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán): Đã đáp ứng.

ACBS luôn luôn đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành, cụ thể như sau:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                       | Năm 2024  | Năm 2025  | Q1/2026   |
|-----|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 295.023   | 370.232   | 342.045   |
| 2   | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 1.023.527 | 771.114   | 622.953   |
| 3   | Tổng giá trị rủi ro hoạt động  | 240.000   | 293.915   | 318.707   |
| 4   | Tổng giá trị rủi ro            | 1.558.550 | 1.435.262 | 1.283.704 |
| 5   | Vốn khả dụng                   | 8.800.225 | 9.637.458 | 8.700.110 |
| 6   | Tỷ lệ vốn khả dụng             | 565%      | 671%      | 678%      |

Nguồn: ACBS

**9. Thông tin về chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành**

Tại thời điểm 31/12/2025 và thời điểm ban hành Bản cáo bạch, ACBS là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu được thành lập vào năm 1993.

**Chủ sở hữu: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)**

- Năm thành lập: 1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.39290999, Fax: 028.38399885
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993 và thay đổi lần thứ 40 ngày 25/06/2024.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 19/09/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN (lần gần nhất, Quyết định số 3070/QĐ-QLGS4 ngày 11/11/2025)
- Vốn điều lệ: 51.367 tỷ đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Phát – Tổng Giám Đốc
- Người đại diện tại Tổ chức phát hành:

|                             |                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Ông Đỗ Minh Toàn:        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB</li><li>- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu</li><li>- Đại diện 40% vốn của Ngân hàng TMCP Á Châu tại ACBS</li></ul>                       |
| 2. Ông Nguyễn Đức Thái Hân: | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB</li><li>- Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Á Châu</li><li>- Đại diện 20% vốn của Ngân hàng TMCP Á Châu tại ACBS</li></ul>                 |
| 3. Ông Huỳnh Duy Sang:      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB</li><li>- Giám Đốc Khối Thị trường Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu</li><li>- Đại diện 20 % vốn của Ngân hàng TMCP Á Châu tại ACBS</li></ul> |
| 4. Ông Trịnh Bảo Quốc:      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB</li><li>- Thành viên HĐQT Độc lập Ngân hàng TMCP Á Châu</li><li>- Đại diện 20% vốn của Ngân hàng TMCP Á Châu tại ACBS</li></ul>             |



- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- ACB không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.

## 10. Thông tin thành viên HĐQT, Ban TGD và Kế toán trưởng

### 10.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên của Công ty gồm những thành viên sau:

**Bảng 4: Danh sách thành viên HĐQT**

| STT | Họ và tên               | Năm sinh | Chức vụ           |
|-----|-------------------------|----------|-------------------|
| 1   | Ông Đỗ Minh Toàn        | 1971     | Chủ tịch HĐQT     |
| 2   | Ông Nguyễn Đức Thái Hân | 1967     | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3   | Ông Trịnh Bảo Quốc      | 1971     | Thành viên HĐQT   |
| 4   | Ông Huỳnh Duy Sang      | 1984     | Thành viên HĐQT   |

*Nguồn: ACBS*

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng thành viên:

#### **Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng thành viên**

|                         |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giới tính:              | Nam                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Năm sinh:               | 1971                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Quốc tịch:              | Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                               |
| Trình độ học vấn:       | Tốt nghiệp 12/12                                                                                                                                                                                                                                       |
| Năng lực chuyên môn:    | Cử nhân Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;<br>Cử nhân Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM;<br>Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật TP.HCM;<br>Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ           |
| Quá trình công tác:     | Trợ lý Marketing - Văn phòng Đại diện Ngân hàng ING Barings<br>Nhân viên Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu<br>Phó phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu<br>Trưởng phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu<br>Giám đốc Khối KHDN - Ngân hàng TMCP Á Châu |
| - Từ năm 1993 đến 1995: |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| - Từ năm 1995 đến 1996: |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| - Từ năm 1996 đến 1998: |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| - Từ năm 1998 đến 2003: |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| - Từ năm 2003 đến 2005: |                                                                                                                                                                                                                                                        |



- Từ năm 2005 đến 2012:
- Từ tháng 08/2012 đến 01/2022:
- Từ tháng 01/2022 đến 04/2023:
- Từ tháng 09/2022 đến 06/2025:
- Từ tháng 04/2022 đến nay:
- Từ tháng 06/2022 đến nay:
- Từ tháng 09/2022 đến nay:
- Từ tháng 04/2023 đến nay:
- Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)  
 Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Huy Quân  
 Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)  
 Thành viên HĐQT - Công ty CP Vì Ngày Mai Cho Em  
 Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 Chủ tịch Hội đồng thành viên  
 Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Huy Quân  
 Thành viên HĐQT - Công ty CP Vì Ngày Mai Cho Em

Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB:

- Cá nhân ông Đỗ Minh Toàn:
- Người có liên quan của ông Đỗ Minh Toàn:

Đại diện 40% phần vốn góp của ACB tại ACBS

Lợi ích liên quan đối với ACBS:

Không có  
 Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các lợi ích nhận được:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Đỗ Minh Toàn:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao    | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|------------|--------------------|-----------|
| 2025       | 50.000.000 | 5.760.000.000      | 7.000.000 |
| Quý 1/2026 | 20.000.000 | 3.240.000.000      | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS

Không

**Ông Nguyễn Đức Thái Hân – Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1967

Quốc tịch:

Việt Nam



|                                                                                                                |                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năng lực chuyên môn:                                                                                           | Cử nhân Khoa học ngành vật lý lý thuyết - Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh                                                                                                          |
| Quá trình công tác:                                                                                            |                                                                                                                                                                                     |
| - Từ năm 1994 đến 1996:                                                                                        | Phó Phòng Đầu tư và Quan hệ quốc tế - Ngân hàng TMCP Á Châu                                                                                                                         |
| - Từ năm 1996 đến 1998:                                                                                        | Phó Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu                                                                                                                                          |
| - Từ năm 1998 đến 2003:                                                                                        | Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Á Châu                                                                                                                             |
| - Từ năm 2003 đến 2008:                                                                                        | Giám đốc Khối Ngân quỹ - Ngân hàng TMCP Á Châu                                                                                                                                      |
| - Từ tháng 05/2007 đến 08/2008:                                                                                | Giám đốc Khối Ngân quỹ kiêm Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối, Trưởng phòng Kinh doanh Vàng trực thuộc Khối Ngân quỹ kiêm Giám đốc trung tâm Giao dịch Vàng - Ngân hàng TMCP Á Châu |
| - Từ tháng 08/2008 đến 2016:                                                                                   | Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu                                                                                                                                           |
| - Từ năm 2016 đến 2017:                                                                                        | Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu kiêm Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Chứng khoán ACB                                                                        |
| - Từ năm 2017 đến 2022:                                                                                        | Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Chứng khoán ACB                                                                          |
| - Từ năm 2022 đến nay:                                                                                         | Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Chứng khoán ACB                                                                      |
| - Từ tháng 06/2025 đến nay:                                                                                    | Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)                                                                                                              |
| Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS:                                                                                 | Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên                                                                                                                                                    |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:                                                                         | Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Á Châu<br>Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)                                                                 |
| Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB:                                 |                                                                                                                                                                                     |
| - Cá nhân ông Nguyễn Đức Thái Hân:                                                                             | Đại diện 20% phần vốn góp của ACB tại ACBS                                                                                                                                          |
| - Người có liên quan của ông Nguyễn Đức Thái Hân:                                                              | Không có                                                                                                                                                                            |
| Lợi ích liên quan đối với ACBS:                                                                                | Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HDTV                                                                                                           |
| Các lợi ích nhận được:                                                                                         |                                                                                                                                                                                     |
| - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn |                                                                                                                                                                                     |



Đức Thái Hân:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến  
thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác  
theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao    | Tiền lương,<br>thưởng | Khác      |
|------------|------------|-----------------------|-----------|
| 2025       | 50.000.000 | 0                     | 7.000.000 |
| Quý 1/2026 | 20.000.000 | 0                     | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS

Không

### **Ông Trịnh Bảo Quốc – Thành viên Hội đồng thành viên**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1971

Quốc tịch:

Hoa Kỳ

Trình độ học vấn:

12/12

Năng lực chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Trường kinh doanh  
Berkeley Haas, California, Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 đến 2010:

Giám đốc - Avenue Capital Group

- Từ năm 2013 đến 2016:

Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Bất động sản Sơn  
Kim

- Từ năm 2016 đến 2023:

Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP  
Xuất nhập khẩu Việt Nam

- Từ năm 2016 đến 2023:

Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Đầu tư - Công ty  
TNHH Thiên Hương

- Từ tháng 01/2022 đến 06/2023:

Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần  
Tập đoàn KCN Việt Nam

- Từ tháng 08/2023 đến nay:

Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH  
Chứng khoán ACB

- Từ tháng 04/2023 đến nay:

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Ngân hàng  
TMCP Á Châu

- Từ tháng 06/2025 đến nay:

Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV  
Quản lý quỹ ACB (ACBC)

Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS

Thành viên Hội đồng thành viên

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Ngân hàng  
TMCP Á Châu

Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của  
người đại diện theo ủy quyền của ACB:

- Cá nhân ông Trịnh Bảo Quốc:

Đại diện 20% phần vốn góp của ACB tại ACBS

- Người có liên quan của ông Trịnh  
Bảo Quốc:

Không có



Lợi ích liên quan đối với ACBS:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các lợi ích nhận được:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn Đức Thái Hân:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao    | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|------------|--------------------|-----------|
| 2025       | 50.000.000 | 0                  | 7.000.000 |
| Quý 1/2026 | 20.000.000 | 0                  | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS

Không

#### **Ông Huỳnh Duy Sang - Thành viên Hội đồng thành viên**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1984

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ học vấn:

12/12

Năng lực chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính ngân hàng - ĐH Paris Dauphine & ESCP Europe

Quá trình công tác:

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên kinh doanh vàng Khối TTTC - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2007 đến năm 2008 : Trưởng bộ phận giám sát của Trung tâm giao dịch vàng - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2008 đến năm 2010: Phó Giám đốc của Phòng kinh doanh vàng Khối TTTC - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2010 đến năm 2013: Phó Giám đốc Trung tâm giao dịch vàng - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2013 đến năm 2017: Phó phòng của Phòng kinh doanh ngoại hối và vàng - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2017 đến năm 2020: Trưởng phòng của Phòng kinh doanh ngoại hối và vàng - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2020 đến tháng 04/2022: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Chứng khoán ACB
- Từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022: Quyền Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB
- Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Chứng



- khoản ACB
- Từ tháng 01/2022 đến nay: Giám đốc Khối Thị trường tài chính - Ngân hàng ACB
  - Từ tháng 06/2025 đến nay: Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)
- Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS: Thành viên Hội đồng thành viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Khối Thị trường tài chính – Ngân hàng ACB
- Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)
- Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB:
- Cá nhân ông Huỳnh Duy Sang: Đại diện 20% phần vốn góp của ACB tại ACBS
  - Người có liên quan của ông Huỳnh Duy Sang: Không có
- Lợi ích liên quan đối với ACBS: Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT
- Các lợi ích nhận được:
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn Đức Thái Hân: Không có
  - Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại: Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao    | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|------------|--------------------|-----------|
| 2025       | 40.000.000 | 0                  | 7.000.000 |
| Quý 1/2026 | 20.000.000 | 0                  | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS: Không

## 10.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

**Bảng 5: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên           | Năm sinh | Chức vụ                                    |
|-----|---------------------|----------|--------------------------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Đức Hoàn | 1974     | Tổng Giám đốc                              |
| 2   | Ông Võ Văn Vân      | 1978     | Phó Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

*Nguồn: ACBS*

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

**Ông Nguyễn Đức Hoàn - Tổng Giám đốc**

Giới tính: Nam  
 Năm sinh: 1974  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ học vấn: 12/12  
 Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Leicester

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 đến năm 2008: Giám đốc Ngân hàng Đầu tư - CTCP Đầu tư Tài chính Phụng Hoàng
- Từ năm 2008 đến năm 2013: Giám đốc Khối Ngân quỹ - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam
- Từ năm 2013 đến năm 2016: Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Quỹ Tín Phát
- Từ năm 2016 đến năm 2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Hàng Hải
- Từ năm 2018 đến năm 2020: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam
- Từ năm 2020 đến 06/2022: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (HDBS)
- Từ tháng 06/2022 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS: Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB: Không có

Lợi ích liên quan đối với ACBS: Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của Công ty

**Các lợi ích nhận được:**

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn Đức Thái Hân:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HDTV

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao       | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|---------------|--------------------|-----------|
| 2025       | 7.065.012.000 | 50.000.000         | 6.500.000 |
| Quý 1/2026 | 4.291.000.000 | 20.000.000         | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS:

Không

**Ông Võ Văn Vân - Kế toán trưởng**

|                                                                                |                                                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giới tính:                                                                     | Nam                                                                                                                                                                                                        |
| Năm sinh:                                                                      | 1978                                                                                                                                                                                                       |
| Quốc tịch:                                                                     | Việt Nam                                                                                                                                                                                                   |
| Trình độ học vấn:                                                              | 12/12                                                                                                                                                                                                      |
| Trình độ chuyên môn:                                                           | Cử nhân Kế toán - ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đà Nẵng                                                                                                                                                |
| Quá trình công tác:                                                            |                                                                                                                                                                                                            |
| - Từ năm 2000 đến năm 2003:                                                    | Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán và Kế toán                                                                                                                                                              |
| - Từ năm 2004 đến năm 2005:                                                    | Kế toán trưởng - Công ty CP Du Lịch Hà Nội - Hội An                                                                                                                                                        |
| - Từ năm 2005 đến năm 2007:                                                    | Nhân viên Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)                                                                                                                                                   |
| - Từ năm 2007 đến năm 2008:                                                    | Trưởng bộ phận Kiểm toán Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)                                                                                                                                        |
| - Từ năm 2010 đến năm 2013:                                                    | Phó phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)                                                                                                                                           |
| - Từ năm 2011 đến nay:                                                         | Trưởng ban kiểm soát - Công ty cổ phần phát triển và cung cấp nguồn nhân lực Á Châu (ACBH)                                                                                                                 |
| - Từ năm 2013 đến năm 2016:                                                    | Kế toán trưởng - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)                                                                                                                                                       |
| - Từ năm 2016 đến nay:                                                         | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin                                                                                                                                         |
| - Từ năm 2017 đến nay:                                                         | Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần HSH An Phát                                                                                                                                                              |
| - Từ năm 2019 đến năm 2023:                                                    | Kế toán trưởng - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)                                                                                                                                                       |
| - Từ năm 2023 đến nay:                                                         | Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)                                                                                                                           |
| Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS                                                  | Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng                                                                                                                                                                 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                                          | Trưởng ban kiểm soát - Công ty cổ phần phát triển và cung cấp nguồn nhân lực Á Châu<br>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin<br>Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần HSH An Phát |
| Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB: | Không có                                                                                                                                                                                                   |
| Lợi ích liên quan đối với ACBS:                                                | Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của Công ty                                                                                                                               |



Các lợi ích nhận được:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn Đức Thái Hân:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|---------|--------------------|-----------|
| 2025       | 0       | 1.931.498.000      | 6.500.000 |
| Quý 1/2026 | 0       | 1.147.650.000      | 500.000   |

- Các khoản nợ với ACBS

Không

### 10.3. Thông tin Kiểm soát viên

**Bảng 6: Danh sách Kiểm soát viên**

| Họ và tên        | Năm sinh | Chức vụ        |
|------------------|----------|----------------|
| Huỳnh Hiếu Nghĩa | 1964     | Kiểm soát viên |

Nguồn: ACBS

Sơ yếu lý lịch Kiểm soát viên:

#### **Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa - Kiểm soát viên**

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - ĐH Ngân hàng TP.HCM

Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/1993 đến 09/1996: Nhân viên kế toán - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ tháng 09/1996 đến 07/2002: Phó phòng kế toán - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ tháng 07/2002 đến 02/2004: Trưởng phòng Tổng hợp và khai thác dữ liệu - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ tháng 02/2004 đến nay: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2012 đến nay: Kiểm soát viên - Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Chức vụ đang nắm giữ tại ACBS: Kiểm soát viên

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Á Châu



Giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại ACBS của người đại diện theo ủy quyền của ACB:

Không có

Lợi ích liên quan đối với ACBS:

Được hưởng, thù lao thành viên BKS theo quy định của HĐQT

Các lợi ích nhận được:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ACBS và ông Nguyễn Đức

Thái Hân:

Không có

Các lợi ích khác trong năm 2025 và đến thời điểm hiện tại:

Được hưởng lương, thưởng, thù lao và phúc lợi khác theo quy định của HĐQT

Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác:

| Năm        | Thù lao    | Tiền lương, thưởng | Khác      |
|------------|------------|--------------------|-----------|
| 2025       | 50.000.000 | 192.000.000        | 7.000.000 |
| Quý 1/2026 | 20.000.000 | 108.000.000        | 500.000   |

Các khoản nợ với ACBS:

Không

#### 11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH nên không có chính sách trả cổ tức. Chủ sở hữu (Ngân hàng TMCP Á Châu) quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

#### 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, ACBS chỉ phát hành 1 đợt trái phiếu theo hình thức riêng lẻ và chưa đến kỳ thanh toán gốc.

| Mã trái phiếu | Giá trị mệnh giá | Lãi suất /năm | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Ngày thực hiện quyền mua lại |
|---------------|------------------|---------------|--------|----------------|--------------|------------------------------|
| ASS12501      | 200 tỷ           | 6,5%          | 2 năm  | 18/08/2025     | 18/08/2027   | Không mua lại                |

Tình hình thanh toán lãi (tính đến ngày 31/03/2026):

| Mã trái phiếu | Kỳ tính lãi | Giá trị lãi đã thanh toán | Ngày thanh toán |
|---------------|-------------|---------------------------|-----------------|
| ASS12501      | 1           | 6,553 tỷ                  | 23/02/2026      |

#### 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

- Cam kết thuê hoạt động:

Đvt: triệu đồng

| Tiêu chí         | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|------------------|------------|------------|------------|
| Trong vòng 1 năm | 15.260     | 14.479     | 14.404     |



|                  |               |               |               |
|------------------|---------------|---------------|---------------|
| Từ 2 đến 5 năm   | 30.495        | 16.167        | 12.585        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>45.755</b> | <b>30.645</b> | <b>26.988</b> |

Nguồn: ACBS

- Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

ACBS đã ký hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, theo đó ACBS sẽ cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định pháp luật có liên quan. Việc giải ngân tiền vay ký quỹ cho khách hàng sẽ được thực hiện vào từng thời điểm, phù hợp với quy định trong các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã ký với khách hàng.

- Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ chức phát hành:

Tính đến ngày 31/03/2026, tổng số dư nợ trái phiếu do ACBS phát hành nhưng chưa đáo hạn là: 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng). Trong đó:

- ✓ Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 đồng, chiếm 0% tổng số dư nợ trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn;
- ✓ Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng), chiếm 100% tổng số dư nợ trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn. Thông tin về trái phiếu này vui lòng tham khảo tại mục 7.3.1 phần IV.7 ở trên.

- Thông tin về các loại chứng quyền đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ chức phát hành:

Tính đến ngày 19/06/2026, tổng giá trị 13 mã chứng quyền đang lưu hành (tính theo giá phát hành) do ACBS phát hành nhưng chưa đáo hạn là: 376.900.000.000 VND (Ba trăm bảy mươi sáu tỷ chín trăm triệu đồng). Thông tin chi tiết về các chứng quyền tham khảo tại mục 7.3.2 phần IV.7

Đối với các chứng khoán chưa đáo hạn này, ACBS đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành chứng khoán; bảo đảm thanh toán đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền liên quan tới trái phiếu, thanh toán đúng hạn đối với khoản lãi của chứng quyền; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư chứng khoán và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

- 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng, tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

- 15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tổ chức phát hành cam kết về việc không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**16. Thông tin khác**

UBCKNN đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-XPHC ngày 12/09/2025 và Quyết định số 410/QĐ-XPHC ngày 12/11/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH****1. Kết quả kinh doanh****1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh****Bảng 7: Các chỉ tiêu kinh doanh chính của ACBS***Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024   | Năm 2025   | % tăng/ giảm<br>2025/2024 | 31/03/2026 |
|------------------------------------------|------------|------------|---------------------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản                     | 26.040.684 | 38.583.644 | 48,17%                    | 40.125.650 |
| Doanh thu thuần                          | 2.534.400  | 4.613.719  | 82,04%                    | 1.340.479  |
| Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh     | 846.194    | 1.253.726  | 48,16%                    | 303.257    |
| Lợi nhuận khác                           | 488        | 221        | -54,71%                   | 144        |
| Lợi nhuận trước thuế                     | 846.682    | 1.253.947  | 48,10%                    | 303.402    |
| Lợi nhuận sau thuế                       | 683.017    | 1.017.986  | 49,04%                    | 240.264    |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (*) | N/A        | N/A        | N/A                       | N/A        |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)*

**Bảng 8: Các chỉ tiêu kinh doanh chính của Công ty mẹ ACBS***Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                             | Năm 2024   | Năm 2025   | % tăng/ giảm<br>2025/2024 | 31/03/2026 |
|--------------------------------------|------------|------------|---------------------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản                 | 26.023.089 | 38.530.728 | 48,06%                    | 40.078.215 |
| Doanh thu thuần                      | 2.522.759  | 4.560.307  | 80,77%                    | 1.316.420  |
| Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh | 838.376    | 1.217.648  | 45,24%                    | 306.161    |
| Lợi nhuận khác                       | 492        | 221        | -55,08%                   | 144        |
| Lợi nhuận trước thuế                 | 838.868    | 1.217.869  | 45,18%                    | 306.306    |



| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/ giảm<br>2025/2024 | 31/03/2026 |
|------------------------------------------|----------|----------|---------------------------|------------|
| Lợi nhuận sau thuế                       | 675.907  | 986.426  | 45,94%                    | 245.031    |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (*) | N/A      | N/A      | N/A                       | N/A        |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (riêng lẻ)

(\*) ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH nên không có chỉ tiêu tỷ lệ trả cổ tức. Chủ sở hữu (Ngân hàng TMCP Á Châu) quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Các chỉ tiêu khác:

- ✓ ACBS sau khi tăng vốn lên 4.000 tỷ đồng trong năm 2023, đã tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 7.000 tỷ đồng trong năm 2024 và hoàn tất tăng vốn 2 lần lên 11.000 tỷ đồng trong năm 2025;
- ✓ Với diễn biến của thị trường chứng khoán nói chung và các điều kiện nội tại tích cực, tổng doanh thu hoạt động (TOI) của Công ty năm 2024 đạt 2.534 tỷ đồng, tăng mạnh 51,3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 683 tỷ đồng tăng 72,3% so với cùng kỳ năm 2023, với sự đóng góp lớn đến từ lãi từ khoản đầu tư HTM (đầu tư đến ngày đáo hạn) và lãi từ các khoản cho vay, phải thu tăng trưởng mạnh mẽ tăng tương ứng 111% và 91,6% so với cùng kỳ. Năm 2025 tiếp đà tăng của năm 2024, Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế năm 2025 lần lượt tăng tương ứng 82% và 49% so với cùng kỳ.
- ✓ Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của ACBS ghi nhận 38.584 tỷ đồng, gấp 1,48 lần đầu năm và xác lập kỷ lục trong lịch sử hoạt động. Trong đó, nhiều khoản mục tăng mạnh và thiết lập các cột mốc mới. Cụ thể, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản là dư nợ cho vay đạt 17.341 tỷ đồng, tăng 99,6% so với đầu năm và chiếm tỷ trọng 44,9% tổng tài sản. Dư nợ cho vay phần lớn dành cho cho vay giao dịch ký quỹ (margin). Tiếp theo là các khoản đầu tư tới ngày đáo hạn (HTM), ở mức gần 32,1%, đạt 12.390 tỷ đồng và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") có hiện tượng tăng dần trong 6 tháng cuối năm đạt 4.992 tỷ đồng chiếm 12,9% tổng tài sản.
- ✓ Kết thúc Quý 1 năm 2026, tổng tài sản hợp nhất của ACBS ghi nhận 40.126 tỷ đồng, tăng 4% so với thời điểm đầu năm và tiếp tục xác lập kỷ lục trong lịch sử hoạt động. Trong đó, nhiều khoản mục tăng mạnh và thiết lập các cột mốc mới. Cụ thể, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản là dư nợ cho vay đạt 17.341 tỷ đồng, tăng 13% so với đầu năm và chiếm tỷ trọng 49% tổng tài sản. Dư nợ cho vay phần lớn dành cho cho vay giao dịch ký quỹ (margin). Tiếp theo là các khoản đầu tư tới ngày đáo hạn (HTM), ở mức gần 30,1%, đạt 12.097 tỷ đồng và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") đạt 5.594 tỷ đồng chiếm 13,9% tổng tài sản.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

## 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán



***Các yếu tố kinh tế vĩ mô và biến động lãi suất trong và ngoài nước ảnh hưởng đến các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành***

Lãi suất thị trường là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, đặc biệt là những hoạt động kinh doanh liên quan đến cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, phát hành chứng quyền và tư vấn phát hành chứng khoán.

Với mặt bằng lãi suất tăng cao, các hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thị trường, bao gồm (i) hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu: khi thị trường biến động, nhu cầu huy động vốn của khách hàng có thể giảm sút, ảnh hưởng đến doanh thu phí tư vấn của Tổ Chức Phát Hành; (ii) các khoản đầu tư cổ phiếu, các khoản đầu tư của tự doanh: khi thị trường biến động, giá trị các khoản đầu tư này có thể giảm sút, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành; (iii) các hoạt động giao dịch ký quỹ và các nghiệp vụ khác: khi thị trường biến động, giá trị tài sản thế chấp có thể giảm sút, gây rủi ro cho Tổ Chức Phát Hành, khách hàng cũng sẽ có xu hướng giảm sử dụng các dịch vụ ký quỹ để tiết kiệm chi phí do lãi suất cao.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Trong năm 2024, bối cảnh kinh tế và địa chính trị thế giới diễn biến phức tạp như đà tăng giá của đồng USD khiến tỷ giá trong nước tăng mạnh và Ngân hàng nhà nước phải nhiều đợt phát hành tín phiếu và bán USD can thiệp... Vì vậy dù năm 2024, TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 12% với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 21.225 tỷ đồng, tăng 20,7% so với bình quân năm 2023 nhưng diễn biến thị trường kém tích cực tương phản với mức tăng trưởng kinh tế vĩ mô (với GDP cả năm tăng 7,09%), diễn biến VN-Index cũng không song hành với tăng trưởng hiệu quả của doanh nghiệp, khi lợi nhuận doanh nghiệp toàn thị trường tăng trưởng hơn 16% so với cùng kỳ... Các yếu tố đó đã ảnh hưởng đến các mảng hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Kết thúc 2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có nhiều cải thiện nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Trong khi các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn mạnh mẽ, các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với sự phục hồi chậm chạp và hiện tượng dòng vốn bị rút khỏi thị trường. Sau thời kỳ thắt chặt, xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia đã được thúc đẩy nhanh chóng, nhưng hiệu quả chưa đạt kỳ vọng do lạm phát vẫn bị chi phối bởi nhiều yếu tố phức tạp. Mặc dù vậy, Ngân hàng Thế giới dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng ổn định trở lại nhờ sự phục hồi của các nền kinh tế lớn như Mỹ và Liên minh châu Âu (EU). Điều này tạo nền tảng ổn định cho thị trường chứng khoán (TTCK) toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Bước sang năm 2025, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự phóng đạt khoảng 3,2% nhờ vào



sự phục hồi mạnh mẽ hơn kỳ vọng đến từ Mỹ và Trung Quốc. Trong khi đó, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP hơn 8% trong bối cảnh các động lực tăng trưởng trong nước giúp cân bằng các áp lực từ bên ngoài xoay quanh sự bất định về thương chiến và căng thẳng địa chính trị. Xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ trên toàn cầu tiếp tục được duy trì trong năm 2025 song dư địa đang dần thu hẹp khi tác động của chính sách thuế quan của Mỹ vẫn chưa hoàn toàn phản ánh vào bức tranh chung của lạm phát. Điều này đồng thời làm giảm khả năng mở rộng chính sách tiền tệ của Việt Nam khi định hướng chung đến từ Ngân hàng Nhà nước vẫn tập trung vào việc ổn định môi trường lãi suất trung lập và hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống liên ngân hàng. Dù vậy, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam trong năm 2025 đạt hơn 19% - cao hơn mục tiêu ban đầu là 16% cũng như tốc độ tăng trưởng 15% trong năm 2024. Do đó, thị trường chứng khoán trong nước đã có phần khởi sắc hơn trong năm 2025 với VN-Index tăng hơn 40% so với cùng kỳ và đồng thời xây dựng nền tảng cần thiết cho sự tăng trưởng trong năm 2026.

Kết thúc Quý 1 năm 2026, kinh tế thế giới chuyển sang trạng thái bất định cao hơn. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 3,1% trong năm 2026, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 1 do ảnh hưởng của xung đột trên thế giới dẫn đến đẩy giá năng lượng và chi phí logistics, bảo hiểm tăng mạnh so với dự báo; đồng thời, xu hướng bảo hộ và bất định thuế quan vẫn hiệu hữu khiến thương mại và đầu tư quốc tế trở nên khó khăn, rủi ro hơn, nguy cơ "đình lạm" (tăng trưởng giảm tốc trong khi lạm phát tăng trở lại) tăng. Xu hướng dịch chuyển dòng vốn về các tài sản an toàn; lạm phát tăng, lãi suất neo cao, USD mạnh lên khiến tỷ giá tăng tại nhiều nước, nhất là tại các nền kinh tế mới nổi, khiến dư địa nới lỏng tiền tệ thu hẹp; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, chuỗi cung ứng, an ninh mạng và thiên tai, khí hậu cực đoan vẫn thường trực...v.v. Đối mặt với những biến động trên thế giới, kinh tế Việt Nam trong Quý 1/2026 vẫn có những điểm sáng như việc chủ động ứng phó thích ứng biến động giá dầu và giá năng lượng thế giới góp phần kiểm soát lạm phát trong nước; tăng trưởng GDP Q1/2026 đạt 7,83% so với cùng kỳ, cao nhất quý 1 trong vòng 9 năm dù vẫn thấp hơn kế hoạch theo Nghị quyết 01/NQ-CP; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, chất lượng đời sống dân sinh cải thiện; tín dụng tăng cùng đà sản xuất – kinh doanh; lãi suất và tỷ giá tăng trong tầm kiểm soát. Mặc dù vậy, vẫn còn những rủi ro thách thức đến mục tiêu tăng trưởng 10% của Chính phủ; tiêu biểu có vốn FDI đăng ký bổ sung đang chậm lại (giảm 55,1% so với cùng kỳ); giải ngân đầu tư công còn chậm và chưa đồng đều (tăng 12,1%, thấp hơn so với cùng kỳ, với 29 bộ ngành và 20 địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp hơn trung bình cả nước); lãi suất huy động và cho vay tăng từ quý 4/2025 đến nay, tín dụng tăng nhanh hơn nhiều so với huy động vốn trong 5 năm gần đây tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất USD, tỷ giá và thị trường chứng khoán...Hiện NHNN



đã có những chính sách tiền tệ kịp thời để đảm bảo diễn biến của lãi suất huy động và cho vay trong nước, lạm phát và tỷ giá vẫn trong tầm kiểm soát theo kế hoạch đầu năm.

***Các chính sách liên quan đến việc phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ACBS***

Năm 2024, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) ghi nhận sự phục hồi đáng kể từ sau khi Nghị định số 08 sửa đổi Nghị định số 65 có hiệu lực từ 05/03/2023 và hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tập trung đầu tiên của Việt Nam đi vào hoạt động từ ngày 19/07/2023. Tính đến cuối năm 2025, tổng quy mô thị trường TPDN khoảng 1.367 nghìn tỷ đồng tương đương 11,9% GDP năm 2024. Trong năm, ghi nhận 518 đợt phát hành mới với tổng giá trị phát hành là 590,6 nghìn tỷ đồng tăng lần lượt 07% số lượng đợt phát hành (+32 đợt phát hành) và 26% giá trị phát hành (+122,4 nghìn tỷ đồng) so với năm 2024. Đáng chú ý, năm 2025 ghi nhận tổng giá trị trái phiếu phát hành ra quốc tế là 825 triệu USD gấp 4,5 lần so với năm 2024, bao gồm trái phiếu do Ngân hàng phát hành là 500 triệu USD và trái phiếu Bất động sản là 325 triệu USD. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp cũng được cải thiện với giá trị giao dịch tăng 29% so với năm 2024 từ mức 1.084 nghìn tỷ đồng lên 1.399 nghìn tỷ đồng. Giá trị giao dịch trung bình theo ngày đạt 5,6 nghìn tỷ đồng.

Sang năm 2025, sau những biến động lớn trong năm 2022 – 2023 liên quan đến phát hành và thanh toán gốc, lãi trái phiếu của một số doanh nghiệp, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận sự phục hồi tích cực cả về số lượng và chất lượng. Khi ghi nhận tổng mệnh giá trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi là 137,3 nghìn tỷ đồng giảm 14% so với cùng kỳ (-22,3 nghìn tỷ đồng). Tổng mệnh giá TPDN mua lại trong năm là 296,4 nghìn tỷ đồng tăng 35,8% so với cùng kỳ (+78,2 nghìn tỷ đồng).

Cũng trong năm 2025, tiếp tục quá trình hoàn thiện các chính sách cho thị trường chứng khoán, đã có nhiều quy định mới với doanh nghiệp phát hành trái phiếu được ban hành: Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 11/9/2025 đưa ra một loạt thay đổi đáng chú ý, tập trung vào việc siết chặt kỷ luật tài chính của doanh nghiệp phát hành và tăng cường tính minh bạch cho nhà đầu tư như áp đặt giới hạn tỷ lệ đòn bẩy tài chính, cải thiện về mặt thủ tục hành chính nhằm tăng tính hiệu quả và thanh khoản cho thị trường...

Bước sang năm 2026, xu hướng phục hồi của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trở nên rõ nét hơn 2025 khi chỉ riêng trong quý 1/2026, giá trị phát hành riêng lẻ tăng khoảng 2,1 lần so với cùng kỳ năm trước cho thấy niềm tin của nhà đầu tư đang dần được củng cố, đồng thời phản ánh hiệu quả của các biện pháp điều hành. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành nghị định 200/2026/NĐ-CP ngày 05/06/2026 thay thế các nghị định trước đây quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ nhằm tăng cường minh bạch, siết kỷ cương thị trường



và đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp...

***Các chính sách điều hành mới và tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam là nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của ACBS***

Năm 2024 được ghi nhận là một năm phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam với tiềm năng phát triển ấn tượng. Một số kết quả, dấu ấn có thể kể đến là (1) Sự gia tăng về quy mô của TTCK khi tổng vốn hóa thị trường đến hết năm đạt khoảng 7,2 triệu tỷ đồng, tương đương 70% GDP; (2) Số lượng tài khoản mở mới tiếp tục gia tăng khi mặt bằng lãi suất thấp và kênh đầu tư chứng khoán dần hấp dẫn và phổ cập hơn với nhiều tầng lớp nhà đầu tư – đặc biệt là thế hệ trẻ. Năm 2024, số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước tăng lên mức 9,2 triệu tài khoản chứng khoán cá nhân, tương đương khoảng 9% dân số; (3) Dòng tiền trong nước là điểm tựa vững chắc giúp TTCK Việt Nam đứng vững khi nhà đầu tư nước ngoài duy trì đà bán ròng trong xuyên suốt năm 2024 và 2025.

Thống kê đến hết tháng 12/2025, tổng giá trị bán ròng của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2025 đã lên tới 125.000 tỷ đồng, tăng gần 40% so với năm 2024. Đồng USD sụt giảm gần 10% giá trị song xu hướng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo giúp dòng vốn tiếp tục trở về thị trường Mỹ. Chỉ số S&P 500 năm 2025 đã tăng trưởng 16%, Bitcoin giảm 6,5% trong khi rủi ro địa chính trị tiếp tục khiến dòng tiền tập trung tại các nhóm tài sản trú ẩn với giá vàng thế giới tăng 64%. Mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của những yếu tố, năm 2025 tiếp tục chứng kiến tiềm năng phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam với sự đóng góp từ hoạt động mua ròng của nhà đầu tư trong nước giúp thị trường tiếp tục phục hồi ổn định; đặc biệt là sự tham gia mạnh mẽ của nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước kể từ khi Việt Nam áp dụng hệ thống KRX. Một số kết quả, dấu ấn có thể kể đến (i) Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 29.500 tỷ đồng, tăng gần 40% so với bình quân năm 2024; (ii) Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu ngày 31/12/2025 đạt gần 10 triệu tỷ đồng, tăng 34% so với cuối năm trước, tương đương 78% GDP năm 2025; (iii) Số lượng tài khoản cá nhân trong nước đạt 11,8 triệu tài khoản, tương đương khoảng 11,5% dân số.

Năm 2025 cũng đánh dấu quyết tâm đến từ Chính phủ trong việc định hình và nâng cao chất lượng của thị trường tài chính Việt Nam, tiêu biểu là Quyết định số 2014/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết hợp với Thông tư 68/2024/TT-BTC và Quyết định số 1726/QĐ-TTg về việc phê duyệt chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, điều này đã giúp hình thành định hướng phát triển thị trường tài chính theo hướng giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng thông qua các cơ chế đặc thù nhằm nâng quy mô vốn hóa của thị trường chứng khoán lên 120% GDP vào năm 2030; dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 25% GDP vào năm 2030.

Tiếp nối đà tích lũy từ năm 2024, làn sóng tăng vốn bùng nổ mạnh mẽ trong năm 2025 khi



được dẫn dắt bởi các doanh nghiệp đầu ngành chứng khoán như SSI, VNDirect, VIX cùng sự bứt phá ngoạn mục của TCBS và LPBS. Ước tính trong hai năm qua, đã có hơn 20 công ty chứng khoán tăng vốn thành công và toàn ngành đã bổ sung gần 80.000 tỷ đồng vào nguồn vốn chủ sở hữu. Điều này cho thấy sự chủ động nguồn lực để đón đầu hệ thống KRX chính thức vận hành từ tháng 05/2025, đáp ứng nhu cầu cho vay ký quỹ và đặc biệt là củng cố bộ đệm vốn theo Thông tư 68/2024/TT-BTC để phục vụ mục tiêu nâng hạng thị trường.

Thanh khoản thị trường chứng khoán trong quý 1/2026 ghi nhận xu hướng cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân đạt 35.004 tỷ đồng/phiên, tăng 19,9% so với bình quân năm trước và việc Việt Nam vượt qua kỳ đánh giá giữa kỳ của FTSE Russe vào đầu tháng 04/2026, tiến tới nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp được kỳ vọng sẽ đem lại sự tăng trưởng 20 – 30% cho thị trường trong trung hạn.

Những điều này cho thấy sự tăng trưởng ổn định của TTCK Việt Nam, tạo ra nền tảng cho sự phát triển ổn định cho các thành viên của thị trường trong đó có Tổ Chức Phát Hành.

#### 1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang nhận được nhiều kỳ vọng sẽ phát triển tốt hơn trong năm 2026 nhờ kinh tế vĩ mô tăng trưởng và các sửa đổi trong Luật Chứng khoán mới. Các chính sách tiếp tục được hoàn thiện pháp lý, hệ thống chính sách, tạo khung pháp lý đồng bộ, toàn diện giúp cho thị trường chứng khoán nói chung và thị trường trái phiếu doanh nghiệp nói riêng tăng cường tính minh bạch và cải thiện dần chất lượng trái phiếu và hoạt động phát hành ra thị trường. Tiềm năng phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ là cơ hội để Tổ Chức Phát Hành cải thiện kết quả các mảng hoạt động kinh doanh và tăng trưởng so với các năm trước đó.

Việc nâng hạng thị trường theo tiêu chuẩn quốc tế hứa hẹn thu hút dòng vốn lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài, trong bối cảnh kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao. Tuy nhiên, các thách thức như bất ổn kinh tế toàn cầu, lạm phát và xung đột địa chính trị kéo dài vẫn là rủi ro tiềm tàng, đòi hỏi chính sách điều hành linh hoạt và hiệu quả từ các cơ quan quản lý.

Rủi ro tỷ giá vẫn là một trong những yếu tố tiêu cực đối với TTCK Việt Nam trong một số thời điểm của năm 2026 khi lộ trình hạ lãi suất của FED vẫn gặp nhiều thách thức. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất có xu hướng gia tăng sẽ là một rủi ro cần phải theo dõi trong năm 2026 khi chênh lệch tăng trưởng trong hoạt động huy động và cho vay tiếp tục gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất trong nước kể từ giữa 2025. Dù tốc độ tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ giảm tốc trong năm 2026, Ngân hàng Nhà nước được dự kiến sẽ tiếp tục điều hành tỷ giá và kiểm soát lạm phát một cách linh hoạt nhằm duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, giảm chi phí vốn nợ và đầu tư bằng ngoại tệ của doanh nghiệp tại Việt



Nam.

Theo Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân ít nhất 10% cho giai đoạn 2026 – 2030; GDP bình quân đầu người đạt 8.500 USD vào năm 2030; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5%. Để đạt được mức tăng trưởng này, yếu tố then chốt là thực hiện kế hoạch giải ngân đầu tư công đúng tiến độ vào các dự án trọng điểm của Chính phủ và thực hiện điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, cân bằng giữa tăng trưởng và lạm phát. Vì vậy, đầu tư công được kỳ vọng sẽ tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2026, ngay khi các luật mới ban hành đi vào hiệu lực và kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết kỳ vọng được hưởng lợi lớn từ chiến lược này và lan tỏa sang các thành viên của thị trường trong đó có Tổ Chức Phát Hành.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### - Tình hình công nợ:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu       | Năm 2024   | Năm 2025   | % tăng giảm<br>2025/2024 | 31/03/2026 |
|-----|----------------|------------|------------|--------------------------|------------|
| 1   | Tổng dư nợ vay | 16.403.200 | 23.173.380 | 41,27%                   | 24.885.640 |
| 2   | Tổng phải thu  | 9.604.261  | 18.999.798 | 97,83%                   | 19.833.259 |
| 3   | Tổng phải trả  | 16.788.968 | 24.313.943 | 44,82%                   | 25.615.684 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

#### - Các khoản phải thu:

**Bảng 9: Các khoản phải thu hợp nhất của ACBS**

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                                 | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 31/03/2026     |
|----------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------------|
| Phải thu từ bán tài sản tài chính                        | 842.281          | 1.241.382        | 2.017          |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính | 176.159          | 419.792          | 371.579        |
| Trả trước cho người bán                                  | 4.708            | 9.024            | 10.897         |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                       | 4.955            | 6.822            | 4.746          |
| Các khoản phải thu khác                                  | 5.174            | 100.892          | 1.835          |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu             | (1.299)          | (1.343)          | (1.299)        |
| <b>Tổng các khoản phải thu</b>                           | <b>1.031.978</b> | <b>1.776.569</b> | <b>389.775</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

**Bảng 10: Các khoản phải thu của Công ty mẹ ACBS***Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                                 | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 31/03/2026     |
|----------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------------|
| Phải thu từ bán tài sản tài chính                        | 842.252          | 1.241.382        | 0              |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính | 175.471          | 404.776          | 367.687        |
| Trả trước cho người bán                                  | 4.708            | 8.732            | 10.605         |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                       | 4.955            | 6.822            | 4.746          |
| Các khoản phải thu khác                                  | 4.902            | 498              | 1.129          |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu             | (1.299)          | (1.343)          | (1.299)        |
| <b>Tổng các khoản phải thu</b>                           | <b>1.030.989</b> | <b>1.660.867</b> | <b>382.869</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (riêng lẻ)

*Các khoản phải thu quá hạn trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và tính đến thời điểm hiện tại:*

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu                          | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|-----|-----------------------------------|------------|------------|------------|
| 1   | Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm | -          | 44         | -          |
| 2   | Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm   | -          | -          | -          |
| 3   | Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm   | -          | -          | -          |
| 4   | Quá hạn trên 3 năm                | 1.299      | 1.299      | 1.299      |

*(Nguồn: ACBS)*

**Nguyên nhân quá hạn:** Khoản phải thu khó đòi chủ yếu là khoản phải thu hoạt động tư vấn (225,6 triệu đồng) và khoản phải thu hoạt động môi giới (1.073,4 triệu đồng).

**Khả năng thu hồi:** các khoản phải thu quá hạn đã được Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm đã được Công ty trích lập dự phòng 100% đồng thời Công ty vẫn tiếp tục theo dõi các khoản phải thu quá hạn trong thời gian tới.

- **Các khoản phải trả:**

**Bảng 11: Các khoản phải trả hợp nhất của ACBS***Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                       | 31/12/2024        | 31/12/2025        | 31/03/2026        |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b> | <b>16.788.955</b> | <b>24.113.929</b> | <b>24.885.640</b> |



|                                            |                   |                   |                   |
|--------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 16.403.200        | 23.173.380        | 24.885.640        |
| - Vay ngắn hạn                             | 16.403.200        | 23.173.380        | 24.885.640        |
| - Nợ thuê tài chính ngắn hạn               | -                 |                   |                   |
| Vay tài sản tài chính ngắn hạn             | -                 |                   |                   |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 171.000           | 527.141           | 337.163           |
| Phải trả người bán ngắn hạn                | 78.257            | 122.836           | 14.258            |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 60                | 60                | 60                |
| Thuế và các khoản nộp Nhà nước             | 59.822            | 188.777           | 82.460            |
| Phải trả người lao động                    | 35.038            | 37.099            | 24.769            |
| Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên     | 174               | 160               | 672               |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 34.167            | 57.655            | 59.274            |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | -                 | -                 |                   |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | -                 |                   |                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 7.237             | 6.821             | 11.375            |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | -                 |                   |                   |
| <b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>             | <b>13</b>         | <b>200.013</b>    | <b>200.013</b>    |
| Trái phiếu phát hành dài hạn               | -                 | 200.000           | 200.000           |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn           | -                 |                   |                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác  | 13                | 13                | 13                |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>16.788.968</b> | <b>24.313.942</b> | <b>25.615.684</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

**Bảng 12: Các khoản phải trả của Công ty mẹ ACBS**

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | 31/12/2024        | 31/12/2025        | 31/03/2026        |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>    | <b>16.787.812</b> | <b>24.109.025</b> | <b>25.411.482</b> |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 16.403.200        | 23.173.380        | 24.885.640        |
| - Vay ngắn hạn                    | 16.403.200        | 23.173.380        | 24.885.640        |
| - Nợ thuê tài chính ngắn hạn      | -                 | -                 |                   |



|                                            |                   |                   |                   |
|--------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vay tài sản tài chính ngắn hạn             | -                 | -                 |                   |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 171.000           | 527.141           | 337.163           |
| Phải trả người bán ngắn hạn                | 78.257            | 122.744           | 14.167            |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 60                | 60                | 60                |
| Thuế và các khoản nộp Nhà nước             | 59.487            | 186.569           | 79.537            |
| Phải trả người lao động                    | 34.346            | 34.624            | 23.735            |
| Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên     | 174               | 161               | 661               |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 34.127            | 57.531            | 59.150            |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | -                 | -                 |                   |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | -                 | -                 |                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 7.161             | 6.815             | 11.370            |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | -                 |                   |                   |
| <b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>             | <b>13</b>         | <b>200.013</b>    | <b>200.013</b>    |
| Trái phiếu phát hành dài hạn               | -                 | 200.000           | 200.000           |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn           | -                 | -                 |                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác  | 13                | 13                | 13                |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>16.787.825</b> | <b>24.309.039</b> | <b>25.611.495</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (riêng lẻ)

- **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

- ✓ ACBS không có các khoản nợ quá hạn.
- ✓ ACBS luôn thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.
- ✓ Vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết: Không có.

- **Trái phiếu chưa đáo hạn (tính đến thời điểm 31/03/2026):**

Trái phiếu do ACBS phát hành là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm, với mục đích phát hành là để thực hiện cơ cấu nợ của chính ACBS.

DVT: tỷ đồng

| STT | Mã trái phiếu | Giá trị phát hành | Lãi suất | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn |
|-----|---------------|-------------------|----------|--------|----------------|--------------|
| 1   | ASS12501      | 200               | 6,5%     | 2 năm  | 18/08/2025     | 18/08/2027   |

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Tại thời điểm 31/03/2026



Đơn vị: triệu đồng

| Các khoản phải nộp    | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|-----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
| Thuế TNDN             | 148.247            | 63.137               | 148.247            | 63.137              |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 5.057              | 8.282                | 14.488             | (1.149)             |
| Thuế Thu nhập NĐT     | 33.706             | 49.162               | 65.179             | 17.688              |
| Thuế GTGT             | 664                | 1.310                | 1.388              | 321                 |
| Các loại thuế khác    | 1.103              | 6.520                | 5.162              | 2.462               |
| <b>Tổng</b>           | <b>188.777</b>     | <b>128.412</b>       | <b>234.464</b>     | <b>82.460</b>       |

Nguồn: BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: triệu đồng

| Các khoản phải nộp    | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|-----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
| Thuế TNDN             | 33.294             | 235.911              | 120.958            | 148.247             |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 3.516              | 36.924               | 35.383             | 5.057               |
| Thuế Thu nhập NĐT     | 21.686             | 224.085              | 212.065            | 33.706              |
| Thuế GTGT             | 348                | 2.277                | 1.627              | 664                 |
| Các loại thuế khác    | 978                | 19.790               | 19.665             | 1.103               |
| <b>Tổng</b>           | <b>59.822</b>      | <b>518.987</b>       | <b>389.698</b>     | <b>188.777</b>      |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 (hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: triệu đồng

| Các khoản phải nộp    | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|-----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
| Thuế TNDN             | 18.674             | 163.606              | 148.986            | 33.294              |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 3.524              | 30.378               | 30.386             | 3.516               |
| Thuế Thu nhập NĐT     | 14.092             | 204.679              | 197.085            | 21.686              |
| Thuế GTGT             | 268                | 669                  | 345                | 348                 |
| Các loại thuế khác    | 981                | 26.199               | 26.203             | 978                 |
| <b>Tổng</b>           | <b>37.539</b>      | <b>425.531</b>       | <b>403.005</b>     | <b>59.822</b>       |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 (hợp nhất)

ACBS luôn tuân thủ và hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ về các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### - Trích lập các quỹ

ACBS thực hiện trích lập các Quỹ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều lệ, theo quy chế quản trị tài chính và theo quyết định của Hội đồng thành viên của Công ty.

**Bảng 13: Trích lập các quỹ của ACBS (hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu cuối kỳ               | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 31/03/2026     |
|--------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 147.729        | 147.729        | 147.729        |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 168.979        | 168.979        | 168.979        |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>316.708</b> | <b>316.708</b> | <b>316.708</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (hợp nhất)

**Bảng 14: Trích lập các quỹ của ACBS (riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu cuối kỳ               | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 31/03/2026     |
|--------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 147.004        | 147.004        | 147.004        |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 167.626        | 167.626        | 167.626        |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>314.630</b> | <b>314.630</b> | <b>314.630</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (riêng lẻ)

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

**Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của ACBS**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu tài chính                                       | Hợp nhất |          |            | Riêng lẻ |          |            | Ghi chú           |
|-----|----------------------------------------------------------|----------|----------|------------|----------|----------|------------|-------------------|
|     |                                                          | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |                   |
| 1   | <b>Khả năng thanh toán (lần)</b>                         |          |          |            |          |          |            |                   |
| 1.1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 1,54     | 1,58     | 1,57       | 1,53     | 1,53     | 1,53       |                   |
| 1.2 | Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn     | 1,54     | 1,58     | 1,57       | 1,53     | 1,53     | 1,53       | Không có hàng tồn |



|          | kho)/Nợ ngắn hạn) (*)                                                                         |       |       |       |       |       |       | kho                   |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-----------------------|
| <b>2</b> | <b>Cơ cấu vốn (lần)</b>                                                                       |       |       |       |       |       |       |                       |
| 2.1      | Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)                                                                   | 0,64  | 0,63  | 0,64  | 0,65  | 0,63  | 0,64  |                       |
| 2.2      | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)                                                                | 1,81  | 1,70  | 1,77  | 1,82  | 1,71  | 1,77  |                       |
| <b>3</b> | <b>Năng lực hoạt động (vòng)</b>                                                              |       |       |       |       |       |       |                       |
| 3.1      | Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/TTS bình quân)                                        | 0,13  | 0,14  | 0,03  | 0,13  | 0,14  | 0,03  |                       |
| 3.2      | Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/TTS ngắn hạn bình quân)                               | 0,14  | 0,14  | 0,03  | 0,14  | 0,14  | 0,03  |                       |
| 3.3      | Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) (*)                          | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | Không có hàng tồn kho |
| <b>4</b> | <b>Khả năng sinh lời (%; đồng)</b>                                                            |       |       |       |       |       |       |                       |
| 4.1      | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)                | 26,9% | 22,1% | 17,9% | 26,8% | 21,6% | 18,6% | ROS                   |
| 4.2      | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân)   | 3,6%  | 3,2%  | 0,6%  | 3,6%  | 3,1%  | 0,6%  | ROA                   |
| 4.3      | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân) | 9,2%  | 8,7%  | 1,7%  | 9,1%  | 8,4%  | 1,7%  | ROE                   |
| 4.4      | Thu nhập trên cổ phần (đồng) (*)                                                              | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | N/A   | Không áp dụng         |

Nguồn: ACBS

(\*): ACBS là doanh nghiệp chuyên ngành về tài chính, chứng khoán và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH nên không có hàng tồn kho và không có chỉ tiêu EPS.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

**3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành****3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành****a. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 24-01-00568-25-2 ngày 24/03/2025 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024****Ý kiến của kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

**b. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 24-01-00568-25-1 ngày 24/03/2025 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024****Ý kiến của kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

**3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành****a. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 25-01-00539-26-2 ngày 02/03/2026 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025****Ý kiến của kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền



tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

**b. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 25-01-00539-26-1 ngày 02/03/2026 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025**

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

**4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm**

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ chức phát hành: A (Ổn định)
- Tên Tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Công ty Cổ phần FinRatings, không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm:
  - + Báo cáo xếp hạng tín nhiệm lần đầu: 11/11/2025;
  - + Báo cáo xếp hạng tín nhiệm cập nhật: 11/05/2026.
- Căn cứ theo Điều 36 Nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26/09/2014 của Chính phủ, định kỳ sáu (06) tháng một lần, tổ chức xếp hạng tín nhiệm phải công bố kết quả bậc xếp hạng tín nhiệm của mỗi tổ chức được xếp hạng tín nhiệm kể từ lần đầu được xếp hạng tín nhiệm. Do đó, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện công bố thông tin kết quả cập nhật bậc xếp hạng tín nhiệm khi có kết quả từ tổ chức xếp hạng tín nhiệm.



## 5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 16: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                          | Năm 2025 | Kế hoạch 2026 | %Tăng/Giảm 2026/2025 |
|---------------------------------------------------|----------|---------------|----------------------|
| Doanh thu thuần                                   | 4.560    | 6.660         | 46.0%                |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 986      | 1.440         | 46.0%                |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | 21.6%    | 21.6%         | -                    |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 8,4%     | 9.6%          | 14.6%                |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức (*)              | N/A      | N/A           | N/A                  |

Nguồn: ACBS

(\*) ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH nên không có chỉ tiêu tỷ lệ trả cổ tức. Chủ sở hữu (Ngân hàng TMCP Á Châu) quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026:**

Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2026 đã được Hội đồng thành viên đề ra tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐTV-ACBS.26 ngày 12 tháng 02 năm 2026 trên cơ sở tình hình hoạt động chung của Công ty qua các năm, kỳ vọng tăng trưởng chung của ngành chứng khoán, cũng như đáp ứng với định hướng và các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng mẹ ACB.

- **Cơ sở để đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:**

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2024 vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, khẳng định là kênh dẫn vốn trung, dài hạn quan trọng của nền kinh tế nhưng thiếu vắng sự đột phá mạnh mẽ đủ để thúc đẩy VNINDEX thăng hoa, trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh nhất trong lịch sử TTCK Việt Nam. Động lực tăng trưởng của TTCK đến từ sự phục hồi của nền kinh tế vĩ mô trong nước cùng với các chính sách linh hoạt và hiệu quả của Chính phủ trong điều hành tỷ giá, lãi suất và quản lý thị trường bất động sản...Nhân tố cản trở với TTCK Việt Nam chính là đặc điểm tại các thị trường mới nổi, cận biên khi dòng tiền đầu tư toàn cầu rút khỏi các thị trường này về thị trường Mỹ.

Trong năm 2025, dù dự báo đầu năm nhận định nền kinh tế Việt Nam nói riêng và TTCK Việt Nam nói chung không nhận được nhiều hỗ trợ từ môi trường vĩ mô thế giới ngày càng trở nên kém ổn định. Tuy nhiên, kết thúc năm 2025 lại là một năm bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam, với VN-Index tăng trưởng mạnh mẽ (hơn 40%), thanh khoản lập



kỷ lục, và Việt Nam chính thức được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp nhờ nhiều yếu tố như kết quả kinh doanh doanh nghiệp tốt, lãi suất thấp, hệ thống KRX đi vào hoạt động, cùng sự vào cuộc của dòng tiền lớn, đặc biệt là nhóm cổ phiếu trụ. Tuy nhiên, thị trường cũng ghi nhận sự phân hóa sâu và khối ngoại bán ròng mạnh, cùng với sự phát triển đa dạng các sản phẩm mới như VN100, tài sản mã hóa, cụ thể:

- ✓ Thị trường chứng khoán lập kỷ lục về điểm số và thanh khoản: Thị trường ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc với chỉ số VN-Index tăng 41% và thiết lập đỉnh cao lịch sử mới khi có thời điểm đạt trên 1.800 điểm. Nếu tính từ đáy nhịp điều chỉnh do tác động của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, chỉ trong 8 tháng cuối năm 2025, VN-Index đã có mức tăng trưởng tới hơn 63%. Ngoài ra, thị trường năm 2025 cũng chứng kiến sự bùng nổ về thanh khoản từ sau khi Hệ thống thông tin mới đi vào vận hành hồi tháng 5. Tổng giá trị giao dịch cả 3 sản lập kỷ lục với gần 83.000 tỷ đồng trong phiên ngày 5/8/2025. Giá trị giao dịch bình quân trong năm đạt gần 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 40% so với bình quân năm trước.  
Tuy nhiên, thị trường cũng chứng kiến sự phân hóa mạnh trong các nhóm cổ phiếu, khi chỉ có 19% số cổ phiếu (79/422 mã) có mức tăng vượt trội hơn chỉ số chung, còn lại phần lớn không đạt hiệu suất tương ứng. Diễn biến này phản ánh dòng tiền tập trung mạnh vào một số nhóm dẫn dắt, thay vì lan tỏa trên diện rộng.
- ✓ Thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng - Khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới: TTCK Việt Nam được FTSE Russell công bố nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi ngày 07/10/2025, khẳng định vị thế và uy tín của TTCK Việt Nam trên bản đồ tài chính toàn cầu. Kết quả nâng hạng đã ghi nhận những nỗ lực cải cách toàn diện cả pháp lý và hạ tầng công nghệ của toàn ngành Chứng khoán, nhằm thực hiện theo chủ trương của Đảng, Nhà nước - phát triển thị trường chứng khoán minh bạch, hiện đại, hiệu quả theo các chuẩn mực quốc tế.
- ✓ Hệ thống Công nghệ thông tin mới (Hệ thống KRX) đã được vận hành thông suốt, an toàn, ổn định kể từ ngày 5/5/2025. Hệ thống thông tin mới không chỉ nâng cấp toàn diện hạ tầng công nghệ, mở rộng quy mô cho thị trường, mà còn mở đường cho các sản phẩm, dịch vụ mới sau này. Cùng với kỳ vọng nâng hạng, Hệ thống thông tin mới vận hành được đánh giá là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ của TTCK Việt Nam năm 2025.
- ✓ Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục – điểm trừ cho sự tăng trưởng và phát triển của TTCK Việt Nam 2025: nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục xu thế bán ròng tại các thị trường mới nổi, cận biên kéo dài từ năm 2024 và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Năm 2025 chứng kiến quy mô bán ròng kỷ lục lịch sử của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính cả năm, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên 136.000 tỷ đồng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại Việt Nam.



Bước sang năm 2026, là năm mang ý nghĩa rất quan trọng cho chặng đường phát triển tiếp theo của ngành Chứng khoán và TTCK Việt Nam. Trong bối cảnh, yêu cầu phát triển kinh tế đất nước, TTCK Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển theo các chuẩn mực xếp hạng thị trường cao hơn, phát huy hơn nữa vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn chủ yếu của nền kinh tế. Cơ sở của kỳ vọng này nằm ở các điểm chính sau:

- ✓ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 trên 10%. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ba trụ cột tăng trưởng chính được kỳ vọng gồm: đẩy mạnh đầu tư công, kích thích tiêu dùng nội địa và duy trì ổn định hoạt động xuất nhập khẩu cùng dòng vốn FDI chất lượng cao. Trên cơ sở đó, thị trường chứng khoán năm 2026 nhiều khả năng sẽ vận động theo hướng phân hóa rõ nét hơn, thay vì lan tỏa đồng đều. Dòng tiền có xu hướng tập trung vào các nhóm ngành gắn với động lực tăng trưởng nội tại và đóng vai trò nền tảng của nền kinh tế.
- ✓ So sánh trong khu vực, chỉ số đánh giá mối quan hệ giữa giá thị trường của cổ phiếu với thu nhập trên một cổ phiếu (P/E) dự phóng năm 2026 của thị trường Việt Nam vào khoảng 15,7 lần, tương đương Thái Lan và thấp hơn đáng kể so với Indonesia hay Nhật Bản. Điều này phản ánh thực tế rằng, thị trường Việt Nam đã bước ra khỏi vùng “rẻ tương đối”, đồng nghĩa dư địa tăng trưởng trong giai đoạn tới sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng lợi nhuận và hiệu quả phân bổ vốn, thay vì kỳ vọng tái định giá mang tính đại trà.
- ✓ Kỳ vọng lớn nhất đối với dòng vốn ngoại đến từ câu chuyện nâng hạng của thị trường chứng khoán. Theo lộ trình, đầu tháng 04/2026 Việt Nam đã vượt qua kỳ đánh giá trung gian của FTSE Russe, mở ra khả năng Việt Nam chính thức được công nhận là thị trường mới nổi. Tháng 9/2026, FTSE sẽ công bố cụ thể tỷ trọng và danh mục cổ phiếu Việt Nam trong rổ chỉ số, trước khi các quỹ ETF tiến hành tái cơ cấu vào tháng 11. Việc nâng hạng thị trường được kỳ vọng có thể mang lại dòng vốn từ 1-2 tỷ USD từ các quỹ thụ động, cùng với 5-6 tỷ USD từ các quỹ chủ động, hứa hẹn trở thành cú hích quan trọng cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn tới.
- ✓ ACBS với nhiều kinh nghiệm cung cấp các dịch vụ trong ngành chứng khoán tất nhiên có nhiều lợi thế để tận dụng sự phát triển của ngành chứng khoán trong năm 2025 bằng các nhóm giải pháp cụ thể trung và dài hạn cho sự phát triển bền vững của từng mảng kinh doanh.
- ✓ Chiến lược tăng trưởng vốn mạnh mẽ giai đoạn 2023 – 2027 từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay lãi suất ưu đãi để giữ vững vị thế tại các mảng kinh doanh cốt lõi và mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng, thúc đẩy số dư cho vay ký quỹ và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư chứng khoán;
- ✓ Xúc tiến triển khai các sản phẩm liên quan đến dịch vụ ngân hàng đầu tư: triển khai phân phối trái phiếu doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa danh mục đầu tư



của nhà đầu tư trên triển vọng thu nhập chung của Việt Nam tăng dần; các hoạt động IPO và M&A sẽ được chú trọng để đón đầu dòng vốn ngoại quay lại thị trường trong bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều điều kiện thuận lợi hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước hấp dẫn, thu hút dòng vốn quốc tế;

- ✓ Thu nhập từ hoạt động tự doanh được dự báo tích cực nhờ giá trị danh mục đầu tư tăng thêm bởi với các yếu tố trong và ngoài nước hỗ trợ cho sự tăng trưởng của VNIndex trong năm 2026.

- **Đánh giá của Tổ chức tư vấn và Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:**  
Không có

#### **6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo**

ACBS hiện chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới. Kế hoạch chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm sẽ được Hội đồng thành viên ACBS thông qua từng năm.

### **VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của ACBS. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của ACBS.

#### **1. Tên trái phiếu**

Tên Trái phiếu: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026.

*Tên trái phiếu cụ thể của từng đợt tương ứng là: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 ([Đợt x])*

**Trong đó:** x là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng.

#### **2. Loại trái phiếu**

##### **2.1. Loại trái phiếu**

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo.

##### **2.2. Đặc điểm của trái phiếu:**

Trái phiếu do ACBS phát hành có một số đặc điểm như dưới đây:

- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực



tiếp, không được đảm bảo.

- Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với ACBS hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

### 3. Mệnh giá

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu.

### 4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán:

- Tổng số lượng trái phiếu chào bán: **30.000.000** (ba mươi triệu) trái phiếu.
- Số đợt phát hành: **03 (ba)** đợt, số lượng trái phiếu dự kiến chào bán của từng đợt như sau:

| Đợt phát hành    | Số lượng trái phiếu | Giá trị trái phiếu (tỷ đồng) | Thời điểm phát hành dự kiến               |
|------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------------------|
| 1                | 10.000.000          | 1.000                        | Từ tháng 07/2026                          |
| 2                | 10.000.000          | 1.000                        | Từ tháng 08/2026 (sau khi kết thúc đợt 1) |
| 3                | 10.000.000          | 1.000                        | Từ Quý 4/2026 (sau khi kết thúc đợt 2)    |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>30.000.000</b>   | <b>3.000</b>                 |                                           |

Trường hợp trái phiếu chưa phát hành hết trong mỗi đợt, số lượng Trái phiếu còn lại chưa bán hết sẽ được hủy.

Thời gian chào bán của từng đợt phát hành không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt phát hành sau với đợt phát hành trước không quá 12 tháng.

Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành của từng đợt, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành Đợt 1:

| Ký hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | Kỳ hạn |
|--------------------|-----------------------|--------|
| ACBS-1.1           | 3.000.000             | 1 năm  |
| ACBS-2.1           | 3.000.000             | 2 năm  |
| ACBS-3.1           | 4.000.000             | 3 năm  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>10.000.000</b>     |        |



- Trái phiếu phát hành Đợt 2:

| Ký hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | Kỳ hạn |
|--------------------|-----------------------|--------|
| ACBS-1.2           | 3.000.000             | 1 năm  |
| ACBS-2.2           | 3.000.000             | 2 năm  |
| ACBS-3.2           | 4.000.000             | 3 năm  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>10.000.000</b>     |        |

- Trái phiếu phát hành Đợt 3:

| ý hiệu trái phiếu | Số lượng (trái phiếu) | Kỳ hạn |
|-------------------|-----------------------|--------|
| ACBS-1.3          | 3.000.000             | 1 năm  |
| ACBS-2.3          | 3.000.000             | 2 năm  |
| ACBS-3.3          | 4.000.000             | 3 năm  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>10.000.000</b>     |        |

**5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành và số đợt phát hành dự kiến**

- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 (ba nghìn tỷ) đồng.
- Giá trị trái phiếu dự kiến chào bán của từng đợt theo mệnh giá và giá trị trái phiếu dự kiến chào bán của từng đợt theo mệnh giá trên vốn chủ sở hữu:

| Đợt phát hành | Số lượng trái phiếu | Mệnh giá trái phiếu (VNĐ) | Giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (tỷ đồng) | Giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá trên vốn chủ sở hữu 2025 |
|---------------|---------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1             | 10.000.000          | 100.000                   | 1.000                                               | 7,03%                                                              |
| 2             | 10.000.000          | 100.000                   | 1.000                                               | 7,03%                                                              |
| 3             | 10.000.000          | 100.000                   | 1.000                                               | 7,03%                                                              |

**6. Kỳ hạn trái phiếu**

| Nhóm trái phiếu | Đợt phát hành |          |          | Kỳ hạn (năm) |
|-----------------|---------------|----------|----------|--------------|
|                 | Đợt 1         | Đợt 2    | Đợt 3    |              |
| Nhóm 1 năm      | ACBS-1.1      | ACBS-1.2 | ACBS-1.3 | 1            |



|            |          |          |          |   |
|------------|----------|----------|----------|---|
| Nhóm 2 năm | ACBS-2.1 | ACBS-2.2 | ACBS-2.3 | 2 |
| Nhóm 3 năm | ACBS-3.1 | ACBS-3.2 | ACBS-3.3 | 3 |

## 7. Lãi suất

### 7.1. Lãi suất đợt 1, đợt 2 và đợt 3 (dự kiến)

- **Phương thức lãi suất áp dụng:** Lãi suất cố định.
- **Nguyên tắc để xác định mức lãi suất cố định:** được căn cứ theo Lãi suất tham chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức:

$$\text{Mức Lãi suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + \text{Biên độ lãi suất.}$$

Trong đó, biên độ lãi suất trái phiếu áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu (dự kiến) như sau:

| Nhóm trái phiếu | Đợt phát hành |          |          | Biên độ lãi suất (%) |
|-----------------|---------------|----------|----------|----------------------|
|                 | Đợt 1         | Đợt 2    | Đợt 3    |                      |
| Nhóm 1 năm      | ACBS-1.1      | ACBS-1.2 | ACBS-1.3 | 2,3                  |
| Nhóm 2 năm      | ACBS-2.1      | ACBS-2.2 | ACBS-2.3 | 2,5                  |
| Nhóm 3 năm      | ACBS-3.1      | ACBS-3.2 | ACBS-3.3 | 2,7                  |

### Chú thích:

- ✓ **Lãi Suất Tham Chiếu:** là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là "Ngân hàng Tham Chiếu").
- ✓ **Biên độ lãi suất:** là tỷ lệ phần trăm trên một năm, được cộng thêm cùng với Lãi Suất Tham Chiếu.
- ✓ **Ngày Xác Định Lãi Suất:** được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi đợt phát hành (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu).
- **Mức lãi suất cụ thể:** Tổng Giám đốc công bố mức lãi suất cụ thể theo Ngày Xác Định Lãi Suất (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu).

### 7.2. Xác định tiền lãi trái phiếu

Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo lãi suất quy định tại Điểm 13.1 nêu trên cho giai đoạn từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

- Tiền lãi được tính cho số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trên cơ sở một năm có 365



ngày. Tiền lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \text{Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác, trừ khi vào ngày đó tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất Trái Phiếu đang áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác, kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận được khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán (sau đây gọi là "**Lãi Quá Hạn**"). Lãi Quá Hạn sẽ được tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} &\text{Tiền lãi được hưởng cho khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán (Lãi Quá Hạn)} \\ &= \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái phiếu bị chậm thanh toán} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times 150\% \times \text{Số ngày thực tế bị chậm thanh toán}}{365} \end{aligned}$$

- Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt} = \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times 150\% \times \text{Số ngày quá hạn trả lãi Trái Phiếu/365} \times \text{Số dư lãi Trái Phiếu chậm trả}}$$

- Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày làm việc tiếp



theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

#### **8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu**

- Lãi được trả sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần.
- Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần từ Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác.
- Gốc được trả một lần khi đến hạn hoặc ngày đến hạn thanh toán khác. Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu phù hợp với quy định hiện hành.
- ACBS gửi đến VSDC hồ sơ thực hiện quyền và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành để thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái phiếu.

#### **9. Giá chào bán**

100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu.

#### **10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động**

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Các Trái phiếu chào bán cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

#### **11. Quyền và Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

##### **11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

**Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:**

- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) sẽ là người chủ sở hữu duy nhất của Các Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.
- Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu và các khoản thanh toán khác có liên quan (nếu có) đến Trái Phiếu.



- Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển quyền sở hữu (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái phiếu làm tài sản đảm bảo phù hợp với các quy định tại các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Mỗi Người sở hữu sẽ được Tổ Chức Phát Hành cấp duy nhất (01) giấy chứng nhận cho toàn bộ Trái phiếu mà người đó sở hữu và được ghi trong Sổ đăng ký trái phiếu;
- Các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc VSDC, tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu (nếu có).
- Quyền có tổ chức đại diện: Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng Khoán KAFI làm Đại diện người sở hữu trái phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Quyền nhận thông tin: Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định tại Bản Cáo Bạch này.
- Toàn quyền quyết định và có thể tự thực hiện các thủ tục để lưu ký Trái Phiếu do mình nắm giữ.
- Các quyền khác có liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu: Không có.**

#### **11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;
- Không làm giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu; không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;



- Lập tức thông báo cho Tổ Chức Phát Hành nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện thông tin Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị lỗi hoặc có sai sót; Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại hoặc mất mát gây ra khi không lập tức thông báo cho Tổ Chức Phát Hành.
- Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó.
- Đăng ký các thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông tin về tài khoản nhận thanh toán liên quan đến Trái Phiếu và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ thay đổi thông tin nào đã cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành phù hợp với thời hạn quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu, hoặc quy định của pháp luật có liên quan. Để tránh hiểu nhầm, trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu không kịp cung cấp thông tin thay đổi trong thời hạn quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu thì trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác, Tổ Chức Phát hành thực hiện việc chuyển tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các thông tin đã được đăng ký với Tổ Chức Phát Hành. Việc chuyển tiền thanh toán của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp này không bị xem là chậm thanh toán và không phải chịu lãi chậm trả như quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc đăng ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán theo các quy định hiện hành.
- Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái phiếu, và quy định của pháp luật.

## **12. Đại diện người sở hữu trái phiếu**

- Tên đại diện người sở hữu trái phiếu: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI



- Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo hợp đồng số 01/2026/ĐDNSHTP ngày 10/03/2026 với Tổ Chức Phát Hành.
- ✓ Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các quyền lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- ✓ Làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác (nếu có).
- ✓ Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan (nếu có) thực hiện các quyết định của Người sở hữu trái phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhân danh làm đại diện.

*Để làm rõ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:*

- Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước Tổ Chức Phát Hành/Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
  - Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nào hoặc quyết định, văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức quản lý có thẩm quyền hay quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán.
- ✓ Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để đảm bảo các quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.

*Để làm rõ, việc giám sát của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện trên cơ sở hồ sơ nhận được từ Tổ Chức Phát Hành, và những thông tin trong các hồ sơ nêu trên sẽ mặc nhiên được coi là chính xác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có nghĩa vụ kiểm tra, xác minh về tính xác thực của những hồ sơ đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin do mình cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kỳ sai sót nào xảy ra đối với những hồ sơ do mình cung cấp, dù là vô ý hay cố ý.*

- ✓ Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- ✓ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật (nếu có).

### **13. Cam kết về bảo đảm**

Không có.

**14. Việc mua lại trái phiếu trước hạn**

ACBS không thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn.

**15. Phương thức phân phối**

Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu thông qua Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS.

**- Trách nhiệm của ACBS khi trực tiếp phân phối trái phiếu**

- ✓ Chuyên tài liệu cần thiết liên quan tới việc chào bán Trái Phiếu cho Nhà đầu tư trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và phương án phát hành Trái Phiếu.
- ✓ Nhận đăng ký đặt mua Trái Phiếu từ Nhà đầu tư thông qua Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS.
- ✓ Phân bổ số lượng trái phiếu được mua tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng trái phiếu được phép chào bán.
- ✓ Thực hiện các công việc khác cần thiết để bảo đảm thành công của đợt chào bán, phân phối Trái Phiếu.

**16. Đăng ký mua trái phiếu****16.1. Số lượng đăng ký mua tối thiểu**

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100.000 (một trăm nghìn) trái phiếu hoặc bội số của 100.000 (một trăm nghìn) Trái phiếu.
- Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000.000 (một triệu) trái phiếu hoặc bội số của 1.000.000 (một triệu) trái phiếu.

**16.2. Thời hạn đăng ký mua**

Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái phiếu chào bán tối thiểu là 20 (Hai mươi ngày).

**16.3. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua trái phiếu**

- Trái phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà đầu tư sẽ đăng ký mua tại Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành. Việc đăng ký mua Trái phiếu của Nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà đầu tư đã hoàn thiện Đơn đăng ký mua Trái phiếu (có xác nhận của Tổ Chức Phát Hành) và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn tại bản Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành; thời gian tối thiểu để Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 ngày kể từ ngày công



bổ bản Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu: theo công bố của Tổ Chức Phát Hành tại bản Thông báo phát hành.
- Trường hợp tổng số lượng Trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà đầu tư. Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, đồng thời tổng số lượng Trái phiếu phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái phiếu đăng ký chào bán.
- ✓ Trường hợp số lượng Trái phiếu phân bổ cho một Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu thì Nhà đầu tư đó vẫn được mua theo đúng số lượng Trái phiếu được phân bổ. Số tiền Nhà đầu tư nộp thừa tiền mua Trái phiếu sẽ được chuyển trả theo quy định tại mục 16.4 dưới đây.
- ✓ Trường hợp đối với số lượng Trái phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), thì số Trái phiếu còn dư này sẽ được hủy bỏ và không thực hiện chào bán.

#### 16.4. Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa.

#### 17. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu được áp dụng cho tất cả các đợt chào bán, cụ thể như sau:

| STT | Nội Dung                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời Gian Dự Kiến                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng (đối với chào bán lần đầu)</li> <li>- UBCKNN có công văn về việc nhận được đầy đủ hồ sơ chào bán (đối với chào bán các đợt tiếp theo trong cùng phương án)</li> </ul> | T                                |
| 2   | Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu                                                                                                                                                                                                                          | Từ T đến T+3                     |
| 3   | Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu                                                                                                                                                                                                                                    | T+3 đến T+23 (tối thiểu 20 ngày) |



|   |                                                                                                                    |                                                               |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| - | Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến                                             | T+3                                                           |
| - | Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến                                           | T+23                                                          |
| 4 | Ngày Phát Hành                                                                                                     | T+23                                                          |
| 5 | Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán | Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán    |
| 6 | UBCKNN có công văn về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả chào bán ACBS                                 |                                                               |
| 7 | Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa                                                             |                                                               |
| 8 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu cho nhà đầu tư                                                         | Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán |

**Lưu ý:**

Lịch trình phân phối Trái Phiếu của từng đợt cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng/văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu (đối với Đợt 2, Đợt 3).

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản cáo bạch này (nếu có). Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết. Việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Sau khi kết thúc Đợt 2 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 3, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư



so với Bản cáo bạch này (nếu có). Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết. Việc chào bán Trái Phiếu Đợt 3 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán Đợt 3 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 3 ra công chúng.

Thời gian chào bán của từng đợt chào bán không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

**18. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu**

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TPHCM
- Tên tổ chức (tên Tài khoản): Công ty TNHH Chứng khoán ACB
- Số tài khoản: 8660006995

**19. Các loại thuế có liên quan**

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

**19.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành, thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế và sẽ được khấu trừ thuế theo các mức thuế suất được áp dụng như sau:

- Mức thuế suất **5%** được áp dụng đối với thu nhập từ lãi trái phiếu;
- Mức thuế suất **0,1%** được áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu.

**19.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp**

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng như sau:



- Mức thuế suất **15%, 17%, hoặc 20%** được áp dụng là tùy thuộc vào tổng doanh thu năm của doanh nghiệp, hoặc;
- Mức thuế suất từ **25% đến 50%** được áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, thăm dò và khai thác tài nguyên quý hiếm.

Việc ACBS xác định khấu trừ và nộp thuế TNDN trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC cho các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu và chi phí, việc khấu trừ thuế theo các mức thuế suất được áp dụng như sau:

- Mức thuế suất **5%** được áp dụng đối với thu nhập từ lãi trái phiếu;
- Mức thuế suất **0,1%** được áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu.

## **20. Thông tin về các cam kết**

### **20.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện chào bán, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư**

- Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với nhà đầu tư sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác liên quan đến Trái Phiếu, phù hợp với Bản cáo bạch đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:
- Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán trên 30 tỷ đồng, tính theo giá trị ghi sổ trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Hội đồng thành viên của Tổ Chức Phát Hành thông qua;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của các đợt chào bán, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát



hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

- Có cam kết của Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành
- Có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật hiện hành
- Thực hiện thanh toán tiền Lãi và Gốc của Trái phiếu đầy đủ theo quy định;
- Đảm bảo cho nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình theo Trái phiếu, trong đó có quyền như: chuyển quyền sở hữu, cầm cố, và sử dụng Trái phiếu làm tài sản đảm bảo, cầm cố hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của Pháp luật có liên quan;
- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích và theo Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **20.2.Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán**

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, ACBS sẽ thực hiện niêm yết Các Trái phiếu và hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng. Cụ thể:
  - + Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được văn bản thông báo của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán, ACBS sẽ hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Các Trái phiếu theo văn bản thông báo và quy chế niêm yết của HNX.
  - + ACBS sẽ bổ sung hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong vòng 07 ngày kể từ ngày HNX có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có);
  - + Thời gian niêm yết cụ thể Các Trái phiếu sẽ tùy thuộc vào thời gian thẩm định của HNX.
- ACBS sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **20.3.Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán (nếu có)**

Không có.

### **VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

ACBS thực hiện phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán), phù hợp với quy định của pháp luật.

**Cơ sở để ACBS lựa chọn mục đích phát hành**

- Kết thúc năm 2025, hiệu quả đầu tư của hoạt động tự doanh có sự chuyển biến rõ rệt trong năm 2025 khi so sánh với năm 2024 ở các thông số sau:
  - ✓ Trong cơ cấu tài sản của ACBS, tài sản tài chính ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng khoảng 99% tổng tài sản. Trong đó, giá trị các tài sản tài chính và đầu tư của hoạt động tự doanh chiếm tỷ trọng khoảng 56% trong năm 2024 và khoảng 45% khi kết thúc năm 2025 trong tổng tài sản.
  - ✓ Trong cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động kinh doanh chính của ACBS, doanh thu từ hoạt động tự doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và đang có xu hướng tăng dần; từ mức 1.084 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 43% trong năm 2024, tăng lên 2.190 tỷ đồng chiếm 48% khi kết thúc năm 2025.
- Từ các thông số trên cho thấy tính hiệu quả của hoạt động tự doanh của ACBS khi tốc độ tăng trưởng doanh thu của hoạt động tự doanh đều cao hơn tốc độ tăng trưởng tài sản của hạng mục đầu tư tương ứng. Với kế hoạch trong năm 2026, ACBS dự kiến gia tăng quy mô tổng tài sản lên 48.710 tỷ đồng nhằm gia tăng đầu tư hoạt động giao dịch kỳ quỹ, kinh doanh vốn và đẩy mạnh hoạt động tự doanh chứng khoán nhằm hướng đến mục tiêu doanh thu đạt 6.660 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.800 tỷ đồng. Do đó, bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn huy động từ các Tổ chức tín dụng cũng như các nguồn vốn hợp pháp khác, ACBS cần huy động thêm nguồn vốn từ phát hành trái phiếu nhằm đa dạng hóa nguồn tài chính cho Công ty và để đạt được kế hoạch kinh doanh 2026.
- Nhu cầu nguồn vốn cần tăng thêm và nhu cầu huy động vốn từ phát hành trái phiếu trong năm 2026 được thể hiện theo bảng dưới đây:

| STT | Chỉ tiêu                                                                                                | Quý 1 | Quý 2 | Quý 3 | Quý 4 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1   | <b>Nhu cầu vốn tăng thêm năm 2026 (tỷ đồng), trong đó:</b>                                              | 1.118 | 3.010 | 3.487 | 2.564 |
|     | <i>Đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán (bao gồm kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền)</i> | 904   | 1.029 | 1.942 | 1.427 |
| 2   | <b>Nhu cầu phát hành trái phiếu ra công chúng (tỷ đồng), trong đó:</b>                                  | -     | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
|     | <i>Đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán (bao gồm kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền)</i> | -     | 1.000 | 1.000 | 1.000 |



- ACBS đảm bảo tuân thủ tất cả các điều kiện phát hành trái phiếu ra công chúng cho nhiều đợt, trong đó đảm bảo tổng mệnh giá trái phiếu dự kiến phát hành từng đợt không lớn hơn vốn chủ sở hữu theo các BCTC kỳ gần nhất.

## VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu

ACBS dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán), cụ thể như sau:

| Đợt phát hành    | Mục đích sử dụng vốn                                                          | Số tiền (tỷ đồng) | Tiến độ sử dụng vốn dự kiến |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|
| <b>Đợt 1</b>     | Bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán) | 1.000             | Từ tháng 07/2026            |
| <b>Đợt 2</b>     | Bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán) | 1.000             | Từ tháng 08/2026            |
| <b>Đợt 3</b>     | Bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán) | 1.000             | Từ Quý 4/2026               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                               | <b>3.000</b>      |                             |

Số tiền và tiến độ sử dụng vốn phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công và nhu cầu kinh doanh cụ thể theo từng thời kỳ do Tổng Giám đốc quyết định theo mục đích sử dụng vốn đã được HĐQT phê duyệt.

Trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, ACBS có thể sử dụng và bố trí nguồn thông qua các phương thức khác, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của ACBS.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời như sau: trong thời gian chưa sử dụng hết, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán trái phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để gửi tiết kiệm (thông qua các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng) và/hoặc đầu tư giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu.

Toàn bộ nguồn vốn dự kiến huy động thông qua phát hành trái phiếu của ACBS là để đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán, với kỳ vọng đạt mục tiêu tăng trưởng theo định hướng chung của Ngân hàng mẹ ACB. Hoạt động tự doanh đóng vai trò như một công cụ chiến lược để doanh nghiệp chứng khoán tận dụng các cơ hội đầu tư trong bối cảnh chính sách hỗ trợ và kỳ vọng thị trường, qua đó tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Nguồn vốn dự kiến huy động từ 3 Đợt phát hành được sử dụng toàn bộ 100% vào hoạt động tự doanh chứng khoán trên cơ sở kỳ vọng



thị trường dựa vào một số yếu tố phân tích và nhận định như sau:

- *Thị trường Chứng khoán Việt Nam đã được FTSE Russell đánh giá là đáp ứng các tiêu chí nâng hạng thị trường và dự kiến Việt Nam sẽ được chính thức nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp vào khoảng tháng 9/2026.*
- *Việt Nam hướng đến mục tiêu đạt chuẩn MSCI vào năm 2030, qua đó thể hiện năng lực điều hành kinh tế vĩ mô ổn định và tiến đến hội nhập tài chính toàn cầu.*
- *Việc được nâng hạng thị trường sẽ là bước đệm quan trọng để Việt Nam từng bước cải thiện và mở rộng các cơ chế, chính sách nhằm tăng tính hấp dẫn cho môi trường đầu tư và thu hút nguồn vốn của các nhà đầu tư nước ngoài.*
- *Chính phủ đã đặt mục tiêu biến thị trường chứng khoán trở thành kênh huy động vốn trung – dài hạn quan trọng theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, với các mục tiêu cụ thể đạt được đến năm 2030 như: quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 120% GDP; Dự nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 58% GDP (trong đó dự nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 25% GDP); Thị trường chứng khoán phải sinh tăng trưởng trung bình khoảng 20% - 30% mỗi năm.*
- *Chính sách kinh tế tiếp tục được điều hành theo hướng hỗ trợ tăng trưởng bền vững, với nền tảng vĩ mô khá ổn định, thanh khoản được cải thiện để từng bước phát triển thị trường vốn. Đặc biệt, các chính sách thúc đẩy đầu tư công, tháo gỡ các nút thắt về tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước cũng như tạo động lực và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân đã được Bộ Chính trị quan tâm và thông qua tại các Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025 và số 79-NQ/TW năm 2026.*

## **2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán Trái Phiếu**

### **2.1. Nguồn trả nợ**

#### **2.1.1. Nguồn trả nợ từ các hoạt động kinh doanh**

ACBS dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán), với tổng giá trị sử dụng là 3.000 tỷ đồng, được chia thành 3 đợt trong năm 2026.

Theo đó, nguồn thu được từ các hoạt động kinh doanh (dựa theo tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng), sẽ được sử dụng để thanh toán gốc, lãi Trái phiếu cho các nhà đầu tư.

**Nguồn trả nợ** được dự kiến trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ việc sử dụng hiệu quả nguồn tiền theo từng đợt phát hành tương ứng, cụ thể như sau:

- **Nguồn trả nợ dự kiến khi sử dụng tiền từ việc phát hành Đợt 1**

Nguồn trả nợ dự kiến Đợt 1, với các thông số giả định như sau:



- ✓ Lãi suất trái phiếu dự kiến: 8,4%.
- ✓ Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm.
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ việc sử dụng nguồn vốn trái phiếu: 11,4%.
- ✓ Thời gian sử dụng vốn: 3 năm.

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Kỳ sử dụng (*)   | Số tiền sử dụng trong kỳ | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng (%/năm) (*) | Lợi nhuận dự kiến mỗi kỳ | Vốn gốc thu hồi trong kỳ | Gốc + Lợi nhuận dự kiến |
|------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1                | 1.000                    | 11,4%                                 | 114                      | -                        | 114                     |
| 2                | 1.000                    | 11,4%                                 | 114                      | -                        | 114                     |
| 3                | 1.000                    | 11,4%                                 | 114                      | 1.000                    | 1.114                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                          |                                       | <b>342</b>               | <b>1.000</b>             | <b>1.342</b>            |

- **Nguồn trả nợ dự kiến khi sử dụng tiền từ việc phát hành Đợt 2 trở đi**

Nguồn trả nợ dự kiến từ Đợt 2 trở đi, được tính theo nguyên tắc tương tự như nguồn trả nợ cho Đợt 1, như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Sử dụng theo Đợt phát hành | Số Kỳ sử dụng (*) | Số tiền sử dụng trong kỳ | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng (%/năm) (*) | Lợi nhuận dự kiến mỗi kỳ | Vốn gốc thu hồi trong mỗi kỳ | Gốc + Lợi nhuận dự kiến |
|----------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------|
| 2                          | 3                 | 1.000                    | 11,4%                                 | 114                      | -                            | 1.342                   |
| 3                          | 3                 | 1.000                    | 11,4%                                 | 114                      | -                            | 1.342                   |

### 2.1.2. Nguồn trả nợ từ các nguồn khác

Bên cạnh nguồn trả nợ từ các hoạt động kinh doanh, ACBS sẽ sử dụng thêm các nguồn khác để đảm bảo nguồn trả nợ trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn như sau: nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn lợi nhuận tích lũy và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### 2.2. Kế hoạch trả nợ

Theo kế hoạch kinh doanh của ACBS, tiền thu từ các hoạt động của ACBS sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái phiếu đang dự kiến chào bán.

ACBS dự kiến phát hành với tổng giá trị (tính theo mệnh giá) là 3.000 tỷ đồng, được chia thành 3 đợt trong năm 2026. Do đó, kế hoạch trả nợ của ACBS dự kiến trên cơ sở số dư nợ được phát



hành theo từng đợt tương ứng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch trả nợ dự kiến theo giá trị phát hành đợt 1 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Kỳ thanh toán (*) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (*) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + Lãi phải trả dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|----------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1                 | 8,4%                                   | 1.000        | 84                   | -                    | 84                         | 1.000         |
| 2                 | 8,4%                                   | 1.000        | 84                   | -                    | 84                         | 1.000         |
| 3                 | 8,4%                                   | 1.000        | 84                   | 1.000                | 1.084                      | 0             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |                                        |              |                      | <b>1.000</b>         | <b>1.252</b>               | <b>0</b>      |

- Kế hoạch trả nợ dự kiến theo giá trị phát hành từ đợt 2 trở đi

Kế hoạch trả nợ dự kiến từ Đợt 2 trở đi, được tính theo nguyên tắc tương tự như kế hoạch trả nợ cho Đợt 1, như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Đợt phát hành | Kỳ hạn (năm) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (*) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến mỗi kỳ | Vốn gốc trả cuối kỳ | Gốc + Lãi phải trả dự kiến |
|---------------|--------------|----------------------------------------|--------------|-----------------------------|---------------------|----------------------------|
| 2             | 3            | 8,4%                                   | 1.000        | 84                          | 1.000               | 1.252                      |
| 3             | 3            | 8,4%                                   | 1.000        | 84                          | 1.000               | 1.252                      |

**(\*) Ghi chú:**

*Kế hoạch trả nợ vốn trên được xây dựng dựa trên các giả định dự kiến như sau:*

- Dự kiến lãi suất trái phiếu của đợt phát hành giữ nguyên là 8,4%/năm và được giữ nguyên trong quá trình lưu hành Trái phiếu, tương ứng với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng thu được từ việc sử dụng nguồn tiền của đợt phát hành, được giữ nguyên trong suốt quá trình là 11,4%/năm;
- Dự kiến tiến độ sử dụng vốn và giá trị phát hành Trái phiếu đều thực hiện đúng kế hoạch theo phương án phát hành đã được phê duyệt;
- Dự kiến không phát sinh việc mua lại trái phiếu trước hạn trong thời gian lưu hành Trái phiếu, tương ứng với dự kiến không phát sinh những trở ngại từ hoạt động kinh doanh khi sử dụng nguồn tiền đã phát hành;
- Dự kiến kỳ thanh toán là tròn năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



**IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. Tổ chức kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH KPMG**

- Địa chỉ chi nhánh TPHCM: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267.
- Website: [www.kpmg.com/vn](http://www.kpmg.com/vn).

**2. Đại diện người sở hữu trái phiếu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI**

- Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 7102 9898 Fax: (028) 3999 1198.
- Website: [www.kafi.vn](http://www.kafi.vn).

**3. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu**

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) – CHI NHÁNH NAM KỶ KHÔI NGHĨA**

- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3821 8813.
- Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn).

**4. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm**

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIIN RATING**

- Địa chỉ: Tầng 10, toà nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 3562 6962
- Website: [www.fiintrade.vn](http://www.fiintrade.vn).

**5. Tổ chức tư vấn/Tổ chức bảo lãnh phát hành/Đại lý phát hành**

Không có.

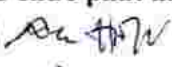
**6. Ý kiến của Tổ chức tư vấn/Tổ chức bảo lãnh phát hành và các chuyên gia về đợt chào bán**

Không có

**X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.



XI. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức phát hành (Chủ tịch Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Kế toán trưởng)  

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**ACBS**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



ĐỖ MINH TOÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HOÀN

 KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÕ VĂN VÂN 



**XII. PHỤ LỤC**

1. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán: số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302030508 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/06/2000 và thay đổi theo các lần điều chỉnh;
3. Nghị quyết số 18/NQ-HĐTV-ACBS.26 ngày 10/03/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB về việc phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ phát hành trái phiếu ra công chúng lần 1 năm 2026;
4. Điều lệ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2026 tự lập (riêng lẻ và hợp nhất);
6. Văn bản số của Tổ Chức Phát Hành về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư;
7. Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu giữa Tổ Chức Phát Hành với Đại diện người sở hữu trái phiếu.
8. Báo cáo xếp hạng tín nhiệm Tổ chức phát hành lần đầu: Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) do Công ty Cổ phần FiiRatings công bố ngày 11 tháng 11 năm 2025.
9. Báo cáo xếp hạng tín nhiệm Tổ chức phát hành cập nhật Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) do Công ty Cổ phần FiiRatings công bố ngày 11 tháng 05 năm 2026.